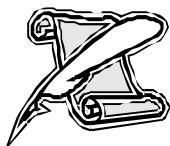


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 225 - Năm thứ 21, tháng 05-2008

Nguy cơ thiếu đói lại ló dạng

Hàng triệu gia đình Việt Nam đang khổn khổ. Bữa cơm gia đình bị đe dọa. Sự thiếu đói đang có nguy cơ lan rộng. Cái gì đã xảy ra ?

Đúng là thế giới đang có vấn đề lương thực nghiêm trọng. Nhiều chuyên gia đã báo động về một nguy cơ khủng hoảng lớn. Giá gạo và lúa mì trên thị trường thế giới đã tăng 130% trong vòng một năm, gần 60% riêng trong bốn tháng đầu năm 2008 ; giá mọi loại lương thực đều tăng vọt ; tổ chức Chương Trình Thực Phẩm Thế Giới (World Food Program - WFP) đòi khẩn cấp thêm 500 triệu USD để có thể tiếp tục trợ giúp các nước thiếu ăn ; Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc đồng thanh lên tiếng cảnh giác rằng cuộc khủng hoảng lương thực có thể gây thiệt hại cho các nước Châu Á hơn cả cuộc khủng hoảng tín dụng subprime tại Mỹ ; biểu tình phản đối giá thực phẩm tăng vọt đã diễn ra tại nhiều nước Châu Phi, Indonesia, Ấn Độ và Bangladesh.

Tình trạng này có nhiều nguyên nhân. Phần đầu tư cho nông nghiệp đã liên tục sút giảm tại các nước phát triển từ hơn ba thập niên qua, tại Châu Âu nông dân còn bị bắt buộc phải bỏ hoang một số đất nếu muốn được tài trợ. Người ta nghĩ là thế giới có quá nhiều thực phẩm. Mặt khác tất cả các nước phát triển đều tài trợ để giữ giá thực phẩm thấp một cách giả tạo. Nhưng dần dần hai sự kiện quan trọng đã làm thay đổi tình trạng lương thực trên thế giới. Một mặt, với tăng trưởng kinh tế của nhiều nước, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ, một khối người đông đảo ra khỏi cảnh thiếu đói và tiêu thụ nhiều hơn ; so với hai thập niên trước trung bình mỗi ngày thế giới phải cung cấp thêm từ hai đến ba tỷ bữa ăn. Mặt khác sự khan hiếm dầu lửa đã khiến số lượng ruộng chuyển từ trồng cây lương thực sang trồng cây cung cấp dầu thực vật liên tục gia tăng. Các kho lương thực dự trữ với dần và từ năm 2006 giá thực phẩm bắt đầu nhích lên một cách đều đặn và liên tục. Cuối cùng cái gì phải đến đã đến : dầu cơ đã làm giá thực phẩm tăng vọt.

Khủng hoảng thực phẩm bao giờ cũng là khủng hoảng nguy

hiểm và bi thảm nhất. Nó rất dễ đưa tới nạn đói và bạo loạn, những người không còn gì để ăn thì cũng chẳng còn gì để mất. Cái đói hạ giá trị con người xuống ngang hàng với bát gạo, củ khoai và làm các giá trị nền tảng của xã hội mất hết ý nghĩa. Một nạn đói bao giờ cũng để lại những vết thương khó hàn gắn với những hậu quả nghiêm trọng. Nạn đói năm Ất Dậu 1945 đã làm tan vỡ tình dân tộc, đẩy sự ghen tức giàu nghèo đến cực độ và mở đường cho chế độ cộng sản và những cảnh đấu tố dã man trong đợt cải cách ruộng đất sau này.

Tuy vậy không nên để cây che khuất rừng, cuộc khủng hoảng thực phẩm tuy đòn hỏi những biện pháp khẩn cấp nhưng không lớn. 500 triệu USD chỉ là một phần ngàn ngân sách quốc phòng năm 2008 của một mình Hoa Kỳ. Mặt khác việc tăng giá thực phẩm cũng là điều đáng lẽ đã phải làm một cách đều đặn từ nhiều năm rồi. Dù đã tăng vọt, giá thực phẩm vẫn còn quá thấp và là một thiệt thòi lớn cho các nước chưa phát triển. Lý do là vì các nước này chủ yếu sản xuất nông phẩm.

Đối với Việt Nam, một nước xuất khẩu thực phẩm, việc giá thực phẩm leo thang đáng lẽ phải được đón nhận như một tin vui bởi vì nó có nghĩa là xuất khẩu của ta sẽ đem lại nhiều ngoại tệ hơn và các nông dân của ta sẽ sung túc hơn. Nhưng thực tế là đang có nguy cơ hàng triệu người, các công nhân nghèo ở thành thị và các nông dân làm thuê ở nông thôn, sẽ lâm vào cảnh thiếu đói. Tại sao một cơ may lớn lại có nguy cơ biến thành một đại họa ? Đó là vì chính quyền cộng sản vừa dung túng tham nhũng và đầu cơ vừa quản lý đất nước một cách không tiễn liệt, vô trách nhiệm và vô tình. Gạo được đem xuất khẩu trong khi nhiều người thiếu ăn. Nhà nước bỏ rơi người nghèo nhưng lại khống chế tất cả, khiến xã hội dân sự không thể đảm nhiệm chức năng liên đới của nó.

Chế độ cộng sản phải lùi vào quá khứ để Việt Nam có thể có một tương lai.

Thông Luận

Một bài học từ biến cố 30-4-1975

Nguyễn Gia Kiêng

Ông chủ nhiệm báo *Việt Luật* hỏi tôi chúng ta có thể rút bài học nào từ biến cố 30-4-1975 ? Câu hỏi thực là khó. Có rất nhiều bài học lịch sử mà chúng ta có thể rút từ cuộc chiến tranh kết thúc ngày 30 tháng 4-1975. Tất cả đều là những bài học lớn cho cuộc vận động dân chủ hiện nay.

Nhưng trước hết xin có vài lời về những bài học lịch sử : phải rất thận trọng và khiêm tốn vì chúng thường sai. Tại sao ? Lịch sử rất quan trọng bởi vì cuộc sống của một quốc gia, cũng như cuộc sống của một người, chủ yếu là thực nghiệm. Tuy vậy chúng ta lại không thể thí nghiệm. Chúng ta không thể thử nghiệm sự sụp đổ hay sự phá sản của một quốc gia. Chúng ta không thể thử nghiệm trên đời sống của một dân tộc để xem cái gì sẽ xảy ra nếu thực hiện chủ nghĩa này hay chính sách nọ, như thế là vô trách nhiệm và cũng có thể là tội ác. Đó là sai lầm to lớn của các chế độ cộng sản. Họ đã đem số phận của các dân tộc để thử nghiệm một chủ nghĩa mà sau này thực tế chứng minh là rất sai. Lịch sử giúp chúng ta bù lại phần nào sự kiện không thể làm thí nghiệm, một thiếu sót nghiêm ngặt trong cố gắng rút ra những kết luận cho tương lai. Cần nhấn mạnh là một phần nào thôi vì các biến cố lịch sử chỉ xảy ra một lần trong khi chúng ta không thể kết luận sau chỉ một lần quan sát. Vả lại các biến cố lịch sử cũng được nhìn và cảm nhận một cách khác nhau ở từng con người tùy góc độ quan sát và kinh nghiệm cá nhân. Như vậy muốn rút ra một bài học lịch sử thì phải cố gắng vượt ra khỏi chính mình để nhìn các biến cố lịch sử dưới nhiều góc khác nhau, so sánh với những biến cố tương tự đã xảy ra trong những điều kiện tương tự tại các nước khác. Và cũng phải phối hợp với những kiến thức mà sự chính xác đã được chứng minh qua thời gian. Rút ra những bài học lịch sử là điều không giản dị chút nào.

Sau sự dè dặt đó và trả lại với câu hỏi được đặt ra, bài học mà tôi chọn để rút ra là một bài học mà đáng lẽ ra chúng ta phải biết mà không cần có biến cố 30 tháng 4-1975 bởi vì nó là một kết luận của tất cả mọi khảo cứu chính trị học, xã hội học và tâm lý học và cũng đã được kinh nghiệm của mọi dân tộc chứng minh. Chúng ta chỉ đã không biết một điều bắt buộc phải biết. Một lý do khác khiến tôi chọn bài học lịch sử này trong rất nhiều bài học lịch sử quan trọng khác là vì, theo nhận xét của tôi, đó là bài học lịch sử mà sau 33 năm chúng ta vẫn chưa hiểu. Đó là *dấu tranh chính trị bắt buộc phải có một tư tưởng chính trị và một đội ngũ chính trị*. Cuộc chiến vừa qua trước hết là một cuộc đấu tranh chính trị. Nó cũng là lần đầu tiên mà người Việt Nam tàn sát nhau không phải chỉ để tranh giành quyền lực mà còn vì ý thức hệ. Tuyên truyền đã quan trọng hơn các trận đánh, lời nói đã có tác dụng hơn súng đạn.

Những năm cuối cùng của tôi ở Paris trước khi về nước cũng là những năm diễn ra hội đàm Paris để giải quyết chiến

tranh Việt Nam. Lúc đó tôi lãnh đạo phong trào sinh viên và trí thức Việt Nam ủng hộ chính thể Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Ở cương vị này tôi đã được tiếp xúc thường xuyên và một cách thân mật với các yếu nhân VNCH sang tham gia hoặc quan sát hòa đàm Paris. Nói chung họ là những người hiểu biết nhất về chính trị của chế độ này. Khi về Việt Nam phục vụ, ít lâu sau hiệp định Paris, tôi cũng có điều kiện thuận lợi để tiếp xúc và tìm hiểu môi trường chính trị VNCH. Nhận xét rất rõ rệt của tôi là những người cầm vận mệnh miền Nam lúc đó không biết ngay cả những kiến thức cơ bản nhất của đấu tranh chính trị và cũng không thấy cần phải học hỏi gì cả. Họ không phải là một đội ngũ và trong tuyệt đại đa số không phải là những người đấu tranh chính trị dù họ có thể giữ những vai trò chính trị rất quan trọng. Họ sống co cụm trong một môi trường nhỏ hẹp cách biệt với quần chúng, đa số chỉ có một hiểu biết rất sơ sài về lịch sử và văn hóa Việt Nam, thậm chí ngôn ngữ Việt Nam. (Điều này không có nghĩa là họ nắm vững văn hóa và ngôn ngữ Pháp hoặc Mỹ). Tất cả đều là những người mà sự may mắn hoặc hoàn cảnh tình cờ đặt vào địa vị lãnh đạo trong một thời gian ngắn, tương tự như những nhân viên tạm thời, và không ý thức được rằng mình không thể là một người lãnh đạo. Làm chính trị đối với họ chỉ là quen biết và giao tế. Họ hanh diện, có khi huênh hoang, tuyên bố là không thuộc đảng nào và không làm chính trị. Kiến thức chính trị của họ, khi có, chỉ là những kiến thức rất đại cương và một vài bài báo. Không một ai có suy tư chiến lược về sự sống còn của chế độ. Tôi cũng không gặp một người nào thực sự tin tưởng vào dân chủ. Chính quyền VNCH là một chính quyền không có nhân sự chính trị, trong khi đó là lý do hiện hữu và điều kiện tồn tại của mọi quốc gia. Tình trạng này đưa tới những yếu kém khó tưởng tượng.

Hãy thử lấy một ví dụ. Tất cả mọi cấp lãnh đạo, dân sự cũng như quân sự, mà tôi có dịp trao đổi đều phục sát đất phe cộng sản là tổ chức tiếp vận giỏi. Họ nói Mỹ dội bom B52 như thế mà "nó" vẫn vận chuyển được đầy đủ vũ khí và lương thực từ hàng ngàn cây số cho một đạo quân đông tới mấy trăm ngàn người. Sự thực thì đảng cộng sản chỉ tiếp vận vũ khí cho lực lượng của họ ở phía Nam mà thôi ; còn lương thực, khó vận chuyển gấp nhiều lần so với vũ khí, thì họ mua ngay tại chỗ và bằng vàng. Miền Nam không có mỏ vàng, cũng không ai đem vàng vào Việt Nam mà chỉ có những người đem vàng ra nước ngoài. Vậy mà miền Nam vẫn có rất nhiều vàng và giá vàng thấp hẳn so với thế giới. Vậy ai đem vàng vào Việt Nam nếu không phải lực lượng cộng sản? Đó là một cách tiếp liệu rất thoải mái. Một kilô vàng có thể nuôi một tiểu đoàn đầy đủ quân số trong một tháng. Liên Xô, nước đỡ đầu cho quân đội cộng sản cũng là nước sản xuất vàng số 1 trên thế giới vượt rất xa các nước khác. Khi tôi lý luận như vậy thì mọi người, hành chính cũng như quân sự, đều thấy là rất có lý. Nhưng họ nghe để biết rồi thôi. Đó không

phải là việc của họ, dù họ có thể là tướng lãnh hay bộ trưởng. Họ chỉ như những công chức và chỉ lo công việc của họ. Nếu các chính quyền miền Nam ý thức được điều này và có biện pháp đổi phó thì chắc chắn quân đội cộng sản đã rất khốn khổ.

Một thí dụ khác là cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân. Quân cộng sản đồng loạt tấn công trên khắp lãnh thổ nhưng chính quyền Sài Gòn bị bất ngờ hoàn toàn, tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng, các bộ trưởng và các tướng tá đang vui tết. Thế giới có lý do để khinh thường chế độ VNCH. Chính tôi lúc đó chỉ là một du học sinh tại Paris mà cũng thấy rất xấu hổ.

Đó chỉ là hai thí dụ trong hàng ngàn thí dụ khác. Sở dĩ có những sơ hở kinh khủng như vậy là vì những kết luận chiến lược, và những biện pháp cụ thể để thực hiện chúng, chỉ có thể có được nếu có một đội ngũ lãnh đạo ổn định, gắn bó và quyết tâm để cùng nhau theo dõi các chuyển động, thu thập và phân tích những dữ kiện và rút ra những kết luận. Nhưng VNCH đã chỉ có một lãnh đạo ô hợp không được sàng lọc, không thành đội ngũ, không gắn bó với nhau và do đó không có quyết tâm chung. Trái với một huyền thoại phe cộng sản tuyên truyền rất dobr và tổ chức rất luộm thuộm, tình báo của họ cũng rất kém. Nhưng họ là một đội ngũ chính trị và trước mặt họ không có một đội ngũ chính trị nào.

Không phải là những người lãnh đạo VNCH kém. Nếu xét từng cá nhân thì có rất nhiều người giỏi. Trình độ văn hóa nói chung của họ cao hơn hẳn các cấp lãnh đạo cộng sản. Đại đa số trong đời thường cũng là những người lương thiện. Vấn đề là họ chỉ là những cá nhân, không gắn bó trong một tổ chức. Hậu quả là mỗi người lo lấy mình, là chủ nghĩa luôn lách trong đó mỗi người, hay mỗi nhóm bè bạn nhỏ, cố gắng để khôn hơn những người khác, mỗi người chống tất cả, tất cả chống mỗi người. Trong trò chơi không ai có thể tin ai này người tốt cũng thành gian. Và thực tế đã như thế. Nếu miền Nam có một đảng cầm quyền thì tình thế sẽ rất khác. Những người "không làm chính trị" sẽ chỉ có những trách nhiệm chuyên môn, quyền lực chính trị sẽ ở trong tay một đội ngũ của những người gắn bó với nhau trong một số phận và một quyết tâm chung, lấy dân tộc và đất nước làm lý tưởng, coi sự sống còn của VNCH như cuộc chiến đấu của đời mình. Và họ sẽ có bản lĩnh chính trị cao. Tổ chức là môi trường hội nhập và là sức mạnh, nhưng cũng là một môi trường học hỏi và đào tạo, là nơi sản xuất và sàng lọc ý kiến. Nó cũng tạo điều kiện cho những quyết định và hành động mạnh bạo. Miền Nam không thiếu những người có thể và muốn là thành phần của một đội ngũ như thế, trong đó có những người đã có thể trở thành những cấp lãnh đạo xuất chúng, nhưng họ không có điều kiện để kết hợp với nhau. Kết quả là mặc dù có một khối lượng khổng lồ những người có tiềm năng, kể cả vô số bằng cấp đại học, với những kinh nghiệm để học hỏi hằng ngày, miền Nam vẫn thiếu nhân tài. Các cấp lãnh đạo tài giỏi chỉ có thể đào tạo được trong sinh hoạt tổ chức.

Một đặc điểm của các chính quyền quốc gia là không có đảng cầm quyền. Tình trạng này rất không bình thường vì phản ứng tự nhiên trong sinh hoạt chính trị là phải có chính

đảng. Ngay trong những thập niên đầu thế kỷ 20 việc đầu tiên của những người muốn đấu tranh giành độc lập là thành lập các đảng. Tại sao lại có tình trạng này ? Đó là do một đặc tính bẩm sinh của chính quyền Quốc Gia Việt Nam, sau đổi thành Việt Nam Cộng Hòa. Chính quyền này không do đấu tranh mà có mà chỉ là một bộ máy thuộc địa do người Pháp để lại, và khi để lại họ chuyển giao quyền hành cho những cộng sự viên thân tín và đắc lực nhất của họ, nghĩa là những người không những không quan tâm tới chính trị mà còn thiếu cả ý thức quốc gia dân tộc. Họ không hề biết đến những vấn đề đặt ra cho một quốc gia và cứ tiếp tục làm việc như thường lệ, kể cả coi những người yêu nước như kẻ thù hay ít nhất như những phần tử phải phòng ngừa. Kết quả là họ ngăn cản sự ra đời và phát triển của các chính đảng. Mẫu người tốt trong các chính quyền quốc gia là mẫu người không có đảng phái và không quan tâm tới chính trị, có bằng cấp cao là tốt, có cha ông làm quan thời Pháp thuộc lại càng đáng tin cậy hơn. Dần dần hình thành một văn hóa chính quyền kỳ lạ trong đó lớp người cầm quyền không bận tâm tới đất nước. Họ cầm như những quan chức ngoại quốc. Một thí dụ : tất cả các bộ trưởng giáo dục đều cho con cái đi học các trường tiểu học và trung học Pháp thay vì trường Việt mà không hề thấy ngượng. Ngô Đình Diệm không hề thay đổi tình trạng này. Ông là người do Pháp đưa lên cầm quyền để tiếp tục một chính quyền do Pháp để lại. Thái độ chống Pháp bề ngoài của ông chỉ là một sự dàn cảnh. Việc đầu tiên ông làm là truy lùng các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt. Sau khi người Mỹ lật đổ ông Diệm, họ đưa lên chính quyền những tướng tá chẳng có một văn hóa nào, chưa nói văn hóa chính trị, phần lớn xuất phát từ quân đội Pháp. Trong một chế độ dân chủ, sinh hoạt chính đảng là cốt lõi. VNCH được tổ chức như một nước dân chủ nhưng lại không có sinh hoạt chính đảng.

Không phải là miền Nam không có đảng phái, ít ra trong mười năm cuối hoạt động đảng phái không bị cấm, nhưng mười năm là một thời gian quá ngắn và bối cảnh cũng không thuận lợi. Hơn nữa các đảng phái cũ đều đã quá suy yếu và lỗi thời vì không đổi mới tư tưởng chính trị, trong khi các chính đảng mới cũng không phát triển được vì cùng một lý do : không có tư tưởng chính trị. Một ngộ nhận vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay trong phe đối lập là người ta cứ đinh ninh rằng có thể thành lập được một chính đảng mà không cần phải có một chủ thuyết chính trị, nghĩa là những định hướng lớn cho đất nước và các chiến lược để thực hiện chúng trong bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử của mỗi quốc gia. Một chủ thuyết như vậy chỉ có thể là thành quả của một công trình nghiên cứu và suy tư tập thể lâu dài và nhức nhối. Người ta thấy chỉ cần một "chương trình hành động", và trong hầu hết mọi trường hợp chương trình hành động không khác bao nhiêu so với một bản danh mục rao hàng.

Những người cầm quyền trong phe quốc gia là những người được đưa lên cầm quyền chứ không phải đã giành được chính quyền. Họ đều không có tổ chức. Sau khi đã cầm quyền họ mới khám phá ra sự cần thiết của một đảng cầm quyền. Ông Nhu lập ra đảng Cần Lao, ông Thiệu lập ra đảng Dân Chủ, nhưng đều thất bại. Các chính đảng đúng nghĩa chỉ có thể

thành lập được trong đấu tranh khó khăn cho một lý tưởng. Không ai có thể thành lập được một chính đảng đúng nghĩa sau khi đã có chính quyền. Cả ông Nhu lẫn ông Thiệu đã bỏ rời các đảng vô tích sự mà họ lập ra - để cầm quyền với anh em, họ hàng và bè bạn - trước khi bị đánh đổ. Trước sau các chính quyền quốc gia vẫn có chung một đặc điểm ít được nhấn mạnh dù có thể là *độc nhất* trên thế giới : đó là những chính quyền không có đảng cầm quyền.

Sự kiện những người không thuộc một chính đảng nào được đưa lên cầm quyền và chọn những người không đảng phái làm bộ trưởng là một điều quái đản xuất phát từ một tật nguyễn bẩm sinh của các chính quyền quốc gia. Nó gây tai họa cho đất nước mà họ cai trị và đem lại thất bại cho chính họ, có khi thất bại bi thảm như trường hợp hai ông Diệm và Nhu. Nhưng với thời gian nó đã tạo ra cả một triết lý và một tập quán hoạt động chính trị : chủ nghĩa nhân sĩ. Đó là cách làm chính trị mà không tham gia một chính đảng nào, chỉ cố tạo uy tín cho mình để được biết đến, kể cả cầu cạnh các thế lực ngoại bang, và hy vọng sẽ có lúc thời vận đưa mình lên nắm chính quyền hoặc sẽ có ngày được mời tham chính. Các nhân sĩ cũng có thể không có bất cứ một hoạt động chính trị và một kiến thức chính trị nào nhưng vẫn mong có ngày được làm bộ trưởng, dân biểu, nghị sĩ. Nếu có một di sản của chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà ta phải vứt bỏ một cách không nể nang thì chính là cái chủ nghĩa nhân sĩ này. Tiếc rằng chủ nghĩa nhân sĩ đã ăn rễ quá sâu. Có những người theo chủ nghĩa nhân sĩ mà không ý thức được. Rất nhiều người, trong cũng như ngoài nước, có học thức, có lòng với đất nước, có thiện chí, suy nghĩ lành mạnh và cũng rất muốn dấn thân nhưng không hề thấy nhu cầu phải tham gia một tổ chức chính trị nào cả.

Chủ nghĩa nhân sĩ vẫn còn tiếp tục cho đến nay trong môi trường Việt Nam hải ngoại và là lý do chính giải thích tại sao sau 33 năm chúng ta vẫn chưa có được một tổ chức dân chủ mạnh. Ngoài di sản VNCH cũng còn một lý do quan trọng khác. Đó là sự thiếu văn hóa tổ chức mà những người dân chủ trong nước cũng chia sẻ do hậu quả của một chế độ chuyên chính trong đó mọi kết hợp bị cấm đoán. Nhiều người cũng đã cố gắng thành lập tổ chức (đã có lúc người ta than phiền là có quá nhiều tổ chức chính trị) nhưng rồi đều khám phá ra những khó khăn không ngờ nên hầu như tất cả đều bỏ cuộc và triệt thoái trở lại tập quán nhân sĩ. Thực ra những khó khăn này chỉ không ngờ bởi vì chúng ta thiếu văn hóa chính trị và văn hóa tổ chức mà thôi, chúng chỉ là những vấn đề cổ điển của mọi tổ chức chính trị, hay chính đảng, đã được nghiên cứu kỹ và được trình bày trong nhiều tác phẩm. Thành lập một tổ chức chính trị có bao giờ dễ dàng đâu !

Phân tích các chính đảng không phải là mục đích của bài này. Chỉ xin tóm lược : *đấu tranh chính trị bắt buộc phải có một tổ chức mạnh mới có hy vọng thành công; một chính đảng bắt buộc phải được xây dựng trên một tư tưởng chính trị và phải bắt đầu bằng một đội ngũ nòng cốt gắn bó và có bản lĩnh ; trong những điều kiện lý tưởng nhất xây dựng một chính đảng cũng đòi hỏi ít nhất một hai thập niên. Xây dựng một chính đảng rất khó nhưng là điều kiện bắt buộc,*

nếu không thì hoạt động chính trị chỉ là vô ích, có thể còn có hại.

Theo tôi đó là bài học quan trọng nhất cần được rút ra từ biến cố 30 tháng 4-1975, một bài học mà đáng lẽ chúng ta đã phải biết mà không cần có biến cố này vì đó chỉ là một kiến thức cơ bản phải có ngay trong phản xạ của những người hoạt động chính trị. Ngày 30 tháng 4 đã chỉ nhắc lại sự thực hiển nhiên này, một cách rất tàn nhẫn. Những nạn nhân oan ức nhất chính là những quân nhân, công chức và cán bộ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Trong đại đa số họ là những người yêu nước, dũng cảm và đầy khả năng, một số đông đảo có tiềm năng lớn. Nỗi oan nghiệt của họ là đã không có được một lãnh đạo đúng nghĩa. Họ không đáng phải chịu số phận mà ngày 30-4-1975 đã dành cho họ.

Cũng xin được chia sẻ một bài học cá nhân bởi vì nó cũng là một bài học nhỏ trong bài học lớn này. Cho tới ngày 30-4-1975 tôi là một viên chức khá cao cấp của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Tôi đã chứng kiến đoàn quân cộng sản chiến thắng tràn vào Sài Gòn. Sự hân hoan và hạnh diện của họ chỉ có thể so sánh được với thất vọng và tủi nhục của tôi. Tôi nghe như có tiếng nói từ trong lòng mình : "thà làm lính trong một đạo quân chiến thắng còn hơn làm tướng trong một đạo quân chiến bại". Tôi vẫn hiểu và hành động như thế, nhưng lúc đó tôi hiểu một cách thầm thía lì lùng. Hình như vẫn còn rất nhiều người chưa hiểu như thế, thậm chí còn nghĩ ngược lại.

Chế độ Việt Nam Cộng Hòa, nếu kể cả tiền thân của nó là Quốc Gia Việt Nam của Bảo Đại, cũng đã chỉ tồn tại được 27 năm và đã sụp đổ từ 33 năm rồi. Trong suốt cuộc sống ngắn ngủi đó, dù đã có rất nhiều người yêu nước và dũng cảm bỏ mình dưới lá cờ của nó, nó chưa bao giờ là một nhà nước Việt Nam đúng nghĩa. Nó do Pháp lập ra và cáo chung khi bị Mỹ bỏ rơi. Nó chưa bao giờ kiểm soát được cả lãnh thổ Việt Nam và cũng chưa bao giờ có được một lãnh đạo đúng nghĩa. Nó cũng là một chế độ rất tham nhũng, dù không tham nhũng bằng chế độ cộng sản hiện nay. Những người dân chủ và yêu nước không có lý do gì để thương tiếc chế độ này, càng không có lý do để lấy nó làm biểu tượng của cuộc đấu tranh vì dân chủ. Trong một giai đoạn, từ 1948 đến 1975, nó đã là một chọn lựa bất đắc dĩ để ngăn chặn sự thiết lập một chế độ cộng sản tại Việt Nam. Đó là một hợp đồng. Hợp đồng đó là tạm thời chịu đựng cái tôi dở để ngăn chặn cái độc hại. Nhưng cái tôi dở đã quá tôi dở và chúng ta đã không ngăn chặn được cái độc hại. Như vậy hợp đồng VNCH đã hoàn toàn chấm dứt. Cuộc vận động dân chủ hiện nay là một cuộc đấu tranh hoàn toàn khác. Rút ra những bài học từ kinh nghiệm VNCH chỉ có ý nghĩa nếu có ích cho cuộc đấu tranh mới này. Bài học mà tôi đã chọn vẫn còn rất thời sự. Đáng buồn.

Nguyễn Gia Kiểng (30-4-2008)

Tìm đọc Thông Luận
và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

DÂN CHỦ XÃ HỘI - DÂN CHỦ KHAI PHÓNG - DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Rất mừng khi được đọc những bài viết nghiêm túc và sâu sắc như "Cuộc hẹn mới của dân chủ" của La Thành (*Talawas*, 10-4-2008). đương nhiên, cùng với nhiều điều tâm đắc, bài viết cũng chứa đựng một vài điểm còn cần được thảo luận.

Ở đây, chỉ xin nêu một ý kiến ngắn về nhận định "*Tuyệt đại đa số người Việt Nam sẽ chưa được thuyết phục bởi mô hình dân chủ đa nguyên... Xuất phát từ thực tế này, tôi đề nghị đổi lập dân chủ hãy nghiên cứu và thảo luận rộng rãi để có thể đi đến đồng thuận về một mô hình khả nhận hơn... đó là mô hình dân chủ xã hội... Dân chủ xã hội (social democracy) hiện đang là một mô hình thành công thứ hai sau mô hình dân chủ khai phóng (liberal democracy) hay thực chất là mô hình dân chủ đa nguyên (pluralist democracy) mà nhiều tổ chức đổi lập đã tuyên bố theo đuổi... Sau khi đã có được một nền dân chủ xã hội, việc chuyển dịch tiếp về dân chủ khai phóng chỉ còn là việc hiệu chỉnh những tham số kỹ thuật*".

Thực ra, "dân chủ đa nguyên" chỉ có thể được hiểu là một "mô hình xã hội" theo nghĩa rất rộng. Trong thực tiễn chính trị, "dân chủ đa nguyên" thường được hiểu là một nguyên lý giá trị (công nhận sự khác biệt tư tưởng và ý thức chính trị), nó không trực tiếp gắn liền với các chính sách kinh tế và xã hội. Trong một thể chế dân chủ, "dân chủ đa nguyên" cho phép nhiều ý tưởng khác nhau về mô hình chính trị, kinh tế, xã hội - trong đó có mô hình dân chủ khai phóng và mô hình dân chủ xã hội, cạnh tranh một cách tự do và công bằng. Tại Tây Âu và kể cả Hoa Kỳ, các đảng phái lớn nói chung đều vác trên vai một trong hai "cây thánh giá" này trong cuộc ganh đua giành quyền lãnh đạo quốc gia để thực thi (phần nào) "mô hình" mong muốn của mình.

Về nguyên tắc thì các đảng "dân chủ xã hội" theo đuổi sự phát triển quốc gia (và cả khu vực) đi đôi với việc đề cao tính công bằng xã hội và ngăn chặn tối đa tác động tiêu cực của sự cạnh tranh, trong khi các đảng "dân chủ khai phóng" thường nằm trong xu hướng muốn tận dụng tối đa tính cạnh tranh trong các chính sách phát triển và xây dựng xã hội. Do vậy, đồng hành với các đảng "dân chủ xã hội" là các nghiệp đoàn, là chính sách an sinh xã hội, là đánh thuế cao đối với người giàu, và với các đảng "dân chủ khai phóng" là chính sách tư hữu hóa tối đa và giảm thuế cho giới chủ.

Về đại cục, mô hình "dân chủ xã hội" chủ trương một chính quyền "đủ mạnh", còn mô hình "dân chủ khai phóng" cố gắng giảm thiểu tối đa vai trò của chính phủ. Ở Phương Tây hiện tại, hai ý tưởng về hai mô hình này đang tồn tại song song, ganh đua lẫn nhau, chuyển "ghế" lãnh đạo cho nhau tùy thuộc vào kết quả phát

triển quốc gia và lá phiếu của cử tri.

Thông thường, cuộc cọ xát này hay dẫn đến những chính sách đồng thuận mang tính dung hòa. Hiện thời, sự bùng phát kinh tế toàn cầu đang gia tăng sức ép cạnh tranh và làm tăng vai trò của tự do kinh tế, đồng thời, các "hiệu ứng phụ" của kinh tế toàn cầu cũng đòi hỏi vai trò "đủ mạnh" của nhà nước để giữ vững công bằng và ổn định xã hội. Sau "chiến thắng" của mô hình "dân chủ xã hội" vào cuối thiên niên kỷ 20 (với đỉnh cao là cuộc gặp gỡ giữa tổng thống Hoa Kỳ Clinton, thủ tướng Đức Schroeder, thủ tướng Anh Blair... nhằm khai sinh ra "con đường thứ ba" còn khá mờ mịt), thì sự trỗi dậy đương thời của các đảng "bảo thủ" (thực chất là "dân chủ khai phóng") làm cho người ta không có thể dễ kết luận "ai thắng ai" giữa hai trường phái.

Điều lý thú là mô hình xã hội thành công của Bắc và Tây Âu được mang tên chung là nền "kinh tế thị trường mang tính xã hội". Người có công đầu dựng lên mô hình này lại là Ludwig Erhard, cựu thủ tướng Đức (từ 1963 đến 1964), lãnh tụ đảng Dân chủ Thiên chúa giáo Đức, một đảng "bảo thủ" theo xu hướng "liberal democracy". Vì vậy, các đảng "bảo thủ" và "dân chủ khai phóng" của Tây Âu chắc chắn sẽ không chấp nhận việc gắn mô hình thành công của họ với ý tưởng "dân chủ xã hội".

Thực tế, nhiều phân tích chín chắn đã đi đến kết luận: "dân chủ xã hội" chính là một thành công mới, một mô hình mang tính "cải tiến" đối với mô hình "dân chủ khai phóng". Vì vậy, mong muốn dựa trên thành công của "dân chủ xã hội" để tiến tới "dân chủ khai phóng" của La Thành có lẽ là không thực tế. Theo đuổi mô hình dân chủ xã hội, vì vậy, có thể là một sự tiếp thu thành tựu mới nhất của xã hội hiện đại, và giảm thiểu được nhiều nhất những khuyết điểm của một nền kinh tế thị trường tự do. Không phải ngẫu nhiên mà xu hướng "dân chủ xã hội" gần như đã trở thành một hiện tượng làng mạch chung của các nước mới (hoặc muộn) thoát khỏi chế độ độc tài cộng sản cũng như không cộng sản.

Cách đây hơn 10 năm, khi được hỏi ý kiến về khả năng Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng dân chủ xã hội và xin gia nhập SI (Tổ chức Quốc tế Xã hội của các đảng xã hội và dân chủ xã hội trên thế giới), ông Wolfgang Thierse, lúc đó là phó chủ tịch Đảng dân chủ xã hội Đức, sau này là chủ tịch quốc hội Đức, đã trả lời rằng SI sẵn sàng chấp nhận, với điều kiện Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận một thể chế đa đảng, tức là phải chấp nhận một nền dân chủ đa nguyên !

Phạm Việt Vinh (Berlin)

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN ĐÃ LÀM ĐƯỢC GÌ ? SẼ ĐI VỀ ĐÂU ?

Việt Hoàng

1. Dân chủ hóa đất nước là cuộc vận động cách mạng vĩ đại và khó khăn

Trước hết chúng ta phải đồng thuận với nhau rằng vận động dân chủ khác với sự lật đổ. Cách mạng dân chủ cũng khác với các cuộc khởi nghĩa dưới thời phong kiến, nhằm lật đổ một ông vua, một triều đại và rồi lại dựng lên một triều đại khác cũng tương tự như vậy. Cách mạng dân chủ cũng khác với cách mạng cộng sản, cách mạng kiểu cộng sản là tuyên truyền đổi trá, bạo lực và khủng bố. Với cộng sản thì "trung lập", không ủng hộ cũng là chống đối. Với cộng sản thì chỉ có hai chiến tuyến, hoặc là ta, hoặc là địch.

Cách mạng dân chủ về bản chất cũng là một cuộc cách mạng, nó thay đổi quan điểm, tư duy, hành động của con người và trật tự xã hội. Thế nhưng cách mạng dân chủ không nhằm tiêu diệt bất cứ ai, nó không lật đổ hay đập phá bất cứ cái gì, nó cũng không dung dưỡng bạo lực và khủng bố, nó cũng không xách động dân chúng biểu tình bạo loạn như kiểu cách mạng cộng sản. Dân chủ là tuyên truyền và mở mang dân trí cho toàn thể nhân dân, để nhân dân hiểu được rằng mình có những quyền gì? Cái gì là đúng? Cái gì là sai? Theo đúng như các tiêu chuẩn chung của nhân loại mà Liên Hợp Quốc đã xác quyết. Dân chủ mang lại tự do cho con người, giải thoát con người khỏi sự bưng bít. Dân chủ cung cấp cho mọi người dân tất cả các thông tin một cách khách quan và từ đó người dân có thể hoàn toàn làm chủ cuộc đời mình, làm chủ các quyết định của mình, làm chủ tương lai của mình.

So sánh giữa các cuộc khởi nghĩa thời phong kiến, cách mạng cộng sản và cách mạng dân chủ thì chúng ta thấy rằng dân chủ là một cuộc cách mạng vĩ đại, vì nó mới thật sự "vì con người". Dân chủ trang bị cho người dân sự hiểu biết để họ có thể quyết định con đường đi cho chính mình mà không cần ai "chỉ đường, vẽ lối". Chúng ta cũng thấy rằng xây dựng dân chủ là xây dựng một nhận thức mới để mọi người có thể đối thoại với nhau nhằm đạt được các thỏa thuận mà không phải dùng đến bạo lực. Chính vì chỉ có một vũ khí duy nhất là lẽ phải và lòng yêu nước, sự quyết tâm của những người hiểu biết mà cuộc cách mạng dân chủ cần có thời gian. Xây dựng (dân chủ) bao giờ cũng vất vả và tốn nhiều thời gian hơn là đập phá (kiểu cộng sản).

Mỗi khi các giá trị dân chủ đã được đa số nhân dân chấp nhận khi đó lịch sử sẽ sang trang. Các tiêu chí cơ bản của một xã hội dân chủ bao gồm: tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do thành lập các hội đoàn, tự do thành lập đảng phái, tự do bầu cử và ứng cử, nhà nước tam quyền phân lập.

Những người vận động cho dân chủ thiếu thốn đủ thứ, ví dụ thời gian và tiền bạc. Những người dân chủ cũng khác với những người cộng sản xưa kia. Ngày xưa những người cộng sản họ thường là không còn gì để mất, họ tranh đấu theo kiểu một mất một cùn, kiểu "còn cái lai quần cũng dán" như lời chị Út Tịch, hay lời Hồ chủ tịch "dù đốt cháy cả cây Trường Sơn cũng

phải giành độc lập"...

Những người dân chủ hôm nay tranh đấu để mọi người cùng chung sống hòa bình bên nhau, họ còn gia đình, vợ con. Họ phải làm tròn nghĩa vụ của người chồng, người vợ sau đó mới vì mọi người. Thậm chí những người dân chủ muôn có uy tín thì họ không những hoàn thành những công việc nghề nghiệp (thông thường) một cách bình thường mà họ còn phải hoàn thành một cách xuất sắc, hiểu một cách đơn giản là họ phải là những người thành đạt trong cuộc sống. Ngày xưa dân mình ngô nhận nên đã tin theo, nghe theo những người cộng sản "trên răng, dưới dép", vì vậy khi có quyền lực là họ (những người cộng sản) phải vơ vét cát lực cho thỏa lòng tham và bù đắp cho những tháng ngày gian khổ, hy sinh.

Những người dân chủ hôm nay hoàn toàn khác với những người cộng sản xưa kia, họ không nghèo, không ngu dốt, họ có một cuộc sống đàng hoàng và đầy đủ. Họ có hiểu biết và mong muốn cho mọi người dân Việt Nam được sống hạnh phúc như họ. Nếu người dân chọn và ủng hộ những người dân chủ thì lịch sử đau thương sẽ không lặp lại.

Xét về tiềm lực, con người cũng như tài chính thì những người dân chủ thua xa nhà cầm quyền Việt Nam, một bên phải bỏ tiền túi của mình ra để hoạt động, một bên cứ lấy tiền ngân sách (do người dân lam lũ đóng thuế) để tha hồ chi tiêu, phung phí.

Những người dân chủ chỉ có lời nói phải, thông qua các phương tiện như báo chí để cung cấp sự thật cho người dân Việt Nam, thế nhưng ngay cả điều tưởng chừng đơn giản đó cũng khó đến với người dân do bị bưng bít thông tin, do tường lửa (được chính quyền dựng lên) để chống người dân truy cập các thông tin hữu ích.

2. Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên đã đóng góp được gì cho phong trào dân chủ ?

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên là tổ chức chính trị đối lập với nhà cầm quyền Việt Nam ra đời sớm nhất sau biến cố 30-4-1975. Tập Hợp hình thành và phát triển được hơn 25 năm qua, đây là một sự gắn bó rất đáng trân trọng, một kết hợp không vì quyền lợi riêng mà chỉ vì tấm lòng yêu nước, trăn trở cho quê hương. Thời gian 25 năm đủ dài để các thành viên Tập Hợp có thể hiểu nhau và hợp tác với nhau một cách ăn ý và có hiệu quả. Những ai đã đi cùng Tập Hợp trong chặng đường 25 năm qua chắc chắn sẽ tiếp tục đi cùng Tập Hợp vào tương lai.

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên đã xây dựng cho mình một cơ sở lý luận vững chắc, một cương lĩnh chính trị mang tính thời đại và được nhiều người chấp nhận. Cương lĩnh đó không chỉ là phương thức đấu tranh dành tự do dân chủ cho hiện tại mà còn đưa ra mô hình xây dựng một nhà nước dân chủ trong tương lai. Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên cũng đã xây dựng được cho mình một đội ngũ thành viên gắn bó, có lý tưởng và khát khao được cống hiến.

Có người sẽ đặt câu hỏi rằng Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên là một tổ chức chính trị như ý muốn chưa ? Tôi xin thẳng thắn trả lời là chưa ! Một tổ chức chính trị tuyệt vời nhất là một tổ chức chính trị đã cầm quyền.

Tôi liên tưởng Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên cũng như một công ty với một mặt hàng (sản phẩm) mới, để mặt hàng đó được người tiêu dùng chấp nhận và sử dụng rộng rãi thì trước hết sản phẩm hàng hóa đó phải tốt, có ích lợi cho con người và sản phẩm đó được quảng bá (quảng cáo) rộng rãi cho mọi người được biết. Nếu nhìn nhận như vậy thì chúng ta thấy rằng "sản phẩm" có tên gọi là "Dự án chính trị" của "Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên" là một mặt hàng rất có lợi và cần thiết cho nhân dân, sản phẩm này là sản phẩm "tốt" vì đã được nghiên cứu tìm hiểu một cách khoa học bởi những người yêu nước và hiểu biết. Thế nhưng khâu quảng bá (quảng cáo) thì phải thừa nhận là Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên chưa làm được tốt. Đúng là "Thanh" và "Thế" của Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên chưa được cao như nhận xét của một độc giả trên Thông Luận.

Cũng độc giả này cho rằng các tổ chức chính trị phải tìm đến quần chúng chứ không phải ngồi chờ quần chúng tìm đến mình, tôi cho rằng ý kiến này đúng. Dù rằng dân chủ là có lợi, có ích cho tất cả mọi người nhưng không phải ai cũng biết được điều đó, vì rằng Việt Nam chưa bao giờ có dân chủ! Những người tiên phong phải gánh vác công việc khó khăn này. Khác với những người kinh doanh, những người dân chủ sẽ không được tiền mà chỉ có sự kính trọng và ghi nhận của nhân dân.

Một khó khăn nữa mà phong trào dân chủ gặp phải đó là sự thờ ơ của dân chúng. Người dân đã bị lừa nhiều trong quá khứ nên mất hết tin tưởng vào tương lai. Tôi mạnh mẽ xác quyết rằng những người dân chủ đích thực sẽ khác hoàn toàn những người cộng sản như đã phân tích ở trên, một chế độ dân chủ luôn phải chịu sự kiểm soát của phe đối lập, báo chí cũng như dư luận. Xã hội dân chủ không thể một mình một chợ muôn làm gì thì làm như dưới chế độ cộng sản.

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên đã tạo ra một sản phẩm mới có ích cho mọi người, thế nhưng để Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên đến với mọi người, được mọi người chấp nhận và ủng hộ rộng rãi thì rất cần đến sự "chung tay góp sức" của tất cả mọi người, nhất là đồng bào ở Hải ngoại. Có thể ông (bà) vẫn chưa hài lòng về Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên nhưng thử hỏi có tổ chức chính trị nào sáng giá hơn không ? Thủ hỏi ông (bà) rằng nên chọn một sản phẩm tốt nhưng chưa được quảng bá rộng rãi hơn hay là chọn những sản phẩm tuy được quảng cáo rầm rộ nhưng lại không có chất lượng ?

Mong muốn lớn nhất của Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên là "dự án chính trị" được phổ biến rộng rãi đến mọi người dân, để mọi người có thể chia sẻ về tương lai của đất nước và qua đó có thể đặt niềm tin vào Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên như là một giải pháp cho tương lai.

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên có một mong muốn rằng Tập Hợp sẽ là nơi hội tụ cho những ước mơ và hoài bão lớn để đồng hành cùng đất nước vào kỷ nguyên của thịnh vượng và phát triển.

Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên không chỉ là tổ chức của những người "trí thức", "hàn lâm" mà là tổ chức của tất cả những người Việt Nam yêu nước như đúng tên gọi của nó là "Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên".

Tôi thiết tha kêu gọi mọi người Việt Nam yêu nước và tiên phong hãy đến với Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên để mang Tập

Hợp Dân chủ Đa Nguyên đến với mọi người dân Việt Nam.

Sản phẩm dân chủ của Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên không là tài sản riêng của bất cứ ai, (kể cả Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên) mà đó là tài sản chung của cả dân tộc Việt Nam. Chính vì lẽ đó mà mỗi người dân Việt Nam đều có quyền sử dụng nó, truyền bá nó đến với tất cả mọi người dân Việt Nam. Đây là sự nghiệp chung của tất cả chúng ta, nếu không có sự tiếp tay, cổ vũ và ủng hộ của tất cả mọi người thì một mình Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên cũng rất khó lòng đi đến thắng lợi cuối cùng.

Tôi tin rằng Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên sẽ là sự lựa chọn tốt nhất cho sự nghiệp dân chủ hóa đất nước và tôi cũng tin rằng nếu được nhân dân ủng hộ thì nhất định chúng ta sẽ thành công.

3. Thời cơ đang đến rất gần ?

Trong thời gian qua đã có nhiều tổ chức chính trị ra đời và đã đóng góp nhiều cho sự nghiệp "khai dân trí". Rồi đây, trong tương lai gần Việt Nam cũng phải có dân chủ, Việt Nam phải hội nhập trọn vẹn với thế giới. Không những trong lĩnh vực kinh tế mà chính trị cũng phải hội nhập, Việt Nam phải "cộng sinh" vào dòng chảy của thời đại. Nếu cứ một mình một kiểu không giống ai như hiện tại thì nhân dân Việt Nam sẽ chịu muôn vàn thua thiệt. Hùng mạnh như Trung Quốc mà chỉ vì thiếu vắng dân chủ nên đã bị cả thế giới tẩy chay trong kỳ rước đuốc Thế Vận Hội, Tây Tạng chỉ là cái cớ, là giọt nước tràn ly.

Một cuộc tổng khủng hoảng sẽ xảy ra tại Việt Nam là điều không tránh khỏi, đó là nhận xét của học giả Trần Đông Chấn trong bài viết "Việt Nam Đồng sẽ đi về đâu ?".

Đây là điều không ai mong đợi nhưng nó xảy ra là vì sự điều hành đất nước quá kém cỏi của nhà cầm quyền Việt Nam. Chính quyền Việt Nam đã bị các thế lực tài phiệt (trong cũng như ngoài nước) chi phối, lũng đoạn các chính sách nhằm mục đích bòn rút của cải, đẩy người dân nghèo vào con đường bần cùng. Và tất nhiên là "bần cùng sinh đạo tặc", nhà nước bất lực để dân chúng đổi khổ nêu dân chúng vùng dậy là điều đương nhiên.

Theo tác giả Trần Đông Chấn thì đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng tại Việt Nam sẽ xảy ra vào giữa năm sau tức năm 2009. Điều nhận định này có một sự trùng hợp ngẫu nhiên đến kỳ lạ với hai câu thơ sấm truyền trong bài trường ca "Gia đình cụ Bá" của tác giả Phạm Hồng Đức rằng :

*Đảng tan năm Sứu cung đoái
Rõ là tuổi Bác, Đảng thời bằng nhau...*

Cũng trong bản báo cáo của nhóm chuyên gia trường đại học Harvard nghiên cứu về chiến lược phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trình lên thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã đề cập đến cách điều hành sai lệnh của chính phủ từ chính sách vĩ mô đến vi mô và cảnh báo nguy cơ khủng hoảng. Nhưng thay vì công bố cho toàn dân được biết thì ông Nguyễn Tấn Dũng đã giấu bí bách báo cáo đó, vì rằng những khuyến cáo rất hữu ích đó của các chuyên gia đại học Harvard sẽ không bao giờ thực thi được trong xã hội toàn trị do đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Sứ mệnh của các thành phần ưu tú Việt Nam trong lúc này là đoàn kết, thống nhất tư tưởng và quan điểm để cùng với Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên đứng lên nhận trách nhiệm hướng dẫn quần chúng, xây dựng lại đất nước Việt Nam, cùng mở ra một trang sử mới cho dân tộc.

Việt Hoàng (Moskva)
Thành viên Tập Hợp Dân chủ Đa Nguyên

Võ Nguyên Giáp, một sự nghiệp đầy thăng trầm

Nguyễn Văn Huy

Ngày 30-4-1975, dư luận thế giới bàng hoàng trước sự thất thủ của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Hoa Kỳ đã bỏ rơi một đồng minh sau nhiều năm tận lực bảo vệ nhằm ngăn chặn làn sóng đổ phủ xuống Đông Nam Á, với rất nhiều tổn thất về tiền bạc và tổn thất về nhân mạng. Quân đội cộng sản đã tràn vào Sài Gòn và chiếm đóng toàn bộ miền Nam Việt Nam.

Càng ngạc nhiên hơn nữa khi tên tuổi những người lãnh đạo cộng sản bước vào Dinh Độc Lập để chính thức hóa sự chiến thắng ngày 1-5-1975 được nêu lên : Lê Duẩn, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Linh, Lê Chí Công, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười... Nhân vật được dư luận miền Nam và thế giới nhắc tới nhiều nhất trong cuộc chiến 1956-1975, Võ Nguyên Giáp, lúc đó đang là tổng tư lệnh quân đội kiêm bộ trưởng quốc phòng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, không hề được nhắc tới, hoặc nếu có chỉ một cách qua loa, lấp lè.

Dư luận thế giới không ngừng thắc mắc, như vậy ai là tác giả của chiến thắng này ? Vài ngày sau chính quyền cộng sản chính thức công bố tên người lãnh đạo cuộc đại thắng mùa xuân là đại tướng Văn Tiến Dũng, một người hoàn toàn vô danh trong suốt cuộc chiến đối với dư luận miền Nam và thế giới.

Tại sao có chuyện lạ lùng này ? Đó là vì người ta không hiểu rõ cách tổ chức của chính quyền lẩn quẩn đội cộng sản. Trong chế độ độc tài cộng sản, không có chỗ đứng cho những anh hùng cá nhân. Dư luận phương Tây đã dành cho Võ Nguyên Giáp chỗ đứng danh dự của một anh hùng cá nhân, do đó càng không thể được chấp nhận trong cơ chế của đảng cộng sản.

Hiện nay ông Võ Nguyên Giáp đã già, có lẽ sẽ qua đời trong nay mai. Nhắc lại cuộc đời và sự nghiệp của ông cũng là một cách đặt lại vai trò và tư cách những người cộng sản, khi nắm vai trò lãnh đạo, đã phục vụ đất nước vì những lý tưởng nào.

Một sự nghiệp đầy thăng trầm

Võ Nguyên Giáp có lẽ là vị tướng có tuổi thọ cao nhất tại Việt Nam. Các tài liệu chính thức cho biết ông sinh năm 1911, hoặc 1912, tại làng Ân Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lộc Thủy, tỉnh Quảng Bình. Theo một số người thân cận ông, những bạn học cũ, cho biết năm sinh thật sự của Võ Nguyên Giáp là 1908, tức năm nay đúng 100 tuổi.

Xuất thân từ một gia đình Nho giáo truyền thống, ông được đào tạo và huấn luyện để trở thành một quan lại. So với những thiếu niên cùng thời, cuộc đời của ông có nhiều may mắn : năm 14 tuổi (1925) sau khi tốt nghiệp tiểu học ở Đồng Hới, ông trúng tuyển vào trường Quốc Học Huế. Học được hai năm ông bị đuổi học vì tham gia tổ chức một cuộc bãi khóa, từ đó cuộc đời của một nho sinh bắt đầu thay đổi. Ông tham gia sinh hoạt chính trị với đảng Tân Việt Cách Mạng (thân

cộng), làm việc trong ngành xuất bản và báo chí : Quan hải tùng thư và Tiếng Dân. Bị bắt năm 1930, vì viết bài bênh vực cuộc nổi dậy của nông dân Xô Viết Nghệ Tĩnh, và được trả tự do cuối năm 1931. Theo các tài liệu chính thức, khi ra khỏi tù ông ra Hà Nội học tiếp tại trường Albert Sarraut và đậu tú tài (không rõ năm nào), tốt nghiệp Đại học Luật và Kinh tế Chính trị năm 1937 và dạy môn sử ở trường tư thực Thăng Long năm 1939. Việc ông học trường Pháp là có thực vì cho đến bây giờ ông vẫn còn nói thông thạo tiếng Pháp. Đến đây thì mọi việc đều viên mãn, nhưng lý tưởng cộng sản đã quá mạnh để dẫn ông đến một khía cạnh khác.

Năm 1940 ông lên Cao Bằng sang Trung Quốc gặp Hồ Chí Minh và gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương, lúc đó chỉ có vài người và ông trở thành một trong những nhân vật lãnh đạo đầu tiên của đảng cộng sản. Cũng nên biết lúc này quân đội Nhật đã làm chủ toàn bộ Đông Dương và chính quyền thực dân Pháp đã phải hợp tác với Nhật để được tồn tại. Cái may của Hồ Chí Minh và những người thân cận ông là được cơ quan OSS của Mỹ tiếp xúc và đề nghị giúp đỡ để trước hết giúp Mỹ cứu trợ những phi công Mỹ khi máy bay bị bắn rơi trên không phận miền Bắc, kể là được huấn luyện quân sự và cung cấp vũ khí để chống quân Nhật trên bán đảo Đông Dương. Vì thiếu người nói thông thạo tiếng Pháp, Võ Nguyên Giáp được Hồ Chí Minh cử làm liên lạc viên chính thức và từ đó trở thành huấn luyện viên quân sự cho những thanh niên vừa mới gia nhập vào lực lượng kháng chiến.

Là người có học thức cao hơn những thành viên khác, với biệt danh "Anh Văn", Võ Nguyên Giáp trở thành chiến lược gia của phong trào và hoạt động trong vùng rừng núi trong tỉnh Cao Bằng. Vì thiếu trang bị và thiếu người, với kiến thức quân sự do tổ chức OSS truyền thụ, Võ Nguyên Giáp chủ trương du kích chiến, một chiến thuật tác chiến thích hợp nhất trong giai đoạn này.

Chính trong giai đoạn này, Võ Nguyên Giáp là một trong những người khai sinh phong trào Việt Minh (Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội) ngày 19-5-1941 và trở thành người thành lập và huấn luyện quân sự cho phong trào. Thật ra trong giai đoạn từ 1941 đến 1945, lực lượng quân sự của Võ Nguyên Giáp chỉ làm công tác tuyên truyền và tuyển mộ binh sĩ. Cho đến cuối năm 1944, lực lượng này vẫn còn mang tên Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân, gồm 34 người với 34 khẩu súng thô sơ. Chiến công đầu tiên của đội quân này là chiếm hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần ngày 25-12-1944, sau khi quân trấn đóng Pháp rút về Hà Nội để bảo vệ các cơ sở hành chánh trước áp lực của quân Nhật.

Ngày 9-3-1945, sau cú đảo chánh quân sự của Nhật, quân đội Pháp hoàn toàn bị tan rã, phe Việt Minh tràn vào các đồn bốt thu nhặt vũ khí và quân trang quân dụng do quân Pháp bỏ lại. Với số lượng vũ khí này, lực lượng Việt Minh bắt đầu phát triển mạnh và củng cố lực lượng, chủ yếu trên vùng Việt

Bắc. Giữa tháng 4-1945, lực lượng quân sự của Võ Nguyên Giáp kết hợp với đội dân quân du kích của Chu Văn Tấn (người Nùng, bí danh Tân Hồng), với tên gọi Cứu Quốc Quân, thành lực lượng Giải Phóng Quân với khoảng 450 người.

Cũng nên lưu ý là trong giai đoạn này tranh chấp quyền lực giữa Võ Nguyên Giáp và một số chỉ huy quân sự khác đã bắt đầu manh nha : những người trực tiếp chiến đấu phê bình Võ Nguyên Giáp chỉ là một cấp chỉ huy văn phòng chứ không trên chiến địa. Ngay trong đội Tuyên Truyền Giải Phóng Quân, Võ Nguyên Giáp là cấp chỉ huy quân sự tổng quát, nhưng Hoàng Sâm và Dương Mạc Thạch (Xích Thắng) mới là các cấp chỉ huy trực tiếp trên thực địa. Với thời gian những người lính chỉ phục tùng các cấp chỉ huy quân sự trực tiếp của họ trên chiến trường, như các ông Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, v.v. Chính vì thế trong Chính phủ Liên Hiệp Lâm Thời (từ ngày 28-8 đến tháng 12-1945), Chu Văn Tấn được cử làm bộ trưởng quốc phòng. Trong Chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến, Phan Anh được cử làm bộ trưởng quốc phòng, Võ Nguyên Giáp chỉ được cử làm bộ trưởng nội vụ kiêm phó bộ trưởng quốc phòng. Nhờ sự can thiệp của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp được giao chức bộ trưởng quốc phòng từ tháng 11-1946 đến tháng 8-1947 trong chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, sau đó phải nhường cho Tạ Quang Bửu, tốt nghiệp đại học ở Pháp, từ tháng 8-1947 đến tháng 8-1948, vì yêu cầu chính trị.

Sự khôn ngoan và kiên nhẫn của Võ Nguyên Giáp trong suốt giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp là, ngoài Hồ Chí Minh, ông biết tự lu mờ trước những ngôi sao đang lên như Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ, Lê Duẩn, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, Văn Tiến Dũng, v.v., là những cấp chỉ huy dám xông pha vào lửa đạn. Với thời gian, những cấp chỉ huy này đã để lộ sự giới hạn về chiến lược trên các chiến trường, với những tổn thất nhân mạng cao, chức bộ trưởng quốc phòng mới được giao lại cho Võ Nguyên Giáp từ tháng 8-1948 đến 1976.

Là người có học thức cao hơn những cấp chỉ huy khác trong đảng, Võ Nguyên Giáp có đủ tư cách để bàn thảo chiến lược và chiến thuật với các tướng lãnh Trung Quốc, lúc đó đang còn tranh chấp với Tưởng Giới Thạch.

Để được danh chính ngôn thuận trong chức vụ lãnh đạo quân đội và bộ quốc phòng, với một quân số trên 50.000 người, và cũng để dễ thảo luận với đảng cộng sản Trung Quốc, ngày 25-1-1948 được Hồ Chí Minh chính thức phong quân hàm đại tướng (sắc lệnh 110/SL ngày 20-1-1948) cùng với các cấp chỉ huy quân sự khác với các quân hàm trung tướng (Nguyễn Bình), thiếu tướng (Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa, Trần Tử Bình).

Cũng nên biết những tướng lãnh này không tốt nghiệp bất cứ từ một trường sĩ quan hay võ bị nào, mà chỉ giản dị là do kinh nghiệm chỉ huy trực tiếp tại chiến trường. Với quân hàm đại tướng, Võ Nguyên Giáp được sự kính trọng của tất cả các cấp sĩ quan trong quân đội, ông được cất nhắc vào các chức vụ cao nhất trong đảng cộng sản : ủy viên ban thường vụ trung ương đảng cộng sản Đông Dương (tháng 5-1945), ủy viên hội đồng quốc phòng tối cao (tháng 8-1948), ủy viên bộ chính trị đảng Lao Động (1951). Tuy nhiên với kiến thức quân sự

thô sơ của một nhà giáo, khả năng của ông chỉ giới hạn trong chiến thuật chiến du kích, khả năng vận động chiến với các lực lượng chính quy phải nhờ vào các cố vấn quân sự Trung Quốc. Vai trò chỉ huy quân đội của Võ Nguyên Giáp càng được củng cố sau khi Mao Trạch Đông chiếm lĩnh trọn vẹn Hoa lục ngày 1-10-1949.

Từ sau tháng 10-1949 trở đi, với sự tiếp tế súng đạn và cố vấn quân sự của Trung Quốc, lực lượng du kích Việt Minh chuyển thành lực lượng chính quy, với những cấp trung đoàn, sư đoàn, đại đoàn được trang bị đầy đủ có thể chống trả hoặc tấn công quân đội Pháp được trang bị đầy đủ hơn. Với sự giúp sức của lực lượng quân sự Trung Quốc, đặc biệt là pháo binh, phe Việt Minh làm chủ cả một vùng Trung Du rộng lớn phía Đông Bắc Hà Nội. Quân đội Pháp bị đẩy lùi khỏi khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn, nơi vận chuyển người và vũ khí từ Trung Quốc vào Việt Nam. Trong suốt giai đoạn từ 1950 đến 1954, Võ Nguyên Giáp đã giữ tất cả các chức vụ cao nhất trong quân đội : tổng chỉ huy và tổng chính ủy (theo cách gọi Trung Quốc), hay tổng tư lệnh quân đội kiêm tổng quân ủy (theo cách gọi Việt Nam).

Trong cuốn "Những Chặng Đường Lịch Sử", xuất bản tại Hà Nội năm 2001, ông Võ Nguyên Giáp đã không ngần ngại xác nhận vai trò áp đảo của các cố vấn Trung Quốc trong các quyết định quân sự của phong trào Việt Minh, như các ông La Quý Ba (ủy viên trung ương đảng cộng sản Trung Quốc), Vị Quốc Thanh (trưởng đoàn cố vấn quân sự), Mai Gia Sinh (cố vấn tham mưu), Mã Tày Phu (cố vấn hậu cần), Trần Canh (ủy viên trung ương đảng cộng sản, cố vấn quân sự). Với sự giúp đỡ hùng hậu về quân sự của Trung Quốc, lực lượng Việt Minh bắt đầu đảm nhiệm vai trò chủ động trong các chiến dịch : biên giới (đường số 4, 1950), trung du Bắc phần (1950), đồng bằng sông Hồng (1951), đồng-bắc (Cao Bằng, Lạng Sơn, 1951), Hòa Bình (phía tây Hà Nội, 1951), tây-bắc (Tuyên Quang, Lào Kai, 1952), thượng Lào (1953), Điện Biên Phủ (1954).

Trong trận Điện Biên Phủ (từ 13-3 đến 8-5-1954), phe Việt Minh đã đánh bại quân đội Pháp, dẫn đến hội nghị Genève chia đôi đất nước tháng 7-1954. Dư luận thế giới, nhất là Pháp, đã rất ngạc nhiên trước sự huy động sức người của Việt Minh trong việc vận chuyển vũ khí và đạn dược lên các đỉnh núi bao bọc khu lòng chảo Điện Biên Phủ. Hình ảnh từng đoàn người vận chuyển những cơ phận đại bác tháo rời, vũ khí, đạn dược và lương thực trên những chiếc xe đạp ợp ẹp lên các đỉnh núi bao bọc khu vực Điện Biên, hay trên những đôi vai gầy của những đoàn quân nông dân ngụy trang với cây lá rừng ngày đêm tiến đến chiến trường Điện Biên... đã tạo sự thán phục của mọi người. Các cấp lao động quân sự Pháp càng ngạc nhiên hơn trước lối đánh tiếp cận bằng địa hình của binh lính Việt Minh, đây là sở trường của quân đội Pháp trong suốt hai cuộc đại thế chiến. Cho đến một ngày gần đây người ta mới biết lối đánh này do các cố vấn Trung Quốc trực tiếp hướng dẫn (rút kinh nghiệm từ chiến trường Triều Tiên năm 1953 với chiến thuật biển người sau khi tiến tới sát quân địch bằng địa đạo).

Sau chiến thắng này uy tín của Võ Nguyên Giáp vang lừng thế giới, báo chí quốc tế kể cả địch thủ của ông, tướng Raoul

Salan, đã hết lời ca tụng tài quân sự của Võ Nguyên Giáp. Ngược lại, uy tín của ông trong nội bộ đảng cộng sản và dư luận trong nước (miền Bắc) không những đã không tăng mà còn suy giảm. Các cấp chỉ huy quân sự tham gia trực tiếp trận Điện Biên Phủ phê bình Võ Nguyên Giáp chỉ là vị tướng chỉ huy từ xa, nghĩa là một tướng văn phòng, không liều lĩnh xông pha hiểm nguy trên các chiến trường như họ.

Trong giai đoạn từ 1954 đến 1956, những thành phần tiểu tư sản theo Việt Minh như ông Võ Nguyên Giáp đều bị thất sủng, có người còn bị kết án tử hình trong các chiến dịch cải cách ruộng đất và trăm hoa đua nở. Nhờ được Hồ Chí Minh tận tình che chở, ông Võ Nguyên Giáp đã không những không bị truy tố mà còn được được giữ nguyên các chức vụ cao nhất trong đảng cộng sản như ủy viên bộ chính trị, bí thư quân ủy trung ương, tổng tư lệnh quân đội, bộ trưởng bộ quốc phòng, phó thủ tướng... nhưng ông không còn nắm giữ thực quyền như trước. Trong quân ủy trung ương, những đối thủ chính trị của ông, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, đã gài thêm bốn nhân vật thân tín để hạn chế quyền lực của ông. Đó là các tướng Văn Tiến Dũng, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn. Những quyết định quân sự quan trọng đều do 5 người này quyết định, trong đó Võ Nguyên Giáp chỉ có một tiếng nói, nghĩa là thiểu số.

Trong giai đoạn kế tiếp, từ 1958 đến 1975, bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam chủ trương tiến chiếm miền Nam bằng vũ lực. Mặc dù vẫn còn giữ chức vụ bộ trưởng bộ quốc phòng kiêm tổng tư lệnh quân đội, tất cả mọi quyết định quan trọng đều do hai ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thao túng.

Trái với lầm tưởng của mọi người, trong trận tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968, làm thiệt mạng hơn một trăm ngàn người, Võ Nguyên Giáp mặc dù là bộ trưởng bộ quốc phòng kiêm tổng tư lệnh quân đội đã không có vai trò chủ động. Theo một nguồn sử liệu gần đây cho biết (nhà nghiên cứu quân sự Merle Pribbenow, cựu chuyên viên ngôn ngữ học thuộc cơ quan tình báo CIA của Mỹ), tác giả cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân 1968 là các ông Lê Duẩn và Văn Tiến Dũng, trong khi Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đều bị vô hiệu hóa vì không ủng hộ giải pháp táo bạo này.

Tất cả chỉ vì ganh tị với tài ba và danh tiếng của Võ Nguyên Giáp. Ông Lê Duẩn là đối thủ chính trị của ông Võ Nguyên Giáp trong nội bộ đảng cộng sản. Hai nhân vật này đã xung khắc với nhau từ năm 1956 khi tướng Giáp được toàn đảng ủng hộ giữ chức tổng bí thư sau khi Trường Chinh từ nhiệm, sau cùng nhờ sự giúp đỡ của Lê Đức Thọ và những dàn xếp nội bộ, Lê Duẩn được giữ chức vụ tổng bí thư năm 1957. Còn ông Văn Tiến Dũng, thuộc cấp của Võ Nguyên Giáp, muốn thay thế ông trong chức vụ cao nhất trong quân đội.

Khi cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân bắt đầu, dư luận trên thế giới đều cho rằng Võ Nguyên Giáp muốn dồn mặt quân đội Hoa Kỳ lúc đó đang hiện diện đông đảo tại miền Nam, trên 500.000 người. Dư luận quốc tế cho rằng Võ Nguyên Giáp đã vi phạm một sai lầm chiến lược khi muốn di tản đến chiến thắng trong chiến tranh, hơn 125.000 quân tinh nhuệ của phe cộng sản đã bị tiêu diệt trong ba cuộc tổng tấn công tháng 1, tháng 5 và tháng 8-1968. Phải đợi đến ba năm sau, năm 1971, phe cộng sản mới xây dựng lại được lực lượng.

Sau ngày 30-4-1975, phe Lê Duẩn-Lê Đức Thọ hoàn toàn thắng thế, Văn Tiến Dũng trở thành người hùng của cuộc "đại thắng mùa xuân", nhưng dư luận và báo chí quốc tế chỉ nhắc đến Võ Nguyên Giáp và coi ông là nạn nhân của cuộc đấu đá trong nội bộ đảng cộng sản. Sự ganh tị trước uy tín của Võ Nguyên Giáp trong nội bộ đảng cộng sản nói chung và phe Lê Duẩn-Lê Đức Thọ nói riêng ngày càng gia tăng để cuối cùng vào năm 1980, Võ Nguyên Giáp bị tước hết mọi quyền lực : thôi làm bộ trưởng bộ quốc phòng mặc dù vẫn còn giữ chức vụ ủy viên bộ chính trị (đến năm 1982) và phó thủ tướng đặc trách khoa học kỹ thuật. Đối thủ của ông là Văn Tiến Dũng được cử làm bộ trưởng quốc phòng kiêm tổng tham mưu trưởng quân đội từ tháng 2-1980 đến tháng 2-1987.

Năm 1983 ông Võ Nguyên Giáp nhận lãnh một chức vụ không liên quan gì đến quân đội : chủ tịch Ủy Ban Sinh Đẻ Có Kế Hoạch. Đối với dư luận trong và ngoài nước đây là một thái độ nhục mạ đối với một vị tướng đã làm rạng danh đảng cộng sản nhưng không hiểu tại sao ông Võ Nguyên Giáp lại chấp nhận. Dư luận cho rằng ông Võ Nguyên Giáp muốn giữ uy tín cho đảng cộng sản để tránh tiếng có tranh chấp nội bộ và trả thù cá nhân. Có người ta cho rằng Võ Nguyên Giáp muốn giữ những đặc quyền đặc lợi mà đảng cộng sản đã dành cho ông và gia đình. Cũng nên biết ông Trương Gia Bình, nguyên là con rể của Võ Nguyên Giáp, chủ tịch công ty FPT, là người giàu có nhất Việt Nam. Tuy vậy ông Võ Nguyên Giáp vẫn tiếp tục giữ các chức vụ ủy viên trung ương đảng kiêm phó thủ tướng đến năm 1991 để về hưu vào tuổi 80.

Nếu được sinh trưởng ở một quốc gia dân chủ phương Tây và có những thành tích như đã kể, sự nghiệp và cuộc đời của ông Võ Nguyên Giáp phải lên tới tận đỉnh của vinh quang và danh vọng, khi qua đời tên ông chắc chắn sẽ được đặt cho một con đường quan trọng nhất tại thủ đô và các thành phố lớn. Nhưng cái bất hạnh của ông là đã sinh ra tại Việt Nam, nhất là một đảng viên cộng sản, những đặc ân vừa kể đã không trọn vẹn. Trong sinh hoạt đảng cộng sản, uy tín cá nhân không đặt ra vì tất cả đều là tập thể, chính vì thế tên tuổi ông đã không được đề cao trong suốt hai cuộc chiến tranh Đông Dương vừa qua.

Là một đảng viên cộng sản kỳ cựu, ông chấp nhận sống vô danh và làm tất cả để chứng tỏ thái độ trung thành với đảng cộng sản, như những nho sĩ thời xưa. Thật ra một phần nào đó cũng là để giữ những đặc quyền và đặc lợi có được. Trong đợt cải cách ruộng đất, Nhân Văn Giai Phẩm và vụ âm mưu chống đảng từ 1954-1956, ông đã im lặng để sóng gió qua đi và giữ vững địa vị. Khi tranh chấp trong nội bộ đảng cộng sản bùng nổ giữa ông và Lê Duẩn năm 1956, ông chấp nhận thua thiệt để tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo quân đội. Khi thất bại trong việc ngăn cản một cuộc tự sát tập thể trong trận tổng tấn công năm Mậu Thân (1968), ông đã không từ chức và tiếp tục giữ chức tổng tư lệnh quân đội và bộ trưởng quốc phòng. Năm 1975, ông bị giành mất thắng lợi trong chiến thắng miền Nam nhưng quyết không từ chức bộ trưởng quốc phòng. Ông chỉ thôi chức bộ trưởng quốc phòng năm 1980 khi hoàn toàn bị thất sủng và cam chịu giữ một chức vụ không vinh quang chút nào đối với tên tuổi một vị tướng lừng danh : chủ tịch ủy ban sinh đẻ có kế hoạch năm 1983.

Kết luận về cuộc đời và sự nghiệp của Võ Nguyên Giáp, người ta chỉ có thể nhìn nhận ông là một nhà quân sự có tài mặc dù chưa bao giờ được huấn luyện quân sự nhưng có khả năng chỉ huy và điều động một lực lượng quân sự khổng lồ, với hơn một triệu binh lính và hàng trăm tướng lãnh trong suốt một thời gian dài từ 1946 đến 1980. Ông được một số thành phần trí thức trong quân đội mến mộ, nhưng tư cách và quan niệm về cuộc sống của ông không phải là một mẫu mục để đời sau bắt chước. Ông đã nhắm mắt làm ngơ trước những bất công và đày đọa của dân tộc dưới chế độ cộng sản. Chỉ mới gần đây, năm 2006 ông mới lên tiếng về sự những lạm công quy nhà nước qua vụ PMU18, thuộc bộ giao thông vận tải, và dự án phá bỏ Hội trường Ba Đình trên khu di tích hoàng thành Thăng Long. Nhưng ông đã không dám nói thẳng những suy nghĩ của ông, trong cương vị là một người trí thức, một nhà lãnh đạo vì sợ mất những đặc quyền đặc lợi đang có của ông và gia đình trước tình trạng bất công và suy đồi của đất nước.

Võ Nguyên Giáp dưới mắt người phương Tây

Đối với người phương Tây, Võ Nguyên Giáp có lẽ là một hiện tượng đặc biệt trong quân sự thế giới. Ông là vị tướng châu Á được các sử gia và nhà bình luận quân sự phương Tây nhắc đến nhiều nhất từ sau Thế chiến II. Người ta nhắc đến ông không phải vì ông là đồng minh của các lực lượng quân sự phương Tây mà là người đã đánh bại hai thế lực quân sự hùng cường nhất thế giới vào thời điểm ông là người đứng đầu lực lượng quân sự : bộ trưởng quốc phòng và tổng tham mưu trưởng quân đội. Một vinh hạnh không kém là ông được sự quí trọng của hai vị tướng tài ba của quân đội Pháp và Mỹ, đối thủ của ông, đó là Raoul Salan (người chỉ huy quân đội Pháp tại Đông Dương thời điểm 1951-1953) và William Westmoreland (người chỉ quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam thời điểm 1968-1972).

Không biết đã có bao nhiêu sách báo và tài liệu quân sự viết về Võ Nguyên Giáp, nhưng ít nhất đã có trên 10 quyển sách do chính ông viết ra và được dịch sang các thứ tiếng nước ngoài về quan điểm quân sự của đảng cộng sản Việt Nam. Những sách viết về Võ Nguyên Giáp, được xuất bản tại Pháp, phần lớn do những nhà văn, nhà báo không nhiều thì ít có liên quan đến phong trào cộng sản. Những tác giả này đã hết lời ca ngợi Võ Nguyên Giáp và so sánh ông với những thiên tài quân sự nổi tiếng trên thế giới như với Lawrence d'Arabie, Ernesto Che Guevara, Karl von Clausewitz, nhà chiến lược quân sự người Phổ đầu thế kỷ 19.

Các sử gia và dư luận phương Tây nể trọng tướng Võ Nguyên Giáp vì ông là vị tướng "không tốt nghiệp một trường võ bị nào và không bắt đầu sự nghiệp quân sự bằng một chức vụ sĩ quan" đã đánh bại quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ (1954) và gây khó khăn cho quân đội Mỹ tại miền Nam Việt Nam trong suốt thời kỳ 1964-1972, tức thời điểm quân đội Hoa Kỳ có mặt đông đảo nhất tại miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất, các sử gia Pháp thường xuyên nhắc nhở đến Võ Nguyên Giáp trong giai đoạn 1946, khi quân Pháp vừa trở lại Việt Nam và đã có những cuộc gặp gỡ với ban tham mưu của Hồ Chí Minh. Tất cả đều

lấy làm tiếc cuộc thương lượng với phe Việt Minh, do đảng công sản Việt Nam chỉ đạo, khiến đã xảy ra cuộc chiến khốc liệt tại Đông Dương từ 1946 đến 1954. Thật ra lúc đó chính quyền thuộc địa Pháp không đánh giá cao khả năng quân sự của phe Việt Minh và sự giúp đỡ quân sự của lực lượng kháng chiến quân cộng sản trong lục địa Trung Hoa.

Dự luận phương Tây thường nhắc tới thời điểm 1946, khi lực lượng quân sự của phe Việt Minh do Võ Nguyên Giáp chỉ huy chỉ có khoảng 40 chi đội với trên dưới 50.000 dân quân du kích, thiếu trang bị và huấn luyện đã dám đương đầu với quân đội viễn chinh Pháp. Phải chờ đến 1949, phe Việt Minh mới có được bốn đại đội bộ binh được trang bị súng máy và súng cối. Lực lượng quân sự của Võ Nguyên Giáp chỉ được trang bị dồi dào từ sau 1950, khi Mao Trạch Đông lãnh đạo đánh bại phe Quốc Dân Đảng và chiếm Hoa lục.

Kể từ sau 1949, khi phe Việt Minh bắt đầu gây nhiều thiệt hại cho quân đội viễn chinh Pháp trên Đường số 4 và khu Việt Bắc, tên tuổi Võ Nguyên Giáp mới được nhắc nhở đến nhiều. Những vị tướng tài ba của Pháp như Revers, Navarre với những lực lượng quân sự chuyên nghiệp được trang bị đầy đủ như Lực lượng Viễn chinh, Lê Dương, Nhảy Dù... (Corps Expéditionnaire, Légion Étrangère, Bataillons Étrangers Parachutistes) đã không ngăn chặn được sự bành trướng của những người lính nông dân do Võ Nguyên Giáp cầm đầu.

Sau này giới quân sự Pháp thường nhắc nhở tới những mưu chước dụ dỗ quân đội của Võ Nguyên Giáp vào bẫy để tiêu diệt như tại Đông Khê, Đường số 4, nhưng không được. Ngược lại, chính quân đội Pháp chịu nhiều thiệt hại và đã phải rút lui khỏi các địa điểm chiến lược trên vùng Trung Du.

Trước sự lớn mạnh của phe Việt Minh, giới quân sự Pháp quyết định mở ra một địa bàn chiến lược khác tại khu lòng chảo Điện Biên Phủ để dụ quân Việt Minh vào trong để tiêu diệt. Ý đồ này đã được các chiến lược gia và tướng lãnh Pháp nghiên cứu tỉ mỉ. Cũng nên biết vào thời điểm này phe Việt Minh đã chiếm gần như toàn bộ khu vực Trung và Nam Lào, nếu ngăn chặn được đường tiếp tế của phe Việt Minh tại Điện Biên Phủ thì Pháp sẽ triệt hạ dễ dàng lực lượng Việt Minh tại Lào. Với nhận định giản lược như thế, bộ chỉ huy quân đội Pháp tại Đông Dương dồn nỗ lực củng cố địa bàn Điện Biên Phủ. Tại đây, với hỏa lực sẵn có quân Pháp có thể làm chủ được trên không và tiếp tế bằng đường bộ. Cũng nên biết khu lòng chảo Điện Biên Phủ nằm sát biên giới Lào với nhiều dãy núi thấp, do đó dễ quan sát một vùng rộng lớn chung quanh. Quân đội Pháp đã xây dựng tại đây một hệ thống địa hào chằng chịt và kiên cố có thể cầm cự với quân Việt Minh trong một thời gian dài khi bị bao vây. Nói chung, giới quân sự Pháp rất tin tưởng vào sự phòng thủ chiến lược của Điện Biên Phủ, họ hy vọng có thể tiêu diệt quân Việt Minh dễ dàng khi bị tấn công.

Nhưng ước muốn là một chuyện thực hiện được hay không là chuyện khác. Sau này giới quân sự và chiến lược gia Pháp đã viết rất nhiều sách và tài liệu nghiên cứu sự thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ, tên của Võ Nguyên Giáp cũng được nhắc tới như một đối thủ nguy hiểm, cần triệt hạ. Tác giả những bài viết này đều không ngờ khả năng điều động lực lượng dân công của Việt Minh trong trận Điện Biên Phủ. Các

chiến lược gia Pháp không ngờ phe Việt Minh đã có sáng kiến tháo gỡ từng bộ phận rời của những khẩu đại bác và súng ống hạng nặng và sử dụng một lực lượng dân công hùng hậu để vận chuyển bằng các phương tiện thô sơ như xe thồ (xe đạp), xe bò, gồng gánh các loại vũ khí và đạn dược, ngày đêm băng rừng, băng suối, băng núi để mang lên các đỉnh đồi chung quanh Điện Biên Phủ, lắp ráp và tấn công quân Pháp. Điều này vượt ngoài tưởng tượng của những chiến lược gia quân sự Pháp, và họ đã tốn rất nhiều giấy mực để diễn tả sự kinh ngạc này, với tất cả sự thán phục.

Cuộc bao vây đã chỉ kéo dài trong ba tháng, từ 13-3 đến 7-5-1954. Quân đội Pháp cùng với bộ chỉ huy tiền phương tại Điện Biên Phủ, do đại tá de Castries cầm đầu, đã đầu hàng vô điều kiện. Võ Nguyên Giáp được dư luận Pháp nhìn nhận như người đã đánh bại quân đội Pháp tại Đông Dương.

Điều không ngờ là người Pháp chấp nhận sự thất trận này một cách vui vẻ, họ không thù oán gì quân đội Việt Minh mà chỉ trách móc các cấp lãnh đạo chính trị và quân sự của họ đã không sáng suốt. Riêng các tướng Salan, de Castries và rất nhiều tướng tá khác đều hết lời ca ngợi và kính phục Võ Nguyên Giáp. Đây là một trường hợp hi hữu trong lịch sử quân sự của Pháp nói riêng và của cả châu Âu nói chung. Hầu như các cấp lãnh đạo quân sự của châu Âu đều có cùng nhận định như các đồng nghiệp Pháp. Họ kính nể sự quyết tâm và khả năng huy động sức người trong trận Điện Biên Phủ của Võ Nguyên Giáp trong suốt cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất. Nếu Võ Nguyên Giáp là một người sinh trưởng tại các quốc gia phương Tây thì ông đã đón nhận tất cả những vinh quang của một vị anh hùng, một vị tướng tài ba. Rất tiếc ông là người Việt Nam, và hơn nữa là một đảng viên cộng sản, nên tất cả những vinh dự này đã không được thể hiện đúng mức.

Sau sự thất trận này, dư luận Pháp đã không thù oán gì Việt Nam mà ngược lại vẫn còn giữ rất nhiều cảm tình với dân tộc Việt Nam và đất nước Việt Nam, lý do là vì con người và đất nước Việt Nam rất hiếu khách và không oán thù người đô hộ sau khi chiến tranh chấm dứt.

Người Pháp có lý do để đề cao yếu tố này, vì trong suốt thời gian chiến tranh, từ 1946 đến tháng 7-1954, không một phụ nữ hay trẻ em người Pháp nào bị bắt làm con tin hay bị sát hại để trả thù báo oán. Đây chính là điều mà dư luận Pháp nói riêng và phương Tây nói chung quý mến dân tộc Việt Nam. Trong chiến tranh thì chém giết nhau không nương tay, nhưng chỉ với những người trực tiếp cầm súng, khi hết chiến tranh thì có thể trở thành bạn bè một cách dễ dàng. Dư luận Pháp vẫn còn giữ nhiều kỷ niệm đẹp với Việt Nam, trong khi người Việt Nam, đặc biệt là những người theo Tây học vẫn còn dành cho "đế quốc" Pháp những cảm tình đặc biệt.

Khi cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai bắt đầu, năm 1956, giới quân sự Mỹ đã nghiên cứu khá tỉ mỉ khả năng điều động quân sự của Võ Nguyên Giáp, và bộ tham mưu của ông. Với lý luận đơn giản của người phương Tây, người Mỹ không tin rằng Võ Nguyên Giáp và bộ tham mưu của ông dám tiến hành một cuộc xâm chiếm miền Nam với những tổn thất về nhân mạng nặng nề như cuộc chiến tranh Triều Tiên năm 1953, dù có sự giúp đỡ trực tiếp về quân sự của Trung Quốc. Cái mà bộ tham mưu quân sự và giới chiến lược Hoa Kỳ không

hề nghĩ tới là quyết tâm của Đảng Cộng Sản Việt Nam : muốn truyền bá chủ nghĩa cộng sản trên khắp vùng Đông Nam Á. Cho dù là Hồ Chí Minh hay bất cứ ai trong ban lãnh đạo đảng cộng sản, khi chủ trương tiến chiếm miền Nam những tổn thất về nhân mạng và tài sản của người dân không phải là ưu tư hàng đầu làm họ lo sợ. Cái mà đảng cộng sản Việt Nam lo sợ là mất quyền lãnh đạo, do đó Võ Nguyên Giáp hay bất cứ một anh hùng cá nhân nào đều trở thành số không trước quyết tâm của đảng cộng sản. Ông Hồ Chí Minh đã từng xác nhận rằng : "sông có cạn, núi có mòn những quyết tâm đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào không hề thay đổi".

Quan niệm kỳ quặc này chỉ có ở những người lãnh đạo cộng sản, vì ngay cả Nhật Bản mặc dù quyết tâm đánh Mỹ vẫn còn cao nhưng khi dân tộc họ đang chịu nhiều thiệt hại hoàng đế Nhật cũng đành phải đầu hàng chứ không dám liều lĩnh hy sinh đến những người Nhật cuối cùng. Kề cả người Trung Hoa, khi bị các cường quốc phương Tây đe dọa, hoàng đế nhà Thanh đã phải miễn cưỡng mở cửa cho hàng hóa và văn hóa phương Tây du nhập vào Trung Hoa để tránh sự thiệt hại cho dân chúng và cho đất nước.

Cũng may là cuộc chiến Việt Nam đã kết thúc ngày 30-4-1975. Không biết hậu quả sẽ như thế nào khi Hoa Kỳ vẫn tiếp tục giúp đỡ miền Nam, hay đơn phương đánh phá miền Bắc. Cho đến hết ngày 30-4-1975, sự thiệt hại về nhân mạng của phe cộng sản miền Bắc và phe mặt trận giải phóng miền Nam đã trên ba triệu người. Chiến thắng của phe cộng sản ngày 30-4-1975 có xứng đáng với sự thiệt hại về nhân mạng và tài sản đó không ?

Trong tổ chức đảng cộng sản, cá nhân không có vai trò nào, dù là tổng bí thư, chủ tịch nước, hay thủ tướng chính phủ. Tất cả chỉ là một bộ phận của một guồng máy, mất người này sẽ còn người kia. Lối tổ chức này thích hợp trong một cơ chế độc tài, sẽ rất khó trong một cơ chế dân chủ. Chính vì thế đảng cộng sản sẽ cố giữ vững cơ chế độc tài để bảo vệ đặc quyền đặc lợi và quyền lãnh đạo đất nước, họ rất sợ khi phải chuyển sang một cơ chế dân chủ vì phải thay đổi tất cả, và đảng cộng sản sẽ mất hết đặc quyền.

Nói tóm lại, tướng Võ Nguyên Giáp, mặc dù không tốt nghiệp từ một trường sĩ quan quân sự nào và bị trù dập ngay trong nội bộ đảng cộng sản, vẫn luôn luôn được dư luận phương Tây nhắc nhở đến với tất cả sự mến phục và kính phục. Cái bất hạnh của ông chỉ vì ông là người Việt Nam, nên phải cam chịu tất cả những hệ quả của một văn hóa độc tài, như một nho gia, mặc dù là một anh hùng hay một thiên tài. Người Việt Nam thường chỉ phục thiên tài của một người nào đó sau một thế kỷ đã trôi qua, đó là trường hợp của các Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ, v.v.

Điều mà người Việt Nam nên đầu tư để thay đổi chế độ chính trị tại Việt Nam là văn hóa. Nếu không thay đổi được lối suy nghĩ cũ do một nền văn hóa cũ, mang nặng tính chất nho giáo để lại, thì sẽ rất khó thay đổi được cái gì, cho dù là những cái tầm thường nhất như trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa các anh chị em, giữa tình bạn bè, giữa cấp trên và cấp dưới. Sở dĩ Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục còn tồn tại là vì yếu tố văn hóa này chưa thay đổi.

Nguyễn Văn Huy

Thư gởi các thượng nghị sĩ Mỹ

LTS : Ngày 12-3-2008, Ủy Ban Đông Á - Thái Bình Dương và Thượng Viện Hoa Kỳ đã tổ chức một buổi hội thảo về quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Một số người đã được mời tới để tham khảo ý kiến (hearing), trong đó có ông Đỗ Hoàng Diêm, chủ tịch đảng Việt Tân. Nhưng gì mà một người Việt Nam nói trong cuộc họp này có giá trị như một sự làm chứng của một người hiểu rõ vấn đề và do đó có trọng lượng đặc biệt. Nó có ảnh hưởng quyết định đến số phận mà Thượng Viện Mỹ sẽ dành cho dự luật về nhân quyền (Vietnam Human Rights Act of 2007) H.R.3096 đã được Hạ Viện thông qua.

Trong buổi tham khảo này, ông Đỗ Hoàng Diêm đã trả lời hai câu hỏi của thượng nghị sĩ Jim Webb, một người tận tình bảo vệ dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam. Câu hỏi thứ nhất về tình trạng phân biệt đối xử với những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa, ông Diêm biện luận rằng chính sách phân biệt đối xử với những người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây và gia đình họ đã tan biến đi (faded away). Câu hỏi thứ hai về những gì Hoa Kỳ có thể làm cho Việt Nam, ông Diêm nói rằng xã hội dân sự Việt Nam đang phát triển mạnh, đang đàm chối nẩy lộc, và càng ngày càng có nhiều tổ chức quần chúng không nằm trong vòng kiểm soát của chính quyền, điều mà chính phủ Mỹ có thể làm là nên yểm trợ cho tiến trình này.

Nguyễn Văn Huy, chủ nhiệm báo Thông Luận đã viết một bài phê bình về sự trình bày này của ông Đỗ Hoàng Diêm trước ủy ban (xem Thông Luận số 224, trang 6-8). Dưới đây là thư của ông Nguyễn Văn Hiệp gởi các thượng sĩ có mặt trong ủy ban đó.

Kính gởi Thượng Nghị Sĩ Jim Webb,

Trong buổi tham khảo về quan hệ Mỹ-Việt do Ủy Ban Ngoại Giao Đông Á Thái Bình Dương của Thượng Viện tổ chức vào ngày 12 tháng 3 năm 2008, ông Đỗ Hoàng Diêm - một trong những người thuộc cộng đồng người Việt vinh dự được mời tham khảo ý kiến - đã phát biểu rằng :

- ở Việt Nam tình trạng phân biệt đối xử đối với những cựu quân nhân công nhân viên chức thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã tan biến kể từ những năm cuối của thập niên 1980, và

- xã hội dân sự hiện đang được đàm chối ở Việt Nam với nhiều tổ chức cơ sở không nằm dưới sự kiểm soát của chính quyền cộng sản.

Chúng tôi phản đối những phát biểu này ; cả hai nhận định đều hoàn toàn sai lạc.

Thành phần cựu quân nhân cán chính thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa và con em của họ vẫn còn bị phân biệt đối xử khắc khe. Họ không hưởng được ưu bổng cho khoảng thời gian phục vụ dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa. Các thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa không hề nhận được bất cứ một chăm sóc nào. Tài sản của những cựu quân nhân và công nhân viên chức Việt Nam Cộng Hòa, gồm nhà và đất, bị tịch thu sau ngày Sài Gòn sụp đổ chưa bao giờ được hoàn trả. Ngay cả những nghĩa trang quân đội miền Nam cũng đã bị phá hủy. Gần đây, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ra Chỉ thị 1568-QĐ TTg có thể cho di dời nghĩa trang quân đội cuối cùng, và cũng là lớn nhất, nghĩa trang Biên Hòa gần Sài Gòn. Trên thực tế, con em của cựu quân nhân công nhân viên chức Việt Nam Cộng Hòa không được tuyển vào ngành công an ; trong quân đội thì họ không thể lên được qua bậc hạ sĩ quan. Kể từ sau năm 1975 không có một người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa hoặc con em của họ được chỉ định chức xã trưởng hay phường trưởng. Trước tòa án, khi một người đã từng đi tù trong các trại học tập cải tạo do những cộng tác với chế độ Việt Nam Cộng Hòa thì luôn đã bị xem là một trách nhiệm pháp lý. Chúng tôi có thể trưng dẫn hàng loạt dữ kiện khác. Sự phân biệt đối xử và tình trạng hạ nhục đối với cựu quân nhân công nhân viên chức Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn đang tiếp diễn ; họ và con em họ vẫn còn bị đối xử như những công dân hạng hai.

Xã hội dân sự vẫn còn nằm trong vòng kiểm soát gắt gao. Chúng tôi có thể thách thức bất cứ ai có thể kể tên một tổ chức cơ sở nào không nằm dưới sự kiểm soát của chính quyền cộng sản. Hơn nữa, mọi cố gắng hình thành những hội đoàn độc lập, dù là phi chính trị, là ngay lập tức bị trừng phạt một cách ác liệt. Như trường hợp nhà văn nổi tiếng Trần Khải Thanh Thủy đã bị phạt đến 9 tháng tù giam, dù đang bị mắc bệnh lao và tiểu đường, chỉ vì mới tuyên bố thành lập hội dân oan khiếu kiện. Cô được thả vào tháng Hai vừa qua nhưng vẫn còn bị quản chế hành chánh.

Thưa Thượng Nghị Sĩ Webb,

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mà tôi là người phát ngôn, kể từ khi thành lập vào năm 1982 như là một phong trào chính trị cổ vũ cho dân chủ đa nguyên và hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động, đã luôn chú trọng vào nỗ lực tự do hóa xã hội dân sự ở Việt Nam. Do nhu cầu công việc chúng tôi hiểu rõ tình trạng của xã hội dân sự ở Việt Nam. Nó đang vùng vẫy hòng thoát khỏi nanh vuốt của Đảng Cộng Sản và cần sự hỗ trợ mạnh mẽ từ thế giới bên ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ. Chúng tôi vững tin rằng, cùng với những cải tiến trong quan hệ song phương, những áp lực về nhân quyền, như Dự Luật Nhân Quyền Việt Nam HR3096 hay bản tu chính của nó, có thể mở cửa Việt Nam ra với thế giới bên ngoài và giúp người Việt Nam giành thắng lợi dân chủ.

Chúng tôi tin rằng đây là những điều mà Hoa Kỳ và Thượng Nghị Sĩ đang mong muốn cho Việt Nam, bởi vì dân chủ và nhân quyền là những giá trị nền tảng của Hoa Kỳ, và cũng là những gì mà sáu mươi ngàn thanh niên Hoa Kỳ đã hy sinh ở Việt Nam.

Xin thành thực cảm tạ sự quan tâm của Thượng Nghị Sĩ.

Trân trọng,

Nguyễn Văn Hiệp,
Người phát ngôn của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên
1332 Land Grant Road
Charlotte, NC 28217 - U.S.A.
Phone: 704-909-8761
Email: nguyenvnhielvietnam@yahoo.com

TÂY DU HÍ

Trần Nguyên Phong

Chuyến "Tây Du" của ngọn đuốc Thế vận hội Bắc Kinh 2008 - từ những trạm Hy lạp, Anh, Pháp, Hoa kỳ, Argentina, Tanzania trong tuần trước, đến Pakistan, Ấn Độ, Thái Lan, Mã Lai, v.v. trong mấy ngày qua... - chẳng có gì là vê vang. Cuộc dàn áp Tây Tạng đã biến một chiến dịch tuyên truyền nhằm vinh danh sự "huy hoàng" của Trung Quốc trở thành "con đường khổ giá" và "con đường ô nhục" (báo Anh và Pháp).

Người Tây phương không tẩy chay một lễ hội liên hoan, cuộc thi đua thể thao trong tinh thần huynh đệ, người ta chống chính sách dàn áp tàn bạo của một siêu cường quốc đối với một dân tộc thiểu nhược lại hiếu hoà. Đồng thời họ cũng muốn tỏ sự dị ứng và bất bình trước thái độ lộng hành, xấc xược của nhân viên các sứ quán Trung Quốc và lực lượng vệ sĩ đặc biệt bám sát ngọn đuốc (coi như của riêng mình, chứ không phải của chung cộng đồng Thế vận hội gồm hơn 100 quốc gia). Một viên chức thể thao Anh và một võ sĩ nhu đạo Pháp đã gọi những người này là "rô-bô" và "côn đồ". Lần đầu tiên người Tây phương chạm trán với một phái đoàn chính thức tượng trưng sự ưu tú của Trung Quốc trên chính đất nước của họ, và khám phá ra bộ mặt thật của một loại nhà giàu mới, với tư cách kiêu căng hiếu thắng của kẻ tiểu nhẫn dắc chí. Đó là "lý tưởng hài hòa" Olympic, nói chi đến tinh thần thượng võ của người Tàu thời xa xưa...?!

Trộm nghĩ, sở dĩ chuyến "Tây Du Hí" 2008 thất bại ê chề là vì nó không có chính nghĩa ! Chủ đích là làm một chiến dịch tuyên truyền qui mô dưới chiêu bài rước đuốc Thế vận hội (tạm giống như đi "thỉnh Kinh" trong truyện "Tây Du Ký") - thật ra chỉ là mang chuông và phèng la di đánh nước người hầu "thỉnh" sự nguông mộ và thán phục của thiên hạ, tức hoàn toàn vì mục đích chính trị - mà lại không được một cao tăng Huyền Trang hướng dẫn, kềm hâm bót tham sân si, chỉ tuân theo chỉ thị thực dụng của những sứ thần phàm tục, thì ắt phải gặp nạn. Thậm chí lại không ngớt bôi bác lăng mạ một Đường Tăng-Lama chỉ mong cho dân tộc Trung Quốc được hưởng một Thế vận hội xứng đáng. Tà tâm sao hái được chánh quả !

Cho nên một chàng Robert Ménard của "Phóng viên không biên giới" đã tự phát dùng phép thần thông gây... đại náo Thiên cung : từ hai giờ sáng "người-khỉ Tôn Ngộ Không" đã tàng hình leo lên đỉnh tháp thánh đường Notre Dame với sự hỗ trợ của hai tay "alpinistes" trèo núi chuyên nghiệp (tạm gọi là Tru Bát Giới và Sa Tăng), cả ba chiến sĩ nhân quyền nắm im chờ đến quá trưa mới treo tấm biển ngữ vĩ đại phông đèn với năm cái "còng số 8" nhại năm cái vòng năm màu của Thế vận hội Bắc kinh. Dân Paris bàng hoàng trố mắt ngắm cảnh ngoạn mục ! Nhà thờ Đức Bà của Kinh thành Ánh sáng này chưa hề khoác một chiếc khăn ngopher như thế ! Không

biết Sứ quán và đặc phái viên báo đài Trung Quốc có dám gửi tấm hình trích thượng này về Thiên đình không. Nhưng họ đã phải quyết định hủy bỏ lộ trình rước đuốc Thế vận hội đi qua Khải Hoàn Môn và cuộc tiếp tân tại tòa Thị chính Paris...

Thua me gõ bài cào

Sau những trạm Nam Mỹ và Phi Châu tạm gọi là yên, cũng như Pakistan, Ấn Độ và Thái Lan hiện không muôn (không dám) mích lòng Trung Quốc nên đã cho lực lượng an ninh biến những điểm nóng thành phố thành những pháo đài, ngọn đuốc sấp đến Úc và Nhật. Để ngừa sự lộng hành của đội vệ

sĩ Trung Quốc như đã xảy ra ở Châu Âu, hai quốc gia này đã thông báo trước là việc bảo vệ cuộc chuyển đuốc Thế vận hội trên nước họ thuộc trách nhiệm của cảnh sát địa phương chứ không thể khác...

Ngày 29-4 ngọn đuốc sẽ tới thành phố Hồ Chí Minh-Sài Gòn là chặng cuối cùng trước khi qua Hồng Kông để trở về Trung Hoa lục địa. Chưa biết Việt Nam chuẩn bị đón tiếp ngọn đuốc thế nào, điều chắc chắn là nó làm chính

quyền Việt Nam nhức đầu hơn mọi biến cố khác trong thời gian gần đây. Vì một lý do dễ hiểu : đối với Trung Quốc, trạm Việt Nam là một trạm tiêu biểu tối quan trọng nên nhất quyết phải làm cho nó tuyệt hảo. Không những nó là cơ hội quý hóa để có thể gõ gạc cái ấn tượng quá xấu bên Tây phương (thua me gõ bài cào), mà còn nhằm gây ấn tượng mạnh trên một "nước bạn và đồng minh" vốn dễ bảo, mà hiện lại như rực rịch đòi mang hổ sơ lanh thổ lanh hải gì đó ra kiện tụng trước quốc tế... Tiện đây ta "hù" Việt Nam cũng là hù luôn cả thế giới : đấy các ngài xem, tình hữu nghị Việt-Trung vẫn thắm thiết, môi hở răng lạnh, chung một biển Đông chung một tấm lòng mà, có xích mích gì đâu ! Hồ sơ kiện tụng gì đó sẽ tịt ngòi!

Dựa trên kinh nghiệm hai tuần qua, không cần phải giỏi bói toán cũng biết chắc là cộng đồng Hoa kiều Chợ Lớn và lục tỉnh miền Nam đang được huy động ráo riết để biểu dương lực lượng khi đón đuốc Thế vận hội trên đường phố Sài Gòn. Điều chắc nữa là lãnh sự quán Trung Quốc và đơn vị vệ binh đặc biệt (wu jing, to con 1,80 m, thao các món võ... tàu) đã từng hoành hành nước ngoài hai tuần qua sẽ dùng mọi thủ đoạn để áp đảo đồng chí công an nước bạn trong việc bảo vệ ngọn đuốc.

Hình ảnh lý tưởng cũng là thông điệp mà chính quyền Trung Quốc muốn gửi cho dân của họ và cho cả thế giới thấy, là cảnh dân chúng thành phố Sài Gòn hô hởi tung hô khẩu hiệu vinh danh Thế vận hội Bắc kinh 2008 dưới rừng cờ đỏ rợp trời ("chung một màu cờ") (1), "Đông phương Hồng". Trước một cảnh tượng như thế, mọi người Việt yêu nước dù ở trong



hay ở ngoài, bất kể chính kiến, đều phải đau lòng phẫn uất! Còn đối với thế giới, phản ứng tiêu cực mà Trung Quốc đã gây ra suốt mấy tuần qua sẽ giảm bớt đi : đây là một điều rất bất lợi cho Việt Nam trong việc đấu tranh đòi lại Hoàng Sa-Trường Sa...

Thiên thời địa lợi...

Thế nhưng, dù tiểu nhược đến đâu, một dân tộc khi đặt trước tình trạng bị hà hiếp tột bức vẫn còn đủ sức tiềm tàng để tự giải thoát. Đặc biệt là dân tộc Việt Nam, từng được nuôi dưỡng bởi truyền thống 2000 năm kháng cự sự thống trị và mưu đồ xâm lược dai dẳng của Bắc triều - một đặc tính ghim sâu trong "gen" nay đã thành dân tộc tính.

Người Việt dù có chia rẽ, khi tổ quốc lâm nguy, đất nước bị xâm lăng, danh dự quốc gia bị chà đạp thì triệu người như một đều có khả năng gạt bỏ chính kiến để đoàn kết trước tai họa chung. Cuộc chiến tranh biên giới 1979 cho thấy nhiều người "chống cộng không đội trời chung" thời đó đã đồng tâm ủng hộ chính quyền cộng sản Việt Nam chống lại kẻ xâm lăng. Điều này Trung Quốc biết rõ hơn ai hết, cho nên đã thay đổi chiến thuật : chơi nước cờ ly gián, chia rẽ là thượng sách ! Vì vậy người Việt hải ngoại thì ngày càng chống cộng hăng say theo kiểu "Trung Quốc xâm lăng, Việt Nam bán nước...". Còn trong nước thì Trung Quốc vừa tăng cường gây sức ép kềm kẹp thông tin báo chí không dám nói động gì đến Trung Quốc, vừa tăng cường o bế, mua chuộc những người lãnh đạo bằng những dự án thuỷ điện độc bọc đường ! Ai có lợi nhất, thế giới đều thấy rõ. Người Việt tinh trí trong, ngoài nước, hơn lúc nào hết, ngay lúc này hẳn phải thấy rằng, chống cộng đòi dân chủ hóa Việt Nam là một nhu cầu, nhưng không thể thiếu khôn ngoan để bị lợi dụng, bị ly gián, có hại cho sự hợp lực đấu tranh chống kẻ xâm lược chủ quyền của đất nước.

Nhưng một yếu tố mạnh nữa vừa được dịp xuất hiện gần đây là thế hệ trẻ Việt Nam, mà nòng cốt là sinh viên học sinh, qua những cuộc biểu tình chống việc Trung Quốc đặt quyền chiếm hữu lên quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa hồi cuối năm ngoái. Sự trong sáng của tuổi trẻ, vượt qua mọi mưu đồ, và sự phẫn uất của người dân Việt "tức nước vỡ bờ" trước kẻ xâm lăng, là điều Trung Quốc hiểu rõ hơn ai hết và rất e ngại... Bởi đó chính là bản chất thực sự của dân tộc Việt mà Đại Hán Trung Quốc mọi thời đã hàng nghìn năm không diệt được...

Cho nên người Việt khắp nơi chỉ mong sao trong dịp được Thế vận hội ghé Việt Nam, chính quyền cộng sản Việt Nam có đủ khôn ngoan để hiểu hai yếu tố trên là hai điểm mạnh nhất của mình, và biết là Trung Quốc cũng hiểu như thế. Do đó, sẽ không cấm đoán hoặc đàn áp thanh niên biểu tình ủng hộ dân Tây Tạng bị đàn áp, phản đối Trung Quốc là một quốc gia ỷ mạnh hiếp yếu, như hiếp đáp chủ quyền Việt Nam để xâm chiếm hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, không thể hiện tinh thần hòa bình theo truyền thống của Thế vận hội. Nếu không tiện ra mặt huy động dân biểu tình, thì ít nhất cũng phải làm ngơ hoặc giải tán lấy lệ để giữ chút thể diện cho cái "tình hữu nghị" không còn ý nghĩa nữa... Và dù tự trọng bản lĩnh để không nghe lời xúi dại của các quân sư Bắc triều, rằng : "Áy chết, nếu các đồng chí để cho dân biểu tình thoải

mái thì nay mai chúng nó quen mùi sẽ đòi tự do dân chủ, chống tham nhũng thì các đồng chí nghĩ sao ?! Cứ xem bên Trung Quốc chúng tôi, từ vụ Thiên An Môn đảng cộng sản cầm ngặt tụ họp từ dãm ba mồng, nói chi đến biểu tình, nên lúc nào cũng bốn phương phảng lặng "trăm kinh" vững vàng, có việc gì đâu !" (2). Thiết nghĩ đây là cái "risk" mà chính quyền Việt Nam phải dám can đảm nhận. Đồng thời cũng là một thông điệp mạnh mà đã đến lúc Việt Nam phải gửi cho Trung Quốc và cho thế giới :

a. Việt Nam có hậu thuẫn vững và đủ bản lĩnh để thương thuyết tay đôi mọi vấn đề với Trung Quốc mà không chịu để lấn áp nữa ;

b. Việt Nam đã chín mùi cho dân chủ và đang chấp chừng trên con đường đi tới, cần sự ủng hộ giúp đỡ của những quốc gia dân chủ trên thế giới để thoát khỏi sự kềm kẹp của Trung Quốc.

Đã đến lúc phải chấm dứt cái tình trạng nguy hiểm mà Hà Sĩ Phu đã báo động : "Nhân sự lãnh đạo Việt Nam là cửa ngõ để Trung Quốc tiến hành chiến lược xâm lăng..." (!!). Tức phải quyết tâm bẻ gãy cái vòng kim cô mà Trung Quốc xiết trên đầu các nhà lãnh đạo Việt Nam và trên vận mệnh đất nước từ nhiều thế hệ nay... Hãy dừng sợ ! Gió đã đổi chiều đối với một chính quyền kiêu căng, hanh tiến và tàn bạo... Họ đang gây sự bất hòa chứ không phải "hài hòa với thế giới!"

Nhờ sự hy sinh vĩ đại của dân tộc Tây Tạng đang phải trả một giá quá đắt trong dịp Thế vận hội ngàn năm một thuở này, chính quyền Việt Nam được hưởng một cơ hội thiên thời địa lợi hiếm hoi không thể bỏ qua. Chỉ còn yếu tố quyết định nhân hòa là hoàn toàn lệ thuộc sự khôn ngoan, sáng suốt, nếu có, của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam và cách họ đối xử với cộng đồng dân tộc bên trong lẫn bên ngoài trong những ngày tháng tới...

Thứ bảy 18-4-2008 vừa qua, sinh viên Trung Quốc và nhiều người dân Trung Quốc ở Paris đã biểu tình phản đối Pháp và biểu lộ tinh thần dân tộc của họ. Như chính quyền Trung Quốc đã cảnh cáo Tây phương. Đó là việc của họ về sau... và sự thầm định của thế giới về "tinh thần dân tộc" ấy có ý nghĩa thật sự hay không, hay chỉ là sự ngu muội dễ bị kích động không nhìn thấy chính quyền của họ đang sai lầm, và dân tộc Trung Quốc sẽ phải trả giá đắt vì những sai lầm ấy...

Nhưng còn tinh thần dân tộc của Việt Nam và việc Trung Quốc gián tiếp sỉ nhục dân tộc Việt Nam qua việc rước đuốc Thế vận hội đi qua Sài Gòn với lịch trình của đuốc đã phát cho mọi người có in rõ hai địa điểm Hoàng Sa và Trường Sa như là của họ thì sao ?

Trần Nguyên Phong (Paris, 25-4-2008)

(1) "Chung một màu cờ" trong hoàn cảnh này rõ là một tai họa ! Phải chì... (chúng ta hãy mơ !) lá cờ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thay vì phông đỏ sao vàng thì... ngược lại : tượng trưng da vàng tim đỏ... Nhưng đây lại là vấn đề khác...

(2) Tòa Đại sứ Trung Quốc - Paris đòi phải cấm biểu tình chống cuộc rước đuốc, Tòa tỉnh trưởng (Préfecture) trả lời : "Đâu được ! Bên Pháp chúng tôi, chỉ cần một tờ khai (une simple déclaration) là đủ".

Nửa đường từ khô rách đến giàu có

The Economist

Đầu gối và cùi chỏ chึง sát đất, du khách cố gắng đi theo anh hướng dẫn đang nhanh nhẹn lách qua những ngõ ngách của đường hầm tù túng đào sâu trong lòng đất. Đường hầm Củ Chi huyền thoại, trước đây Việt Cộng dùng để mở những đợt tấn công chớp nhoáng lính Mỹ trong thời chiến tranh Việt Nam, nay đã trở thành nơi thu hút du khách nổi tiếng. Những du khách từ khắp nơi trên thế giới mỗi ngày đều đến nơi này kinh nghiệm thành phố vẫn thường được gọi là Sài Gòn, nay đổi tên thành thành phố Hồ Chí Minh sau khi cộng sản chiếm miền Nam năm 1975.

Bên cạnh xác xe tăng M 41, một anh hướng dẫn khác giải thích một tá các loại chông thô sơ với mũi nhọn đã được gài quanh đường hầm để nhắm vào các binh sĩ Mỹ đuổi bắt họ. Người Việt Nam không những vui mừng tiếp đón đồng Mỹ Kim du khách đem lại cho Củ Chi, nhưng cũng lấy làm tự hào về nó. Họ cảm thấy điều này chứng minh tài khéo léo, khả năng thích nghi, lòng kiên trì và nhất là quyết tâm chống lại kẻ ngoại xâm mạnh hơn họ gấp bội, như họ đã từng chứng minh trong suốt những thế kỷ trước.

Ngày nay Việt Nam cũng có nhiều điều để hán diện. Trong thập niên năm 1980, những người lãnh đạo đảng kế vị Hồ Chí Minh gây tác hại hơn nữa cho nền kinh tế lụn bại vì chiến tranh bằng cách thực thi chủ nghĩa cộng sản cứng rắn qua các chủ trương tập thể hóa các quyền sở hữu đất đai và trấn áp kinh doanh tư nhân. Điều này đã làm cho đất nước của họ suýt chết đói. Không lâu sau đó là sự sụp đổ của Liên Xô, thành trì của cuộc đổi mới chiến tranh lạnh đã chống thêm vào tình cảnh cô lập thảm, và sự đứt mạch nguồn ngoại tệ đồng rúp từng cầm hơi cho nền kinh tế một thời. Dạo ấy, các nước láng giềng phải cứu mang khỏi "thuyền nhân" tuyệt vọng từ Việt Nam tràn ra.

Sau đó, đất nước Việt Nam đã thay đổi trong vòng gần 20 năm nhờ tăng trưởng nhanh chóng và cẩn đối, nhờ Việt Nam đã mở tung cánh cửa với bên ngoài và giải tư kinh tế. Trong vòng 10 năm qua, tăng trưởng hàng năm trung bình là 7.5%. Giới trẻ Việt Nam sung túc và tự tin tấp nập trên đường phố sang trọng Đồng Khởi tại thành phố Hồ Chí Minh với những cửa hiệu thời trang. Đổi với một nước mà mãi tới gần đây vẫn còn là một nước nghèo khổ thì mức sống hiện nay đã lên cao, và các thành phố lớn đã duy trì được những nét duyên dáng thời đế quốc, cho dù lưu lượng giao thông chen chúc và những công trường xây cất liên tục đã bắt đầu gầy trở ngại.

Một phép lạ về nông nghiệp đã biến một nước 85 triệu dân trước đây phải nhọc nhằn mới đủ ăn nay trở thành một trong những nguồn cung cấp lớn sản phẩm nông nghiệp cho thế giới. Việt Nam cũng trở thành một nhà xuất khẩu lớn về quần áo, giày dép và đồ gia dụng, nay mai lại cung ứng sản phẩm vi mạch điện tử nhờ Intel mở cơ xưởng một tỉ Mỹ kim gần thủ đô Hà Nội. Việc nhập khẩu cơ khí tăng vọt. Xuất khẩu và nhập khẩu tương đương với 160% tổng sản lượng quốc gia, khiến cho nền kinh tế của Việt Nam trở thành một trong những

nền kinh tế rộng mở nhất thế giới.

Tất cả những điều này đã duy trì lợi tức của chính phủ được lành mạnh mặc dù họ giảm thuế quan nhập khẩu. Gần đây thuế doanh nghiệp cũng giúp bơm thêm tiền vào ngân khố của chính phủ. Chi phí cho những dịch vụ công cộng đã tăng nhanh, trong khi nợ công của nhà nước ở mức 43% của tổng sản lượng quốc gia, tương đối ổn định.

Việt Nam đã làm hòa với các kẻ thù cũ và tiếp đón các vị tổng thống Bush, Putin và Hồ Cẩm Đào tại hội nghị thương đỉnh Châu Á Thái Bình Dương năm 2006 và gia nhập WTO (Tổ Chức Thương Mại Thế Giới) năm 2007. Năm nay Việt Nam nhận được một trong những ghế luân phiên trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

22 năm trước, cộng sản Việt Nam phải thua nhau thất bại kinh tế, lâm vào cơn khủng hoảng trầm trọng, buộc phải áp dụng cải cách thị trường gọi là "đổi mới", tương tự như chính sách Đặng Tiểu Bình áp dụng cho Trung Hoa trước đó vài năm. Cũng giống như Trung Hoa, kết quả cần có thời gian để lộ diện, nhưng những năm tháng vừa qua, việc giải tư kinh tế đã thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng và giảm đói nghèo.

Ông Ajay Chhibber, đại diện của Ngân Hàng Thế Giới tại Việt Nam, gọi Việt Nam là "biểu tượng" về lợi ích của việc cải cách theo chiều hướng kinh tế thị trường. Không những Việt Nam tuân theo giáo huấn của "Thỏa Ước Washington" - xí nghiệp tự do, doanh thương tự do, tài trợ bén nhạy của chính phủ và vân vân - nhưng đồng thời cũng đáp ứng đầy đủ những điều kiện của *Millennium Development Goals* (những Mục Tiêu Phát Triển của Thiên Niên Kỷ), một chương trình vận động chống nghèo đói của Liên Hiệp Quốc. Tỉ lệ các nóc gia được cấp điện đã lên tới 94%, tăng lên gấp đôi kể từ đầu thập niên 1990. Hiện nay hầu hết các trẻ em đều đi học tiểu học và có được một vốn liếng chữ nghĩa căn bản.

Việt Nam không còn cần sự trợ giúp của các tổ chức đa phương. Năm nay những nhà tài trợ đa phương và song phương, cả hai đều hứa cho Việt Nam vay tặng 5,4 tỉ Mỹ kim, nhưng nhờ vào số lượng đầu tư ngoại quốc đổ vào quá nhiều, dự trữ tiền tệ của Việt Nam đã gia tăng gấp đôi năm ngoái. Ít ra các nhà tài trợ đã rút kinh nghiệm của những giữa thập niên 1990, khi những lời tán tụng thái quá đã khiến Việt Nam không tiếp tục cải cách, làm các nhà đầu tư phải tháo chạy ra khỏi Việt Nam. Một nhà ngoại giao đã có lần tham dự những cuộc họp kín với các giới chức nói rằng bây giờ lời lẽ thảng thốt.

Việt Nam đã trở thành con cưng của các nhà đầu tư ngoại quốc và các công ty đa quốc gia. Những xí nghiệp áp dụng chiến lược "Trung Hoa cộng một" cho các cơ xưởng mới trong trường hợp tình hình không ổn tại ngay chính Trung Hoa thường dùng Việt Nam là nước cộng một đó. Tiềm lương Việt Nam so với vùng miền Nam Trung Hoa vẫn rẻ hơn nhiều và mức sản xuất tăng giá nhanh hơn, mặc dù có một căn bản thấp hơn. Khi Hội Nghị Liên Hiệp Quốc về Thương Mại và Phát Triển hỏi các công ty đa quốc gia nào họ dự định đầu tư vào

cho năm nay và năm tới, Việt Nam, đứng hàng thứ sáu, là nước Đông Nam Á duy nhất được liệt vào hạng 10 nước đứng đầu.

Chương trình của chính phủ nhằm bán cổ phần những xí nghiệp quốc doanh và đưa chúng vào khuôn khổ kinh tế thị trường gần đây đã tăng tốc. Đồng thời sự chuyển hướng từ một nền kinh tế chỉ huy sang việc cạnh tranh tự do đã cho phép tinh thần doanh nghiệp của dân Việt Nam đua nở. Hầu hết các gia đình hiện nay đều có kinh doanh nhỏ bên lề và một số đông các xí nghiệp lớn nhiều tham vọng cũng gia nhập thị trường chứng khoán.

Phần lớn các lời tán dương thêm một lần nữa đổ vào Việt Nam cũng không phải là quá đáng. Chính quyền đang trên đà tiến đến mục tiêu biến Việt Nam thành một quốc gia có lợi tức trung lưu vào khoảng năm 2010. Mục tiêu dài hạn của họ, trở nên một nước kỹ nghệ hiện đại vào năm 2020, xem ra không hẳn là mộng tưởng.

Nhưng kể từ nay trở đi, tình hình sẽ khó khăn hơn. Như ông Chhibber lưu ý, chỉ có một số ít quốc gia tránh được "cái bẫy lợi tức trung lưu" khi họ bắt đầu trở nên giàu có. Họ có chiều hướng đánh mất sự hăng say cải cách và sự tăng trưởng tiêu tan. Một bản nghiên cứu năm 2006 của Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam kết luận việc giảm nghèo đói sẽ đòi hỏi mức độ tăng trưởng cao hơn trong quá khứ bởi vì những người nghèo còn sót lại nằm dưới lằn mức nghèo khổ, trong khi đó những người vừa mới bước qua lằn mức này cũng không đi được xa.

Mùi hôi tanh của tham nhũng

Giới lãnh đạo đảng cộng sản công khai nhận rằng quần chúng Việt Nam đã chán ngấy nạn tham nhũng cố hữu ở mọi mức độ sinh hoạt xã hội, từ anh cảnh sát lưu thông và những nhân viên thấp bé cho đến những ông tai to mặt lớn trong các bộ. Năm 2006, ngay trước đại hội ngũ niên của đảng, bộ trưởng giao thông phải từ chức và nhiều giới chức bị bắt vì vụ việc hàng triệu Mỹ kim tiền tài trợ ngoại quốc được đem đi cá độ trong những trận đá bóng. Giới lãnh đạo nhấn mạnh họ cố gắng hết sức để tẩy trừ, nhưng vẫn còn rất nhiều việc cần phải làm.

Cũng tệ hại không kém tham nhũng là sự dâm chân tại chỗ của tiến trình tư pháp và hành chánh. Những dự án luật phải qua biết bao nhiêu khúc quanh mới có hiệu lực, với bao nhiêu lần tham khảo để di tìm thỏa hiệp. Ranh giới phân chia giữa đảng cộng sản, chính quyền và các tòa án chưa hề rõ ràng. Hệ thống pháp luật thật là sơ khai. Các luật sư không có quyền tham khảo các hồ sơ bị cáo, vì vậy họ không thể nào dùng những án lệ trong những tranh biện của họ.

Chính quyền đang trên đường thực hiện một dự án lớn để giảm bớt thủ tục hành chánh. Gần đây họ giảm con số từ 28 xuống 22 bộ. Song hiện nay sự tắc nghẽn hành chánh vẫn làm ngưng trệ những công trình xây dựng đường sá, các trạm biển điện và các công sự khác để duy trì mức tăng trưởng. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nói rằng nếu muốn tăng trưởng tiếp tục ở mức độ hiện nay, khả năng sản xuất điện của quốc gia cần phải tăng lên gấp đôi vào năm 2010. Đây có lẽ là một mệnh lệnh quá to tát, ấy là nói nhẹ đấy.

Việc sở hữu xe hơi tăng vọt đã khiến cho hệ thống đường sá chậm phát triển của Việt Nam đang đi vào ngõ cụt. Trong một nỗ lực hoàn toàn tự do kinh tế thị trường để giới hạn sai

biệt giá cả khi giá dầu vọt lên trên 100 Mỹ kim một thùng, chính quyền cắt giảm tiền trợ cấp dầu vào tháng Hai. Nhưng hậu quả là thúc đẩy đà lạm phát, vốn dĩ đã cao ở mức đáng ngại 19,4% vào tháng Ba. Tiền nhà băng cho vay tăng lên 38% năm vừa qua khi các xí nghiệp và tư nhân thi nhau vay mượn để đầu cơ vào cổ phần và bất động sản.

Chính quyền cảm thấy việc quản lý một kinh tế gồm có đa số các công ty tư nhân, nhà băng và tư nhân đầu tư khó khăn hơn là ra lệnh cho một số giới hạn những cơ quan của chính phủ, đặc biệt là khu vực công phải chịu đựng những thất thoát tài năng sang những xí nghiệp tư nhân có khả năng trả lương cao hơn.

Tình hình có thể xấu đi

Tất cả những điều này đã khiến cho phát triển kinh tế lâu dài của Việt Nam sẽ gặp những hiểm nguy sau :

- Đà lạm phát gia tăng - gây thiệt hại đặc biệt cho những người lương thấp - và nạn thiếu hụt nhà cửa với giá phải chăng có thể tạo nên một tầng lớp người nghèo thành thị trong số các công nhân không chuyên nghề đã bỏ ruộng vườn để lên sống thành thị. Lại thêm nỗi bất bình về nạn quan tham và số người giàu mới phát lên có thể dẫn đến đìn công và phản kháng, gây bất ổn chính trị bấy lâu nay làm chổ dựa cho tăng trưởng và đầu tư.

- Tự do kinh doanh và gia tăng cạnh tranh nội địa sẽ tạo lợi tức cho một số xí nghiệp và nông dân nhưng gây thiệt hại cho những ngành khác - đặc biệt là những doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả. Những yếu tố này hợp lại gây áp lực khiến chính phủ phải ngưng hoặc ngay cả xét lại cải cách.

- Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán hoặc sự sụp đổ thị trường bất động sản có thể làm sụp đổ một xí nghiệp lớn hoặc một ngân hàng. Vì luật pháp và các cơ chế điều hòa tài chánh liên quan đến vấn đề phá sản tại Việt Nam còn yếu ớt và chưa được thử nghiệm, nên chính quyền sẽ phải khổ sở đương đầu với loại tai họa này.

- Thiên tai, từ bệnh cúm gia cầm cho đến nạn lụt, có thể tạo nên xáo trộn.

- Hạ tầng cơ sở rạn nứt và sự thiếu hụt nhân công tay nghề cao có thể làm đình trệ nền kinh tế. Đường sá chật chội, nạn cúp điện và sự bất lực trong việc bổ sung ngành nghề quản lý và chuyên nghiệp có thể làm sụp đổ mức tăng trưởng của Việt Nam.

Việt Nam đã tự đặt cho mình những tiêu chuẩn cao cho nên ngay cả sự phối hợp của tất cả những yếu tố trên thế nào cũng đưa mức độ tăng trưởng hằng năm xuống dưới 5%, và điều này xem ra là một bước lùi đáng ngại. Phạm Gia Khiêm, bộ trưởng Ngoại Giao, nhìn nhận mức tăng trưởng của Việt Nam hiện nay vào khoảng 8-9% thấp hơn so với các nền kinh tế giàu có nhất tại Á Đông vào cùng thời điểm phát triển.

Mặc dù những hiểm nguy đang chờ phía trước, Việt Nam đã cho thế giới thấy một mẫu mực đáng phục vì đã khắc phục được chiến tranh, chia rẽ, thiếu thốn, cô lập, tăng trưởng mạnh mẽ và quan bình để đạt được quy chế lợi tức trung lưu. Mô hình này có thể làm gương cho các quốc gia nghèo đói châu Phi, hoặc gần gũi hơn có thể là Bắc Triều Tiên. Nếu có thể phối hợp với việc từ từ cải trùi chính trị, họ có thể gởi gắm một ít suy nghĩ cho Trung Quốc.

Nguyễn Gia Thưởng chuyển ngữ

Đảng (cộng sản) còn trụ được đến bao lâu ?

The Economist

Lời tòa soạn : "How long can the party last?" là bài cuối của một loạt bài phúc trình đặc biệt về Việt Nam trên tuần báo The Economist số ra ngày 26-4-2008. "How long can the party last ? là bản đúc kết về những nhận định của một số chuyên gia kinh tế phương tây về Việt Nam. Tuy nhiên, cũng phải nhận rằng lầm khi cái nhìn của người phương Tây vẫn chỉ có thể là những cái nhìn từ bên ngoài, do vậy khó tránh được tình cảnh "cõi ngựa xem hoa", thậm chí những ngô nhận đáng ngại, nhất là khi bài viết được in trên một tuần báo sáng giá như The Economist.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thả lỏng tất cả, ngoại trừ chính trị. Có lẽ rồi cũng sẽ đến lượt chính trị mà thôi

Một chuỗi người xếp hàng dài đến vài trăm mét, phần đông là người Việt Nam nhưng cũng có một vài người ngoại quốc. Họ lần lượt vào lăng Hồ Chí Minh tại Hà Nội, nơi được canh gác bởi những vệ binh mặt lạnh như tiền, quân phục tề chỉnh. Họ tiếp nối nhau đi vào căn phòng mà xác của nhà lãnh tụ cách mạng đã được ướp và để trong lồng kiếng, hàm râu bạc trắng chạy dài trên chiếc áo đen. Mỗi góc phòng có binh lính đứng canh. Một vài người lính bế những cháu bé lên, kề vào hành lang vây quanh lồng kiếng để các em có thể nhìn rõ hơn Bác Hồ, người có công khai quốc với viễn kiến và với "đạo đức mẫu mực" mà các em đều được răn bảo noi theo từ khi bước vào mẫu giáo cho đến khi vào đại học.

Nhà chức trách Việt Nam đã dùng ngôn ngữ của kinh tế thị trường và đã chọn lựa cách ăn nói về phát triển của các cơ quan thuộc Liên Hiệp Quốc. Nhưng khi đề cập đến chính trị thì các lãnh tụ cộng sản Việt Nam lại quay về với lời ăn tiếng nói của thời chiến tranh lạnh, vừa ướp lạnh vừa xơ cứng... như xác của ông già nằm trong lăng. Những phiên họp của đảng vẫn đưa ra nghị quyết với chủ trương "giai cấp công nhân là đội ngũ tiên phong của cách mạng" và đảng vẫn là "giai cấp tiên phong trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội". Đối với họ, các "thế lực thù địch" đang đòi xét lại độc quyền lãnh đạo của đảng, là những tên "khủng bố" mặc dù người ta chỉ hô hào những cải cách ôn hòa mà thôi. Một bảng vẽ tuyên truyền đứng sừng sững trên cánh đồng dọc theo xa lộ có lẽ đã được thai nghén từ những tín đồ ngoan đạo nhất của giáo phái Mác-Lê. Bảng vẽ này dông dạc tuyên bố : "Tổ chức và cá nhân nộp thuế là nhân tố thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của đất nước và ngân sách quốc gia".

Từ khi chính sách "đổi mới" đã được ban hành hơn 22 năm qua, Việt Nam đã thay đổi rất nhiều và theo chiều hướng tốt. Quan trọng nhất, người dân đã hưởng được những quyền tự do kinh tế rộng lớn, đó là quyền tự do kinh doanh và tự do chọn lựa nguồn cung cấp sản phẩm và dịch vụ. Người dân có quyền đi du lịch nước ngoài và được khuyến khích gửi con em du học. Họ ngày càng có khả năng để thực hiện cả hai giấc mơ này. Phần đông người dân đã có thể đón nhận truyền hình hay truyền tin ngoại quốc và vào được các trang web của nước ngoài.

Tuy dung thứ rất nhiều ảnh hưởng đến từ bên ngoài, chính quyền vẫn tìm cách kiểm soát những đề tài mang tính cách chính trị và văn hóa. Các đại học kinh tế ngoại quốc được khuyến khích mở trường tại Việt Nam, nhưng có một chỉ thi quy định rằng các trường đều phải giảng dạy "tư tưởng Hồ Chí Minh"

cho tất cả sinh viên Việt Nam. Các tiệm sách đều đầy những tác phẩm dịch từ tác giả như Mẹ Teresa cho đến Jackies Collins, tuy nhiên quy định về diễn xuất (ban hành vào năm 2004) nghiêm cấm các diễn viên nhuộm tóc hay, thậm chí, đầu trần khi lên sân khấu.

Khó có thể đưa ra một nhận định rõ ràng từ những dữ kiện mâu thuẫn trên vì, như thông lệ, mọi sinh hoạt nội bộ của cấp lãnh đạo đảng đều được giữ bí mật. Tại Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào được nhìn nhận như nhân vật có quyền uy tối cao và quy tụ về mình chức vụ chủ tịch nước, tổng bí thư đảng và chủ tịch quân ủy trung ương. Ngược lại, nước Việt Nam được quản lý theo nguyên tắc "tam đầu chế" : tổng bí thư Nông Đức Mạnh, chủ tịch Nguyễn Minh Triết và thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Cá nhân chủ nghĩa không được tán dương trừ trường hợp của cố chủ tịch Hồ Chí Minh. Quốc hội và Ban chấp hành trung ương đảng là những lực lượng có quyền uy chứ không chỉ là những cơ quan "gật đầu ba phẩ".

Vài nhà ngoại giao và quan sát viên tại Hà Nội cho rằng Ông Dũng là động cơ của cuộc tự do hóa kinh tế liên tục. Một số khác đánh giá rằng toàn bộ cấp lãnh đạo đảng mới là tác nhân đẩy mạnh công cuộc cải tổ chống lại guồng máy hành chánh lề mề của chính phủ. Việc rõ ràng nhất vẫn là, trên phương diện tự do cá nhân, phe chủ trương từng bước thả lỏng đang thắng thế. Chính quyền Việt Nam có lẽ ít hung bạo hơn so với một số quốc gia dân chủ láng giềng : các nhân vật bất đồng chính kiến, những lãnh tụ tôn giáo chẳng mấy khi phải trực diện với rủi ro bị sát hại, như tại Phi Luật Tân. Những chống đối trong trật tự dễ được chấp nhận hơn là tại một Tân Gia Ba luôn căng thẳng.

Đảng cộng sản cũng đã gần như từ bỏ việc bách hại tôn giáo, mặc dù các nhà sư, các linh mục và tín đồ Cao Đài vẫn còn bị bắt giam vì hoạt động chính trị. Thật ra, nhà chức trách đang tuyên dương những đóng góp của tôn giáo cho xã hội, mặc dù chính quyền tiếp tục đòi quyền quyết định việc phong chức cho các lãnh đạo tôn giáo.

Sắc tộc thiểu số cũng đang được đối xử khá hơn. Vào thập niên 1990, cùng với hiện tượng phát triển nông thôn Việt Nam, đã không có chính sách nhằm ngăn chặn người đồng bằng cưỡng chiếm những vùng đất mà các sắc tộc người thiểu số vẫn thường cây cấy. Những chống đối vào năm 2001-2004 tại Tây Nguyên đã bắt buộc chính quyền phải ban hành chính sách bảo vệ quyền lợi của các sắc tộc thiểu số, phần đông vẫn còn nghèo khó. Đưa điện và nước về các làng xã thuộc sắc tộc thiểu số cũng đã được đôn đốc nhiều hơn. Một giáo sư Mỹ, từng quan tâm và đã nghiên cứu các sắc tộc ít người ở Việt Nam, đã cho biết họ có số phận tốt đẹp hơn những người đồng cảnh ngộ tại các quốc gia Đông Nam Á khác.

Giới báo chí và viễn thông vẫn còn bị kiểm soát chặt chẽ. Nhưng những chỉ trích đứng đắn về chính sách của nhà nước, thí dụ như cách quản lý lạm phát gần đây, đã được cho phép. Một cuộc nghiên cứu về ngành báo chí của bà Catherine McKinley, cựu thông tin viên của hãng Dow Jones, cho thấy có nhiều phóng viên, biên tập viên trẻ và đầy nhiệt quyết mong muốn đất nước được quản lý tốt hơn. Nhiều nhân vật tai to mặt lớn có thể bị phát hiện và truy tố vì tham nhũng.

Quét sạch

Cấp lãnh đạo đảng thừa biết lòng căm phẫn của quần chúng về tình trạng tham nhũng là mối nguy lớn nhất cho việc họ tiếp tục cầm quyền. Tuy nhiên, như bà McKinley đã cho thấy, chưa chắc gì phạm vi tự do ban bố cho giới nhà báo đồng nghĩa với chính sách trừng trị thẳng tay nạn tham nhũng, như chính quyền thường khoe khoan: Một phóng viên đã được khuyên nhủ nên chấm dứt điều tra về vụ tai tiếng trong Bộ giao thông vận tải nếu nó gây tác hại đến những nhân vật "ở trên cấp bộ". Chính quyền đã cho phép nhà báo phơi bày tệ nạn tham nhũng từ khi chính sách "đổi mới" được ban hành. Hai mươi năm sau, sinh hoạt chính trị của Việt Nam không sạch sẽ hơn. Dù sao giới báo chí Việt Nam cũng không thiếu tự do hơn đồng nghiệp tại Tân Gia Ba trong công tác đem ra ánh sáng dư luận những vụ tai tiếng của các ông lớn hoặc trong công tác bình luận về tình hình chính trị.

Hệ thống luật pháp không đáng tin cậy và rất hỗn độn. Ngân Hàng Thế Giới (WB), tuy rất thận trọng, cũng đã báo động về xu hướng hình sự hoá những tranh cãi chỉ mang tính cách dân sự. Tình trạng này thường xảy ra khi một bên trong vụ tranh cãi là doanh nghiệp nhà nước. Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, trong bản báo cáo thường niên về nhân quyền tháng 3 vừa qua, đã bày tỏ mối quan ngại vì cách thức tuyển chọn chánh án Việt Nam vẫn còn phải chịu ảnh hưởng của đảng cộng sản. Nhưng bản báo cáo trên cũng cho biết đảng Nhân Dân Hành Động (PAP) của Tân Gia Ba cũng có những hành vi tương tự.

Chính quyền Việt Nam khẳng định không có tù nhân chính trị, mặc dù một số nhân vật bất đồng chính kiến hiện đang bị giam giữ chỉ vì họ cổ súy cho dân chủ. Trên phương diện này, Trung Quốc có một quá trình đáng sơ hơn, họ dùng toà án như công cụ chính trị và đối xử với người đối lập một cách thô bạo hơn.

Một nhà ngoại giao am tường về Trung Quốc và Việt Nam ghi nhận thêm hai yếu tố khác biệt. Tại Trung Quốc, các nhà cách mạng lão thành đều đã qua đời. Lãnh đạo đảng hôm nay xa lìa với thực tế quần chúng bởi một giai cấp quan lại xu nịnh. Các nhân vật cách mạng Việt Nam, còn rất trẻ trong chiến tranh vào những thập niên từ 1950 đến 1970, vẫn còn tại vị (trong chính phủ, trong doanh nghiệp, trong ngành giáo huấn hay trong những lãnh vực khác). Mối liên hệ giữa những "anh hùng kháng chiến" có thể làm cho giới lãnh đạo nhạy cảm hơn đối với những lo âu hàng ngày của thường dân. Nếu thật như vậy thì tình trạng căng thẳng tương tự như biến cố Thiên An Môn có lẽ sẽ được phát hiện và quản lý sớm hơn. Phản ứng đòn áp theo kiểu Trung Quốc có ít xác suất xảy ra hơn.

Đảng đang đi về đâu? Trọng lượng của nhà nước đã trở nên khiêm tốn hơn và vai trò của chủ nhân, của giới cung cấp hàng hoá và dịch vụ đang trở nên quan trọng hơn. Trong điều kiện đó,

phần trọng lượng của đảng cũng giảm nhiều, nhất là tại đô thị, trừ khi có cá nhân nào đứng lên đối đầu với đảng. Người dân vẫn còn sợ đảng cho dù chính quyền đã tỏ ra nhu nhược. Người Việt Nam tránh nói chuyên chính trị, cho dù họ sinh sống ở ngoại quốc, vì e ngại rằng sẽ liên lụy đến gia đình ở quê nhà. Tại Việt Nam, họ sợ rằng trong trường hợp "phát ngôn bừa bãi" họ sẽ bị tống giam với những tội vạ nhảm nhí. Một doanh nhân Việt Nam, được phỏng vấn cho bài viết này, đã "vòng vo tam quốc" khi phải trả lời về việc bắt buộc phải là thành viên chi bộ đảng khi muốn làm doanh nhân. Một doanh nhân khác giả vờ không biết tiêu chuẩn này và sau đó đã phải "nhớ ra" khi bị bắt buộc.

Việt Nam tiếp tục mở cửa kinh tế và thích nghi với công cuộc xóa đói giảm nghèo của Chương trình Mục tiêu Phát triển cho Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc. Các nhà đầu tư ngoại quốc và các định chế đa phương dần dần từ bỏ phương pháp bàn tay sắt bọc nhung. Không có cuộc thăm dò ý kiến nào đáng tin cậy về những suy tư của dư luận về chính trị. Có lẽ cuộc thăm dò xác thực và mới nhất vừa xuất phát từ cơ quan TNS (và chi nhánh). Cuộc thăm dò này đã cho thấy giới trẻ lạc quan nhất Á Châu là giới trẻ Việt Nam. Hình như nó xác minh một dư luận đã miễn cưỡng cho rằng đảng đã có công lao thống nhất, tái thiết đất nước và, gần đây hơn nữa, cải thiện đời sống. Tuy nhiên tham nhũng tiếp diễn và hố sâu giàu nghèo đang làm tổn thương vốn liếng này của đảng. Một nghiên cứu mới đây của WB cho thấy những doanh nghiệp lớn đều có tiền dứt lót trong khi tiểu công nghiệp không tìm được vốn nợ để làm ăn.

Chỉ cần một tai nạn kinh tế (làm trì trệ tiến trình cải thiện đời sống) là đủ để diều động người dân chống lại chế độ. Hơn nữa, khi người dân đã quen với những tự do kinh tế và biết thưởng thức sự giàu sang, tự do, họ sẽ khao khát được nhiều tự do chính trị hơn. Khác với người Thái, người Việt không là một dân tộc chỉ biết cúi đầu vâng dạ. Một ngày đẹp trời, khi mức độ chán chường đã quá tải, họ có thể đánh tan sợ hãi và ăn thua đủ với chính quyền.

Dân chủ chớp nháy

Một nữ sinh viên cho biết thế hệ của cô quan tâm đến "làm ra tiền hơn là làm chính trị". Họ không nể trọng gì những nhân vật cầm quyền. Cũng như một phần những Việt kiều đã trở về Việt Nam và đã được phỏng vấn, cô ta quan niệm rằng chính quyền rồi cũng sẽ phải chấp nhận đổi mới. Một nhà tu thuộc Thiên Chúa giáo đã nói rằng phần đông người dân muốn thay đổi ngay lập tức. Tuy nhiên sau nhiều năm binh lửa, người dân tỏ ra yêu chuộng hòa bình hơn và vì vậy chấp nhận tạm thời chính thể hiện hữu.

Trong hai năm qua, đã le lói thêm những vận động dân chủ hoá đất nước. Trong lúc đảng cộng sản tổ chức đại hội X vào tháng 4-2006, một nhóm bất đồng chính kiến mang tên Khối 8406 đã ra bản Tuyên ngôn Tự do Dân chủ cho Việt Nam. Một đảng lưu vong, Việt Tân, đã đưa người về nước thâu nạp đảng viên và khích động để có đổi thay. Một số thành viên về Việt Nam đã bị bắt và bị trục xuất. Khi ông Hoàng Minh Chính, lãnh tụ của một tổ chức khác mang tên đảng Dân Chủ Việt Nam và cũng là một trong những sáng lập viên Khối 0486, từ trần vào tháng 2-2008, hàng trăm nhà dân chủ Việt Nam đã về Hà Nội để viếng và đưa đám ông.

Vì đã nỗ lực tạo một tu thế đáng nể phục, lãnh đạo đảng

sẽ rất khó phản ứng nếu lực lượng dân chủ Việt Nam được tăng cường sức mạnh. Có thể nào họ sẽ cho quân đội lệnh bắn vào thường dân nếu phải đương đầu với tình trạng tương tự như Thiên An Môn? Liệu quân đội có tuân thủ một mệnh lệnh như vậy ? Cho đến nay, việc mà đảng đã làm là cho phép một số thảo luận về đề tài nền bờ đi chữ "C" (Communist, Cộng Sản) trong tên đảng để trở thành đảng Lao Động hay với một danh xưng nào khác.

Hai mô hình để noi theo

David Koh, chuyên gia về Việt Nam tại Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á (Tân Gia Ba), cho biết đảng cộng sản đang nghiên cứu một vài công thức dân chủ hóa, nhưng có thể sẽ không được như Âu Tây mong mỏi. Ông Koh nghĩ rằng có lẽ thay đổi sẽ xuất phát từ bên trong, khi mà đảng hết có thể lần nữa được nữa. Ông trích dẫn một câu ngụ ngôn Việt Nam : "Nước tới chân mới nhảy".

Đảng có đến 3,2 triệu đảng viên. Theo nhận xét của một học sinh, đảng viên được kết nạp từ những thành phần ưu tú nhất trong giới sinh viên. Nhưng những đảng viên này thường bị những người bạn cùng lớp đe dọa vì những đặc quyền mà họ được ban phát. Có lẽ nổi cám giận này xuất phát từ nạn lạm dụng tư thế đảng viên để móc nối và mưu cầu lợi ích cá nhân hơn là ước vọng phục vụ đất nước. Nguy cơ lớn nhất là Việt Nam đang đi theo khuôn mẫu của các quốc gia Đông Nam Á : một quốc gia sa lầy vào tư thế của một nước với lợi tức bình thường mà không tiến thêm được ; một quốc gia rên xiết dưới ách áp bức của một đám cướp đeo mặt nạ tinh hoa xã hội ; một quốc gia với những cơ cấu nhà nước hèn kém, với mô hình "tư bản móc nối, ô dù" và với một thể chế dân chủ... "cuội".

May mắn thay, Việt Nam có hai mô hình kế cận để noi theo. Tại Đài Loan và Hàn Quốc, một đảng độc quyền vào thập niên 80 đã từng bước dân chủ hóa đất nước. Chính trường của hai quốc gia này có thể thô bạo. Nhưng tiến trình dân chủ hóa đã đưa hai nước này đến đỉnh cao của thịnh vượng và đỉnh cao của nền kinh tế kỹ nghệ. Đó là những gì Việt Nam mong muốn.

Một lộ trình khác cũng đã hiện rõ. Trong số ứng cử viên quốc hội, ngày càng có nhiều người không thuộc đảng cộng sản. Cho phép người ngoài đảng ra tranh cử có thể là bước đầu của tiến trình đề cập trên.

Như những kẻ đương quyền tại Việt đang khám phá, quản lý một nền kinh tế thị trường năng động khó khăn hơn là cai trị một thể chế kinh tế hoạch định cẩn cỗi. Điều quan trọng là chính quyền Việt Nam có dám thừa nhận rằng kinh tế thị trường sẽ hữu hiệu hơn khi nguyên tắc thị trường cạnh tranh cũng được áp dụng vào chính trị, như tại hầu hết những quốc gia thịnh vượng và tiến bộ. Những nhà bất đồng chính kiến lưu vong thường tỏ ra bi quan. Tuy nhiên Nguyễn Xuân Ngãi, phát ngôn viên của đảng Dân Chủ Việt Nam tại Hoa Kỳ, đã nhận thấy một vài dấu hiệu đầy hứa hẹn. Ông cho biết, một vài thành viên trong nước thuộc tổ chức của ông đã khẳng định tư thế đảng viên mà, cho đến nay, không bị bắt. Ông không ngần ngại suy đoán rằng có nhiều xác suất đảng Dân Chủ được phép để xuất ứng cử viên trong kỳ bầu cử quốc hội vào năm 2011.

Mọi việc trên có thể được xem như lạc quan tếu. Nhưng nếu đảng cộng sản đã có khả năng biến một đất nước đổ nát vì chiến tranh, chia rẽ và nghèo nàn lạc hậu trở thành một Việt Nam thống nhất, thịnh vượng và, rồi cuối cùng là tự do dân chủ, thì chắc là họ sẽ được định công qua thùng phiếu.

Nguyễn Huy Đức chuyển ngữ

Thêm một kỷ tích tại Châu Á

The Economist

Việt Nam phát triển ở vận tốc ngoạn mục nhờ cho thi trường tự do vận hành. Giờ thì phải nới lỏng thêm về chính trị thôi

Cách đây không lâu lắm, trên báo chí, từ «Việt Nam» hầu như đồng nghĩa và đồng hành với cụm từ «thuyền nhân». Suốt hai thập niên sau ngày Sài Gòn sụp đổ vào năm 1975, biểu tượng cho Việt nam là hình ảnh những làn sóng người tị nạn trôi dạt và lê lết lên bờ biển các nước láng giềng, lẩn trốn sự đàn áp và đời sống khốn đốn tại quê hương. Tất cả đã thay đổi. Ngày hôm nay, nhiều người tị nạn thuở nào đã trở về làm ăn và lập nghiệp tại một Việt Nam đang thay da đổi thịt. Phát triển của Việt Nam hiện nay đang ở mức cao nhất Châu Á, với tỉ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm vào khoảng 7.5% trong thập niên qua. Tuy độ tăng trưởng trên kém xuất sắc hơn Trung Quốc, bản phúc trình đặc biệt của The Economist trong tháng 4-2008 cho thấy Việt Nam đã gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận trong công cuộc xoá đói giảm nghèo. Việt Nam thành công hơn cả người láng giềng khổng lồ phương Bắc. Hy vọng đạt được mức tăng trưởng với tỉ lệ 9% cho năm nay đã tan theo mây khói : Việt Nam đang phải đương đầu với tỉ lệ lạm phát "hai con số" và cán cân thương mại ngày càng mất thăng bằng giữa xuất và nhập. Tuy nhiên về lâu về dài, viễn ảnh vẫn chưa đựng đầy hứa hẹn.

Thoát khỏi nghèo hèn

Các thành phố Việt Nam giờ đã trở nên lộng lẫy và nhộn nhịp. Tại thôn quê, nơi mà đa số người Việt Nam sinh sống, đời sống không thua gì nông thôn Thái Lan, mặc dù Thái Lan được xem là giàu có hơn. Việt Nam, từng dựa lưng nỗi chết... đói, giờ đã biến thành một trong những nước xuất cảng nông phẩm nhất nhì trên thế giới. Như một phép màu làm đảo ngược tình thế, Phi Luật Tân, một thời là quốc gia thịnh vượng thứ nhì Châu Á, vừa phải khẩn cầu Việt Nam bán gạo cho hầu tránh được nạn đói đang đe doạ hàng triệu người Phi. Thành công kinh tế và xã hội Việt Nam đã khiến quốc gia này trở thành học trò ngoan mà các định chế đa phương, như Ngân Hàng Thế Giới (WB), tuyên dương. Đất nước này đang trở thành một trong những điểm hẹn phát triển vượt bậc của các công ty đa quốc gia và của các doanh nghiệp du lịch. Việt Nam cũng đang tăng cường ảnh hưởng trên bình diện bang giao : hiện đang là thành viên không thường trực, Việt Nam sẽ nắm giữ ghế chủ tịch Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc vào tháng 7 sắp đến.

Với uy tín vừa gầy dựng được, Việt Nam sẽ rất hữu ích cho thế giới. Việt Nam có thể vừa là mẫu mực, vừa

đóng vai trò ngoại giao tích cực. Những quốc gia đang trong giai đoạn chuyển tiếp có thể tiếp nhận những lời cố vấn của Việt Nam trên một số đề tài: làm sao gác qua những thù xưa hận cũ, mở cửa ra với thế giới bên ngoài, canh tân nền kinh tế phá sản. Với cương vị một người bạn hiếm hoi của Bắc Hàn và Miến Điện, Việt Nam có thể dỗ ngọt những kẻ đang tự giam hãm trong đốt nát để họ bước ra khỏi hoàn cảnh tự mình cô lập mình. Với kinh nghiệm một nước đã thoát khỏi cơ hàn nhờ vào chọn lựa tự do thương mại, Việt Nam có thể khuyến khích những nước đang phát triển có thái độ tích cực hơn trong những vòng đàm phán Doha liên quan đến mậu dịch quốc tế (cũng như sẽ làm gương cho những nước, tuy tiên tiến nhưng đáng xấu hổ, và khuyến khích họ cũng nên có thái độ tích cực).

Tuy những thành quả gặt hái đã đáng để nể trọng, nhưng Việt Nam vẫn chưa thỏa mãn. Đất nước này muốn đi hết đoạn đường dẫn đến thịnh vượng và dẫn đến đỉnh cao công nghệ. Mục tiêu đặt ra là sẽ đi đến nơi đến chốn vào năm 2020. Trong thế kỷ qua, kẻ thù của Việt Nam đã hiểu được một điều: không nên đánh giá thấp lòng quyết tâm và trí thông minh của dân tộc Việt Nam.

Nhưng nếu muốn biến giấc mơ trên thành hiện thực, Việt Nam cần rút tảng một cách đứng đắn những bài học từ kinh nghiệm của riêng mình. Việt Nam cũng nên học từ những quốc gia láng giềng, những quốc gia đã đạt đến địa vị giàu sang mà chính Việt Nam đang thèm thuồng có được.

Việt Nam chỉ thành công sau khi đảng Cộng Sản cầm quyền nhìn nhận rằng chủ thuyết tư bản, thị trường tự do và tự do mậu dịch là con đường an toàn nhất đưa đến thịnh vượng. Chủ trương "Đổi Mới" đã được xúc tiến vào năm 1986 với chính sách tự do hoá, dù chương trình cải tổ đã diễn ra một cách không đồng nhất trong 20 năm sau đó. Hợp tác xã bị xóa bỏ, người cày được có ruộng làm ăn và nông phẩm được tự do định giá theo mức cung cầu. Cho đến năm 2000 vẫn còn bị kiềm chế nghiêm ngặt, tư doanh được hợp thức hóa và thị trường chứng khoán được thiết lập. Hàng rào mậu dịch được hạ thấp, xuất nhập cảng tăng vọt. Việt Nam bây giờ là một trong những quốc gia có nền kinh tế mở rộng nhất ra thế giới. Có lẽ sẽ không còn con đường thoái lui: Mọi cố gắng hầu tái thiết sự can thiệp mang tính cách diệt vong của chính phủ chắc chắn sẽ khiến giấc mơ trở nên giàu mạnh vào năm 2020 vẫn chỉ là một giấc mơ.

Như Hàn Quốc, Đài Loan và, gần đây, Trung Quốc, chế độ độc tài Việt Nam đã chứng minh có khả năng đưa đất nước thoát khỏi nghèo hèn. Nhưng có một điều chắc chắn hơn: hiện tượng các quốc gia giàu mạnh nhất thế giới (theo tiêu chuẩn thu nhập/dầu người) đều là những đất nước tự do dân chủ không là một trùng hợp ngẫu nhiên.

Tự do chính trị là một quyền lợi bất khả nhẫn nhượng. Vì vậy, không cần phải biện hộ thêm rằng tự do chính trị đem lại nhiều lợi nhuận kinh tế. Nhưng dấu sao, sự thực cũng vẫn là thế: những kẻ đương quyền tại Việt Nam đã khám phá ra rằng khó có thể điều khiển một nền kinh tế thị trường đang trên đà tăng tốc bằng

những nguyên tắc của kinh tế hoạch định. Sẽ dễ dàng quản lý những cơn sốt căng thẳng của một xã hội với đà phát triển nhanh nếu có được một thị trường tự do về tư tưởng cũng như về hàng hóa và về dịch vụ. Đi xa hơn nữa, mọi chính sách kinh tế, tuy khó khăn nhưng cần thiết, sẽ dễ được ban hành và dễ chấp nhận hơn nếu mọi công dân cảm thấy rằng, trong chính sách đó, mình cũng đã có quyền và đã có phần đóng góp ý kiến.

Hãy trở thành minh tinh

Cho đến bây giờ, dường như đảng Cộng Sản vẫn một mực độc quyền lãnh đạo. Đảng gọi những người đấu tranh cho dân chủ là "khủng bố" và tổng giám họ. Nhưng đảng nên đặc biệt chú tâm và rút tảng kinh nghiệm từ Hàn Quốc và Đài Loan. Cho đến cuối thập kỷ 80, hai quốc gia này vẫn chủ trương độc tài toàn trị. Hai chế độ độc tài này, khi trực diện với nỗi bất đồng ngày càng lớn mạnh, đã nhận diện ra được những thông điệp cảnh cáo và đã chấp nhận dân chủ hóa đất nước để tránh khỏi những bất trắc. Hiện nay, mặc dù đời sống chính trị còn có một vài thủ đoạn thô bạo, hai quốc gia này đã tạo cho mình một nền kinh tế giàu mạnh với một công nghiệp cao, một nền kinh tế mà chính Việt Nam đang mong mỏi.

Tuy nhiên, hình như Đảng Cộng Sản Việt Nam đang bị thu hút bởi một mô hình khác: đảo quốc thịnh vượng và tân tiến Tân Gia Ba. Vì có một diện tích khiêm tốn, Tân Gia Ba cần được xem như một trường hợp ngoại lệ. Vì vậy đảng Nhân Dân Hành Động (PAP) đã có cơ hội liên tục và tiếp tục cầm quyền, trong khi phe đối lập chỉ được ban bố quyền hạn cạnh tranh với PAP trong những điều kiện khắt khe. Ngay cả trong trường hợp này, áp dụng mô hình Tân Gia Ba cũng sẽ là một khởi điểm đáng quý cho Việt Nam.

Nói cho cùng, Việt Nam cũng có những quốc gia láng giềng với một thể chế dân chủ lỏng lẻo và bất trắc. Đó là Phi Luật Tân và Thái Lan. Nhưng cả hai trường hợp này chỉ có thể chứng minh được một điều: nếu không là điều kiện đầy đủ, dân chủ vẫn là một điều kiện tối cần thiết để có thể vươn mình lớn dậy và lao lên vị thế hàng đầu. Thế hệ cầm quyền Việt Nam hiện nay là hậu duệ của cuộc đấu tranh giành độc lập để đem lại những gì tốt đẹp nhất cho dân tộc. Chính vì vậy, những kẻ đương quyền cần suy tư đến mẫu người sẽ thay thế họ trong tương lai. Nếu thế hệ tiếp nối chỉ là nhóm người thiểu số nguyên tắc nhưng lại tham nhũng, tham lam và vẫn trảng tráo cầm quyền mà không sợ bị đào thải thì đất nước sẽ lui vào bóng đêm quá khứ.

Cho đến nay ít nhiều đã có những dấu hiệu đối kháng chống lại nguyên tắc độc quyền độc đảng. Nhưng khi tự do kinh tế và tự do xã hội đã được nới rộng và trở nên quen thuộc đối với người Việt Nam, những chống đối trên tất nhiên sẽ bộc phát. Còn chần chờ gì nữa? Đối với lớp hậu sinh của Hồ Chí Minh, có gì hăng diện hơn khi được sử sách đánh giá như những người đã đem lại ổn định, thịnh vượng và, cuối cùng là tự do thật sự cho dân tộc.

Nguyễn Huy Đức chuyển ngữ

Người Thượng trên Cao Nguyên : quả bom nổ chậm

Đỗ Văn So

Những cuộc xuống đường ôn hòa của người Thượng trong những năm 2001 và 2004 đòi quyền tự do tín ngưỡng và đòi lại đất của cha ông để lại bị nhà nước và những quan chức các cấp chiếm đoạt đã gây tiếng vang lớn khắp nơi, nhất là sau đó người Thượng ồ ạt vượt biên giới sang Cam-bốt để lánh nạn truy lùng bắt bớ của công an cộng sản Việt Nam.

Hơn hai tuần nay Cao Nguyên lại âm vang náo động trong tiếng gào thét đòi quyền tự do tín ngưỡng, đòi trả tự do cho hơn 300 người Thượng khấp nơi đang bị nhà nước cộng sản Việt Nam cầm tù. Nhưng những lần biểu tình mới đây của người Thượng không còn ôn hòa như những lần trước, đã xảy ra những đợt đập phá các cơ quan chính quyền địa phương vùng sâu vùng xa trong chớp nhoáng. Phải chăng những hiện tượng này báo trước vấn đề người Thượng đang là quả bom nổ chậm. Sức tàn phá của nó như thế nào vẫn chưa ai hình dung ra được nhưng việc đổ máu sẽ không tránh khỏi nếu chính quyền cộng sản Việt Nam không tìm ra cách giải quyết thích đáng.

Nhìn lui

Nhìn lại những lần xuống đường năm 2001 và 2004, mọi người đều ngỡ ngàng bàng hoàng trước biến cố lớn này, mọi người ở đây bao gồm cả chính quyền cộng sản Việt Nam và người Kinh sống trên Cao Nguyên.

Từ mờ sáng, từng đoàn người Thượng già trẻ trai gái vai mang gùi, lưng điệu con cùng tưng bừng sát cánh bên nhau túa tràn vào trung tâm các thành phố Pleiku, Buôn Mê Thuột, Kon Tum. Quá bất ngờ trước một sự kiện mà chính quyền cộng sản Việt Nam tại các tỉnh trên không hề nghĩ đến, hay đúng hơn họ nghĩ không thể nào xảy ra được. Với họ đối tượng nguy hiểm là những phần tử trí thức người Kinh liên kết với những tổ chức phản động lưu vong nơi xứ người chứ không phải bọn người Thượng mà họ cho là ngu dốt, hèn nhát và lạc hậu này sau những trận càn quét dẹp tan lực lượng Fulro còn sót lại. Bất ngờ và lúng túng, các cấp chính quyền địa phương lại sa lầy vào nhiều sai trái trong việc ứng phó, họ phản ứng theo những thói quen đã từng làm trong suốt cuộc chiến tranh vừa qua : gian trá, xảo quyệt và tàn ác. Chính quyền cộng sản biết rằng họ không thể áp dụng biện pháp bạo lực trực tiếp với đoàn người biểu tình, vì nếu làm như thế chính họ đã châm lửa khai mào cuộc chiến với cộng đồng người Thượng.

Để ngăn chặn đoàn người ở các nơi đến điểm hẹn, công an tại các tỉnh nói trên đã huy động công nhân người Kinh trong những xí nghiệp, những cơ quan hành

chính, các đoàn thanh niên cộng sản và công an giả dạng thường dân ủa ra tấn công vào đoàn người Thượng đang trên đường đi. Người Thượng quần quại đau đớn quý ngã dưới trận đòn bappId="1" gậy gộc không nương tay của những người anh em từng nói rằng "chúng ta là bầy bì cùng chung một giàn". Ánh mắt của những người bị đánh ngã toát ra sự ngạc nhiên ngỡ ngàng vì trong thâm tâm họ người đánh sẽ là công an, là bộ đội cụ Hồ chứ không phải người dân Kinh. Máu từ những vết thương trên đầu túa ra, tràn chảy vào mắt

biến sự ngỡ ngàng thành oán thù căm hận. Chế độ cộng sản Việt Nam đã thành công trong việc ngăn chặn những đoàn người Thượng trẻ nài chưa vào được điểm hẹn, và họ cũng thành công tạo nên sự căm thù giữa Kinh và Thượng. Đây phải chăng là một phần của quả bom nổ chậm.

Những người Thượng đã vào được trung tâm thành phố cùng nhau tiến về các cơ quan đầu não của chính quyền. Họ bình thản trong bước đi, không la hét, không đập phá nhưng toát ra một sức mạnh tập thể đoàn kết thật đáng kinh sợ. Các lực lượng vũ trang nhân dân được huy động. Những hàng rào chắn bằng cọc bao dây thép gai được dựng lên khấp nơi để ngăn chặn làn sóng người đang tràn đến. Những tay súng giỏi và bộ đội được bố trí mai phục khấp nơi. Nhà lầu cao biến thành những pháo đài phòng thủ. Tất cả đợi lệnh để xả những tràng đạn vô tâm vào đám người Thượng trong tay không một tấc súng hay một khúc cây tự vệ. Thời gian như ngưng động, không khí dường như cô đặc làm mọi người hồi hộp khó thở.

Đoàn người Thượng vẫn lầm lì thẳng tiến tới các cơ quan đầu não của tỉnh. Với những bàn chân trần chai cứng vì đi bộ lâu ngày, những bàn chân của người già, của phụ nữ, của cả trẻ em đã đạp ngã những hàng rào chắn bằng sắt và dây thép gai, tất cả ngã xẹp dí xuống nền đường, đây đó loang lổ những vết máu đỏ thẫm của đoàn người lưu lạc. Công an được lệnh mặc thường phục, họ len lỏi vào đám người biểu tình, lén chụp hình ghi nhận những khuôn mặt họ cho là bọn cầm đầu. Trong con mắt chất phác thật thà của người Thượng tưởng họ là dân Kinh nên không phản ứng. Những khuôn mặt vô phúc được ghi nhớ sẽ là những con mồi cho công an truy đuổi, càn quét, bắt cóc ám thâm và tất cả cùng gặp nhau trong những trại cải tạo sau đó mặc dù chưa được tòa án luận tội phán xét, một số không có cơ hội nếm mùi trại cải tạo vì đã chết sau những đòn tra tấn lấy cung. Phải chăng đây cũng là một phần của quả bom nổ chậm.



Dân Kinh sống trên các tỉnh Cao Nguyên ngổ ngàng trước sự kiện chưa bao giờ xảy ra từ sau ngày 30-4-1975. Lúc đầu họ thán phục và hối hả trước sự gan lì của người Thượng khi dám ra mặt chống đối công khai với chính quyền cộng sản, những việc họ hăng mồ tuồng nhưng không dám làm sau nhiều năm sống trong khủng bố tinh thần, đe dọa, dằn mặt. Nhất là những năm đầu sau ngày 30-4 gia đình nào cũng có người thân là nạn nhân của chính quyền cộng sản. Chỉ cần nói vu vơ một câu nào đó cũng có thể nấm dến lịch trong trại cải tạo.

Hôm nay, người Thượng đã làm với bớt sự căm tức của họ với chế độ. Họ nói với nhau "mau đi xem tụi dân tộc quậy". Quậy là một từ ngữ dùng diễn tả một sự phá phách, một việc làm cho người khác chịu. Từ ngữ này đủ để nói lên những ý nghĩ khinh thường và chia cách với cộng đồng người Thượng. Người Kinh đứng hai bên đường xem đoàn biểu tình như những khán giả xem một trận đá banh. Công an cũng đứng xen kẽ với họ, nhiều người nhận ra các chú công an, họ gạ hỏi, hai bên đối đáp với nhau rất tâm đắc :

- Tụi nó đòi gì thế ?
- Chúng đòi tự trị.
- Trời đất, vậy nhà cửa tài sản của người Kinh mình thì sao ?
- Thị chúng lấy hết chứ sao.
- Thật thế sao ? Vậy thì đánh chết mẹ tụi nó đi.
- Không được, nhà nước không cho làm thế.
- Nhà nước không dám làm thì để dân tụi tui đánh cho. Sợ gì dám dân tộc đó chứ.

Từ sự ngổ ngàng nguồng mỏ chớp nhoáng, khoảng gần trưa tất cả biến thành thù hận nghi ngờ. Mau quá. Đến chiều thì nhà nào cũng chuẩn bị sẵn vũ khí tự vệ trong nhà mình. Khi đoàn người biểu tình đã quay về làng vì đói và vì thiếu nước uống, những trạm gác đã chiến mọc lên khắp nơi trên những tuyến đường ngoại thành vào trung tâm thành phố, quận huyện. Không khí căng thẳng của một cuộc chiến nở dần với những đám thanh niên Kinh hăng máu. Chỉ cần thấy một nhóm người Thượng ba bốn người đi với nhau là báo động được đánh lên. Họ tự động phòng thủ không cần chỉ thị của chính quyền. Trong chợ các bà bán hàng nhìn những người Thượng đến mua với cặp mắt nghi ngờ, hăm dọa và xua đuổi. Họ dùng những từ ngữ rất cay độc trong đối đáp. Người Thượng nào mua trên 15 ký gạo sẽ bị báo ngay cho công an bằng điện thoại. Chưa khi nào có một sự toa rập tâm đầu ý hợp giữa người dân Kinh và chính quyền như trong thời gian này. Một bên bảo vệ quyền lực cai trị, một bên bảo vệ tài sản sợ bị chiếm đoạt và đuổi về đồng bằng như lời chính quyền tung tin. Cả hai đều có chung một địch thủ là người Thượng. Đáng nói hơn là ở những bệnh viện, khi thấy người Thượng nào đó bị thương do bị đánh vở đầu, gãy tay, ngất xỉu được đưa tới, nhân viên y tá, bác sĩ không nhìn đến họ, không chăm sóc, không hỏi han.

Phải chăng đây là một phần của quả bom nổ chậm?

Nhin tói

Ngoài những nguyên nhân trên còn rất nhiều

nguyên nhân khác để tạo thành một quả bom hoàn chỉnh : sự bài xích chê bai và căm đoán thực hành văn hóa truyền thống của người Thượng, những đợt di dân ô ạt từ miền Bắc lên Cao Nguyên làm xáo trộn không gian sinh tồn và tổ chức xã hội truyền thống của dân bản địa, sự di cư kéo theo sự tàn phá rừng đến kiệt quệ. Sự chòng tréo khác biệt giữa luật tục và luật pháp nhà nước. Quyền tư hữu từ lâu đời là quyền thiêng liêng của người Thượng. Với dân bản địa một tổ ong đã có chủ, một lô đất đã được khai phá, một cây gỗ đã có người chọn không một ai được dành lấy cho mình khi chưa được phép của chủ nhân nếu không muốn bị phạt vạ.

Năm 2001 người Thượng đã công khai xuống đường biểu tình ôn hòa đòi công lý, đòi các quyền tự do cho mình theo hiến pháp nhà nước cho phép nhưng sự trù dập, khủng bố, bắt bớ bỏ tù, tra tấn, truy lùng sau những biến cố đó đã đẩy một số người Thượng vượt biên sang Cam-Bốt lánh nạn, một số khác ở lại chọn phương pháp đấu tranh bí mật có tổ chức. Tình hình này càng làm xã hội thêm rối loạn, công an nhìn người Thượng nào cũng nghi ngờ là phản động, người Kinh nhìn người Thượng nào cũng e dè sợ hãi người đó sẽ hành hung mình. Người Thượng thấy người Kinh là lo sợ vì trong kinh nghiệm họ đã từng bị người Kinh đánh đập.

Chúng ta thử hình dung một xã hội Cao Nguyên rối loạn như thế nào khi người Kinh không dám đi một mình vào nương rẫy vì sợ bị đánh, bị giết bởi người Thượng và người Thượng cũng không dám đi ra nơi người Kinh sống vì sợ bị đánh hội đồng. Nếu nhà nước cộng sản tiếp tục áp dụng phương pháp "ném đá giấu tay" như lâu nay vẫn thường làm và tiếp tục khủng bố truy bắt những người cầm đầu của người Thượng chắc rằng sự ly khai của người Thượng với cộng đồng người Kinh không thể coi là sẽ không bao giờ xảy ra.

Những vấn đề đó buộc chính quyền cộng sản Việt nam phải mau chóng tìm giải pháp thích ứng để tránh ngòi nổ quả bom được kích động. Phải đổi thoại với người Thượng để tháo gỡ những uẩn ức những đòi hỏi chính đáng của họ. Cần có những đại diện người Thượng trong quốc hội để trực tiếp lo vấn đề người Thượng và những người này phải do cộng đồng người Thượng tuyển chọn qua một cuộc bỏ phiếu công khai và ngay thẳng. Những vấn đề giáo dục, y tế, những đề án phát triển kinh tế phải được nghiên cứu và khai triển, tránh tình trạng những dự án là những dịp vỏ béo cho các cấp chính quyền.

Các nhà đấu tranh dân chủ người Kinh trong và ngoài nước hãy lên tiếng bảo vệ những đòi hỏi chính đáng của người Thượng. Phải chăng những đòi hỏi của người Thượng không phải là tiếng nói của người dân Việt Nam đòi quyền dân chủ và tôn trọng nhân quyền ? Phải chăng những người Thượng bị tù dày, bị tra tấn dã man vì đòi hỏi những quyền tự do của con người không phải là những chiến sĩ dân chủ ? Hay trong lòng những nhà đấu tranh dân chủ người Kinh vẫn có ý khác đối với cộng đồng người Thượng ?

Dăm So (North Carolina)

Về việc đào tạo và cấp bằng tiến sĩ tại Việt Nam

Trần Văn Thọ

Bài này vạch ra một số nhận thức sai lầm về bằng tiến sĩ [1] :

1. Bằng tiến sĩ không phải nhằm đào tạo nhà quản lý hoặc lãnh đạo để cho phép nhà nước cấp kinh phí đi học tại chức lấy bằng tiến sĩ ; bằng tiến sĩ là bước cơ bản nhằm đào tạo đội ngũ khoa học có trình độ cao để phục vụ giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học.

2. Nghiên cứu sinh không cần phải có đề tài mới để được nhận vào chương trình tiến sĩ, nhưng nghiên cứu sinh phải có đủ trình độ để từ quá trình học, nắm được phát triển lý thuyết cơ bản và kiểm chứng lý thuyết bằng thực tiễn trong ngành trên thế giới, từ đó biết được vấn đề gì đã được nghiên cứu và cái gì chưa được giải đáp và từ đó có đóng góp mới về mặt học thuật.

3. Luận án tiến sĩ không nhằm nghiên cứu một vấn đề thực tiễn áp dụng ngay cho việc phát triển xã hội, kinh tế như làm sao thu hút đầu tư nước ngoài, hoặc làm sao một địa phương có thể trong lúa ba vụ ; luận án tiến sĩ phải có tính học thuật (academic), triển khai bằng ngôn ngữ khoa học, bằng những khung lý luận cơ bản trong ngành và gói ghém có phê phán tất cả các lý luận, các kết quả mà các công trình nghiên cứu trước đã đạt được liên quan đến đề tài của mình ; quan trọng nhất luận án phải có tính độc sáng (originality), đạt ra được những vấn đề mới, đưa ra được những giả thuyết hay lý luận mới và kiểm chứng bằng những tư liệu mới.

Từ những nhận định trên bài viết bàn về yêu cầu thẩm định lại trình độ của giáo sư hướng dẫn, và các trường, viện đào tạo hiện nay, chấm dứt ngay những cơ sở không có tư cách cấp bằng.

Một trong những căn bệnh trầm trọng mà chế độ giáo dục đào tạo của Việt Nam trong mấy mươi năm qua gây ra cho xã hội ta là làm lạm phát văn bằng tiến sĩ, là đưa chuẩn mực của học vị cao nhất trong khoa học này xuống mức thấp ngoài sự tưởng tượng của người làm khoa học nghiêm túc. Nhiều người, kể cả người viết bài này, đã cảnh báo, phê phán vấn đề này từ rất sớm và đã có nhiều đề nghị cải cách rất cụ thể và khả thi. Thế nhưng vấn đề này không được cấp lãnh đạo cao nhất quan tâm, còn các cơ quan quản lý trực tiếp, chủ yếu là Bộ Giáo dục Đào tạo, thì hầu như bất lực [2].

Gần đây nhà nước có vẻ đã thấy không thể không hành động trước tình trạng đã quá trầm trọng. Cụ thể là vào tháng 1-2008 Bộ Giáo dục Đào tạo đã công bố bản Dự thảo qui chế đào tạo tiến sĩ (dưới đây gọi tắt là Dự thảo). Đây là lần đầu tiên vấn đề đào tạo tiến sĩ được đặt ra tương đối nghiêm túc. Tuy nhiên nội dung Dự thảo có nhiều điểm không khả thi, và nhiều điểm cho thấy người đặt chính sách chưa hiểu đúng ý nghĩa của việc đào tạo bậc tiến sĩ và yêu cầu của luận án tiến sĩ. Một khác, Dự thảo chủ yếu nói đến việc xây dựng qui chế cho những cơ sở đào tạo mới và không đề cập đến việc xử lý những văn bằng tiến sĩ sản sinh trong quá trình vàng thau lẩn lộn vừa qua, cũng như không nói rõ vấn đề cải tổ, thanh lọc những cơ sở đào tạo ra đời trong bối cảnh bê bối hàng chục năm qua. Vì đã có nhiều dịp phát biểu ý kiến về vấn đề đào tạo và cấp bằng tiến sĩ (xem danh mục ở cuối bài viết này), dưới đây tôi chỉ nêu một số vấn đề xét thấy cần đặt lại hoặc viết thêm ở thời điểm hiện nay :

Mục tiêu đào tạo tiến sĩ là gì ?

Thế nào là một luận án tiến sĩ ?

Tiêu chuẩn của giáo sư hướng dẫn và cơ sở đào tạo tiến sĩ.

Việc đánh giá và cấp bằng tiến sĩ nên làm như thế nào ?

Mục tiêu đào tạo tiến sĩ là gì ?

Trong kế hoạch đào tạo 20.000 tiến sĩ (đến năm 2020), suy nghĩ của người làm kế hoạch khá đơn giản và không thực tế. Ngoài tính bất khả thi, ta thấy nhà nước có suy nghĩ rất đơn giản : để phục vụ nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phải có một đội ngũ những nhà khoa học, cụ thể là đội ngũ của những

người có học vị tiến sĩ. Không biết từ bao giờ đã có một quan niệm sai lầm rằng bất cứ người làm trong ngành nào, kể cả quan chức và những nhà lãnh đạo doanh nghiệp, người có học vị càng cao càng "lãnh đạo" giỏi ! Do quan niệm sai lầm này, nhà nước đã cấp kinh phí cho quan chức đi học (làm nghiên cứu sinh) tại chức để lấy bằng tiến sĩ, và xem văn bằng này là một trong những tiêu chuẩn để để bạt lén chức vụ cao hơn. Do vậy quan chức tranh nhau đi học để lấy bằng và nạn học giả lấy bằng thật trở thành phổ biến. Quan điểm và chính sách này đã làm lãng phí nguồn lực xã hội và gây ra nạn lạm phát văn bằng tiến sĩ. Quan niệm sai lầm và chính sách chạy theo số lượng trong khi các tiền đề xây dựng cơ sở đào tạo chưa được xác lập đã hạ thấp (một cách kinh khủng) chuẩn mực văn bằng tiến sĩ là hệ quả đương nhiên.

Do đó, hơn bao giờ hết, cần xác định mục tiêu đào tạo tiến sĩ. Đó là tạo ra một đội ngũ khoa học có trình độ cao để phục vụ giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học có thể được thực hiện ở đại học hoặc các viện nghiên cứu của cơ quan nhà nước hoặc của doanh nghiệp (nhất là nghiên cứu ứng dụng), nhưng người thuần túy quản lý doanh nghiệp hoặc quản lý hành chánh không cần văn bằng tiến sĩ. Dĩ nhiên có trường hợp một số quan chức hoặc lãnh đạo doanh nghiệp có bằng tiến sĩ. Đó là trường hợp những người nguyên đã có dự định theo con đường nghiên cứu hoặc giảng dạy ở đại học nhưng sau đó tìm thấy khả năng của mình ở lãnh vực quản lý doanh nghiệp hoặc nhà nước. Cũng có trường hợp họ không thành công trong dự định ban đầu. Ở Nhật hay ở Mỹ người có bằng tiến sĩ khó tìm việc ở cơ quan hành chánh nhà nước hoặc doanh nghiệp hơn là người chỉ có bằng đại học (dĩ nhiên trừ trường hợp xin vào các viện nghiên cứu của doanh nghiệp hoặc của nhà nước).

Thế nào là một luận án tiến sĩ ?

Mới đây (tháng 3-2008) một lãnh đạo Bộ Giáo dục Đào tạo có nói một câu được báo chí nhắc đi nhắc lại nhiều lần : "Nếu không tìm được vấn đề gì mới thì đừng đi học tiến sĩ". Tôi ghi nhận chủ ý tích cực của câu nói này. Bối cảnh của ý kiến này

là tình trạng có nhiều luận án tiến sĩ chỉ là sự sao chép hoặc tổng kết các nghiên cứu của người khác và cần phải chấm dứt tình trạng này. Nhưng câu nói này khó hiểu đối với người làm khoa học, nhất là đối với người phụ trách đào tạo tiến sĩ nghiêm túc. Ta có thể đặt lại vài câu hỏi sau : Thứ nhất, một người định thi vào bậc tiến sĩ (thì làm nghiên cứu sinh) có cần phải có sẵn một đề tài mới ? Hay là đề tài mới chỉ được phát hiện trong quá trình học tập vất vả, phải biết vấn đề gì đã được nghiên cứu và cái gì chưa được giải đáp ? Thứ hai, thế nào là "mới" ? Có thể là mới trong một thực tiễn nào đó nhưng chẳng có ý nghĩa gì đối với khoa học. Chẳng hạn, làm sao để huy động vốn trong dân ở tỉnh A hay tại một thành phố B có thể là mới vì chưa ai nghiên cứu vấn đề cụ thể này nhưng đề tài tự nó chưa nêu ra được điểm gì mới về học thuật. Cần nói thêm là các đề tài luận án tiến sĩ kinh tế trong hơn 10 năm qua ở Việt Nam phần lớn đều có tính cách thực tiễn và thiếu tính học thuật như vậy. Tôi đã viết khá chi tiết về điểm này trên *Tia Sáng* (9-2003).

Vậy trình độ của người được cấp bằng và chuẩn mực khách quan của luận án tiến sĩ là gì ? Tiến sĩ là học vị cao nhất trong khoa học. Người được cấp bằng tiến sĩ do đó phải am hiểu các lý luận cơ bản, các khung phân tích trong ngành mình và nắm vững các khái niệm, các khung phân tích, các lý luận và những tiến triển nghiên cứu mới trong ngành chuyên môn hẹp của mình. Những kiến thức cơ bản này được trang bị từ các cấp bậc đại học và thạc sĩ nhưng ở bậc tiến sĩ phải được tiếp tục ở trình độ cao hơn và nhất là phải có cơ chế kiểm tra nghiêm túc để bảo đảm cho ứng cử viên học vị này hội đủ các điều kiện đó.

Trình độ của ứng cử viên tiến sĩ được thử thách và được nhân lên trong quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận án tiến sĩ. Ngoài tính khoa học, logic tất nhiên phải có, một luận án tiến sĩ phải có hai tính chất quan trọng. Thứ nhất là tính học thuật (academic) trong đó vấn đề phải được triển khai bằng ngôn ngữ khoa học, bằng những khung lý luận cơ bản trong ngành và gói ghém có phê phán tất cả các lý luận, các kết quả mà các công trình nghiên cứu trước đã đạt được liên quan đến đề tài của mình. Thứ hai là tính độc sáng (originality), luận án phải đặt ra được những vấn đề mới, đưa ra được những giả thuyết hay lý luận mới và kiểm chứng bằng những tư liệu mới. Cái "mới" trong khoa học là như vậy.

Cần nói thêm rằng đòi hỏi chính của luận án tiến sĩ là sự đóng góp về mặt lý luận và luận án là bằng chứng cho thấy ứng cử viên tiến sĩ có trình độ nghiên cứu độc lập, chứ không đòi hỏi phải giải quyết một vấn đề thực tế (dĩ nhiên nếu kết quả nghiên cứu góp phần giải quyết một vấn đề thực tiễn thì càng tốt nhưng đó là thứ yếu). Sau khi lấy bằng tiến sĩ, tùy theo nhu cầu công tác lúc đó mới cần nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tại Việt Nam, chí ít là trong lãnh vực kinh tế, hình như đa số hiểu sai về ý nghĩa của luận án tiến sĩ. Các đề tài của một luận án tiến sĩ kinh tế học ở Việt Nam thường là "Những giải pháp để..." (chẳng hạn, những giải pháp để thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ chiến lược công nghiệp hóa, v.v.). Những vấn đề này dĩ nhiên có thể được chọn là đối tượng nghiên cứu nhưng đó chỉ là trường hợp được chọn để kiểm chứng một vấn đề có tính cách lý luận chứ không phải nhằm để giải quyết một vấn đề thực tế. Ở Việt Nam, được biết nhiều đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, tổn hàng tỉ đồng và huy động hàng chục nhà nghiên cứu nhưng ít có công trình trực tiếp giải quyết vấn đề thực tiễn mà tại sao lại kỳ vọng ở công trình của một nghiên cứu sinh ? Các đề tài này chẳng nêu ra được những câu

hỏi có tính lý luận nên chẳng có giá trị về mặt học thuật, và về mặt thực tế cũng chẳng thấy cơ quan nào của nhà nước đã tham khảo các luận án ấy. Thật ra một người tốt nghiệp đại học thuộc loại giỏi chỉ cần vài tháng là có thể hoàn thành một bản báo cáo về những đề tài như vậy. Trong thời gian qua ở nước ta các bản báo cáo như vậy vẫn được gọi là luận án tiến sĩ. Chất lượng tiến sĩ ở Việt Nam quá thấp là vì vậy.

Cũng do quan niệm sai lầm ở Việt Nam về việc "ép" nghiên cứu sinh phải chọn một đề tài mới về thực tiễn [3] (dù không có giá trị về học thuật) mà trong quá khứ một số đề tài liên quan đến an ninh, quốc phòng, được phép bảo vệ không công khai. Bản Dự thảo nói trên cũng có quy định về những trường hợp không công khai việc bảo vệ luận án tiến sĩ. Theo tôi, mọi luận án tiến sĩ đều phải được công khai. Nếu vì an ninh hoặc quốc phòng thì không cho nghiên cứu sinh chọn những đề tài như vậy. Nói chính xác hơn, nghiên cứu sinh nếu không tiếp cận được các tài liệu thuộc loại bí mật quốc gia thì họ phải tránh chọn các đề tài mà việc kiểm chứng cần các tài liệu đó. Như đã nói ở trên, mục tiêu đào tạo tiến sĩ là xây dựng những con người khoa học có trình độ nghiên cứu độc lập và đảm trách việc giáo dục đại học chứ không phải là nhằm nghiên cứu một vấn đề thực tiễn áp dụng ngay cho việc phát triển xã hội, kinh tế hay an ninh, quốc phòng. Những đề tài thực tiễn và cấp thiết như vậy thì nên giao cho người đã có khả năng nghiên cứu độc lập, kể cả người đã lấy bằng tiến sĩ.

Về giáo sư hướng dẫn và cơ sở đào tạo tiến sĩ

Với bối cảnh hỗn loạn, văng tha lẩn lộn, về học hàm học vị trong thời gian qua, những tiêu chí cứng để định tư cách của giáo sư hướng dẫn (số công trình nghiên cứu, kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh, v.v.) hoặc tư cách của cơ sở đào tạo (số người có học hàm giáo sư hoặc phó giáo sư, số người có học vị tiến sĩ...) có lẽ không hoàn toàn thích hợp. Tốt nhất là nhà nước thành lập các ban thẩm định chuyên ngành gồm những nhà khoa học có thành tích nổi bật (mà xã hội đã biết đến), những nhà nghiên cứu đã lấy bằng tiến sĩ tại các đại học có uy tín ở nước ngoài, hoặc những trí thức người Việt đã có kinh nghiệm hoặc đang hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ ở nước ngoài. Các ban này sẽ đánh giá tư cách tham gia đào tạo tiến sĩ của những giáo sư hoặc phó giáo sư trong danh mục những người có nguyện vọng, và đánh giá tư cách tham gia đào tạo của các viện nghiên cứu hoặc các khoa ở đại học.

Những cơ sở đào tạo tiến sĩ đã có cũng phải được thẩm định trở lại. Trước mắt tạm ngừng các chương trình đào tạo tiến sĩ tại các viện, các trường này cho đến khi có kết quả thẩm định nói trên.

Sau chừng nửa năm hoặc một năm hoạt động, các hội đồng thẩm định công bố danh sách các trường, các viện và tên các giáo sư đã qua thẩm định và được thừa nhận có tư cách đào tạo tiến sĩ. Những nghiên cứu sinh đã được nhận vào các viện, các trường không đủ tư cách đào tạo tiến sĩ phải thi lại vào các viện, các trường có tư cách đó. Ngoài ra, cần khuyến khích những "tiến sĩ" đã lấy bằng tại các cơ sở không đủ tiêu chuẩn mạnh dạn xin bảo vệ lại tại những viện, những trường có đủ tiêu chuẩn đào tạo.

Cơ chế và phương pháp đánh giá luận án tiến sĩ

Khi các vấn đề về chuẩn mực của luận án, về cơ chế nghiên cứu học tập của sinh viên và về tư cách giáo sư hướng dẫn được

giải quyết đúng đắn thì việc đánh giá luận án không còn là vấn đề khó khăn. Hơn nữa, giáo sư hướng dẫn là người chịu trách nhiệm đầu tiên về việc đánh giá. Không một giáo sư chân chính nào thấy luận án của học trò mình chưa đạt tiêu chuẩn khách quan về học thuật và độc sáng mà dám đưa ra hội đồng bảo vệ. Có thể còn nhiều địa điểm để cải thiện hơn nữa mà giáo sư hướng dẫn không thấy hết nhưng ít nhất hai tiêu chí nói trên của luận án tiến sĩ được xem là đạt rồi mới cho bảo vệ. Trên cơ sở đó, các giáo sư khác trong hội đồng, cũng trên uy tín của mình, phải đánh giá thẳng thắn. Ở đây không cần bảo vệ kín mà vẫn giữ được sự khách quan là vì vậy. Cần nói thêm nữa là trong quá trình chuẩn bị luận án, nên để nghiên cứu sinh được báo cáo trước hội đồng chấm luận án một hoặc hai lần trước khi bảo vệ cuối cùng ít nhất là một năm để nhận các ý kiến hướng dẫn cho giai đoạn tới.

Ngoài ra, để bảo đảm tối đa sự khách quan của việc đánh giá, ở Nhật đặt cơ chế xã hội hóa việc đánh giá trước khi cho nghiên cứu sinh bảo vệ. Có hai hình thức xã hội hóa. Một là để được bảo vệ cuối cùng, nghiên cứu sinh phải có ít nhất từ một đến ba (tùy trường đại học) công trình liên quan đến luận án đăng ở các tạp chí có thẩm định độc lập (referee). Tạp chí có thẩm định độc lập là tạp chí khi ban biên tập nhận bài xin gửi đăng sẽ gửi bài đó (sau khi che giấu tên người viết) đến ít nhất hai nhà nghiên cứu cùng ngành để nhờ thẩm định. Tên tuổi của những người thẩm định dĩ nhiên không được công bố. Người thẩm định sẽ dựa trên tiêu chuẩn học thuật và tính độc sáng của bài viết khi đưa ra quyết định đăng hay không [4]. Hai là, cho nghiên cứu sinh báo cáo trước đại hội toàn quốc hàng năm của ngành chuyên môn. Ở Nhật nghiên cứu sinh bậc tiến sĩ có thể trở thành thành viên của các hội khoa học. Để được báo cáo, nội dung tóm tắt của luận án phải được thông qua ở ban tổ chức đại hội. Điều quan trọng là trước mặt các nhà khoa học trên toàn quốc, luận án của học trò mình bị chê là không độc sáng hoặc thiếu sót lớn về mặt khoa học thì người chịu tai tiếng đầu tiên là giáo sư hướng dẫn.

Dự thảo của Bộ Giáo dục Đào tạo về qui chế đào tạo tiến sĩ cũng đưa ra quy định là nghiên cứu sinh phải có ít nhất một bài viết đăng ở một tạp chí uy tín thế giới. Tạp chí uy tín thế giới là khái niệm mang tính chủ quan nên có thể bị giải thích tùy tiện và do đó điều kiện có ít nhất một bài viết trên một tạp chí như vậy không phải là khó, hoặc ngược lại nếu đưa ra một định nghĩa khắc khe thì khó có nghiên cứu sinh nào thỏa mãn điều kiện này. Theo tôi nên thay cụm từ "tạp chí uy tín thế giới" bằng cụm từ tạp chí khoa học chuyên ngành có thẩm định độc lập. Trước mắt hầu hết các tạp chí này đều ở nước ngoài nhưng tùy theo ngành, trong nước cũng có thể từng bước xây dựng những tạp chí như vậy, với sự tham gia của các nhà nghiên cứu nước ngoài (hoặc người Việt Nam ở nước ngoài) trong ban biên tập.

Việc tuyển chọn nghiên cứu sinh có thể linh hoạt nhưng phải có cơ chế kiểm tra năng lực. Ở Nhật nhiều đại học chú trọng kiểm tra đầu vào qua kỳ thi ngoại ngữ và chuyên môn và quy định phải lấy đủ các tín chỉ cần thiết. Có đại học, nhất là những nơi có khoa tổng hợp nhiều ngành, thì chú trọng thi ngoại ngữ và đánh giá luận án thạc sĩ thay cho kiểm tra năng lực chuyên môn. Nhiều đại học ở Mỹ thì dễ dãi đầu vào nhưng có chế độ kiểm tra gay gắt về chuyên môn và đề cương luận án trước khi cho nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu để hoàn thành và bảo vệ luận án.

Ở thời điểm này (đầu năm 2008), nhận thức của nhà nước

về vấn đề đào tạo bậc tiến sĩ đã có vài mặt tiến bộ. Tuy nhiên một số vấn đề cơ bản chưa được hiểu một cách đúng đắn. Trên đây là bốn vấn đề tôi thấy cần bàn thêm.

Trần Văn Thọ

(c) Thời Đại Mới (26-4-2008)

Ghi thêm :

Sau đây là danh sách các bài viết tôi đã phát biểu liên quan đến vấn đề đào tạo tiến sĩ :

(1) "Về đào tạo và cấp bằng tiến sĩ kinh tế học", *Nhân Dân* (mục Ý kiến nhà khoa học), 17-7-1997.

(2) "Vài ý kiến về những điều đã được bàn", *Tia Sáng* (mục Khoa học công nghệ), 9-2001.

(3) "Bàn lại vấn đề học vị tiến sĩ", *Tia Sáng*, 9-2003.

(4) "Đào tạo tiến sĩ : Cải tổ từ cơ sở và ôn thay", *Vietnamnet* 1-2006.

(5) "Kế hoạch đào tạo tiến sĩ : cần có một cuộc cách mạng chất lượng", in trong *GS-TS Hoàng Tụy, Sĩ phu đổi mới*, do Nguyễn Ngọc, Phan Đình Diệu, Hà Huy Khoái, Ngô Việt Trung và Nguyễn Xuân Xanh chủ biên, Nhà xuất bản Trí thức, 2007, tr. 319-330.

Ghi chú :

[1] Tác giả cảm ơn tiến sĩ Vũ Quang Việt đã đọc và góp ý vào bản thảo đầu tiên. Phần tóm tắt ở đầu bài là của anh Việt. Bài viết này chủ yếu từ các ngành trong khoa học xã hội, nhưng trên cơ bản, tính chất của luận án tiến sĩ (tính học thuật và tính độc sáng) không khác nhiều với khoa học tự nhiên. Điểm này được xác nhận trong quá trình trao đổi ý kiến với giáo sư Hồ Tú Bảo, chuyên gia về công nghệ thông tin. Tác giả cảm ơn anh Bảo đã đọc bài viết và tham gia thảo luận về đề tài này.

[2] Lần đầu tiên tôi phát biểu về vấn đề này (và đưa kiến nghị cải cách) trên mục Ý kiến nhà khoa học của báo Nhân Dân ngày 17-7-1997. Bài báo được chọn là một trong 10 bài quan trọng trong ngày để ban thư ký tóm tắt cho thủ tướng đọc. Chiều hôm đó, ông Phạm Sỹ Tiến, Vụ trưởng Vụ sau đại học, từ Hà Nội điện thoại đến tôi (lúc đó đương ở thành phố Hồ Chí Minh) để cảm ơn đã góp ý kiến. Sau đó ít lâu, ngày 6-3-2000, ông tổ chức cho tôi đến thuyết trình về vấn đề này tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, nơi mà theo ông, đang rất "dễ dãi" trong việc cấp bằng tiến sĩ. Ngày 20-12-2005, tôi nhận được thư của Vụ trưởng Vụ đại học và sau đại học Trần Thị Hà thay mặt bộ trưởng Nguyễn Minh Hiển đề nghị tôi góp ý cải cách việc đào tạo tiến sĩ. Tôi đã viết bản góp ý và gửi về ngay nhưng được vụ trưởng Trần Thị Hà trả lời là bộ trưởng đã đọc nhưng rất tiếc là các kiến nghị này khó thực hiện trong tình hình ở Việt Nam. Bản kiến nghị này ngay sau đó được đăng gần như toàn văn trên *Vietnamnet* (1-2006) và bản tóm tắt đăng trên *Tia Sáng* số Tết năm 2006..

[3] Xem thử các luận án tiến sĩ ở Việt Nam ta thấy có mục "Tính cấp thiết của đề tài". (Tính cấp thiết ở đây là về mặt thực tế nhằm đưa ra kiến nghị về mặt chính sách).

[4] Ở Mỹ ít có đại học đòi hỏi nghiên cứu sinh phải có bài viết đăng ở các tạp chí có thẩm định, nhưng thay vào đó, phải thi đỗ các kỳ sát hạch về các lý luận cơ bản trong ngành, và về một chuyên môn tự chọn. Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải nộp một bài tham luận (essay) liên quan đến đề cương chi tiết của luận án (bài viết phải được thông qua trong hội đồng xét duyệt gồm ba giáo sư trong ngành. Bài viết được thông qua trong hội đồng xét duyệt thì cũng dễ triển khai để đăng trên tạp chí có thẩm định. Do đó cách làm ở đại học Mỹ và Nhật không khác nhau mấy trên thực chất.

2. Miếng ngon Sài Gòn

Lê Văn Hào

Là trung tâm của vùng đất phương Nam dồi dào các sản vật ngon lành, cho nên món ăn Sài Gòn có rất nhiều dạng vẻ. Là nơi hội tụ của cư dân mọi miền đất nước, lại là cửa ngõ tiếp xúc với thế giới bên ngoài, nên cùng một lúc Sài Gòn đã làm được hai việc tốt đẹp : vừa tiếp nhận đầy đủ các dòng ẩm thực Việt Nam, vừa chọn lọc tinh hoa đến từ khắp nơi. Và Sài Gòn tạo dựng cho mình một kho tàng ẩm thực vô cùng hấp dẫn.

Trước hết, hãy nói đến ba món mà mọi người đều ưa thích :

1. *Cháo vịt Thanh Đa* thu hút đông đảo khách ăn mà giá cả lại rẻ. Vịt luộc chín tới, chặt ra từng miếng có da có nạc, ăn kèm rau thơm, chấm thứ nước mắm pha đặc biệt dành riêng cho nó.

2. Tiếp đó là *cơm tấm bì*, một món xuất phát từ Bà Chiểu cách nay hơn nửa thế kỷ rồi dần dần được phổ biến cùng khắp.

3. Món thứ ba là *bánh xèo* mà tiền thân là bánh khoái xứ Huế đã được Sài Gòn cải biến và nâng cao, to gấp ba bốn lần bản gốc.

Sau ba món bình dân ấy phải nói tới một thực đơn chính cống đất Sài nay đã được toàn dân ái mộ : đó là *canh chua kèm cá kho tộ*.

Cá kho lý tưởng là cá rô mà phải chọn cho tươi cho béo. Không có cá rô thì thay thế bằng cá lóc (miền Trung gọi là cá trâu) hay cá trê. Có nhà lại ưa dùng cá bông lau. Kho

trong tộ với nước mắm ngon.

Canh chua với cá kho tộ đặc trưng cho ẩm thực Sài Gòn và toàn miền Nam, diễn đạt được sự hài hòa giữa núi rừng và sông nước.

Làm *bò bảy món* phải có thứ thịt bò tươi, lựa những miếng mềm nhất ngon nhất để chế biến thành bò nướng lá lốt - bò nướng mỡ chài - bò hấp thành chả dùm - bò nhúng dấm - bò nướng vỉ (hay bò lúc lắc) - bò bít tết - cháo bò.

Lẩu mắm Sài Gòn vốn là món mắm kho đã được nâng lên thành nghệ thuật ở mức cao. Dùng mắm thông thường không đúng vị ; phải kén chọn mắm sặc Châu Đốc ngọt thịt, thơm và béo. Dun cho cạn bớt nước trên lẩu than hồng với cá bông lau (cá hú) hay bất cứ loại cá ngon nào đánh bắt được dưới sông còng tươi đem về, đánh vẩy, cắt khúc.

Lẩu mắm là bức tranh rực rỡ do đĩa rau sống đủ màu xanh non xanh thẫm của các loại hẹ, rau mùi, rau húng ; màu vàng của trái chanh bồ đới ; màu trắng của giá ; màu đỏ của ớt. Một tay ta bốc mấy cọng giá và rau thơm, một tay ta gấp miếng gan heo, gan gà, hoặc con tôm bóc vỏ bỏ càng, miếng thịt bò non hay miếng gà nõn xắt mỏng. Rồi nhúng mấy thứ

sau vào lẩu mắm đang sôi sùng sục sao cho chin hay tái tùy theo. Gom tất cả trong chén cơm của mình đã chan sẵn ít nước ở lẩu, nhẹ nhàng lùa mau vào miệng cả nước lẩn cái. Có quá đáng chăng khi cho rằng *lẩu mắm Sài Gòn - lẩu mắm Nam Bộ* - là một sáng tạo tuyệt vời của nghệ thuật ăn uống Việt Nam ?



Đài Loan và an ninh trên eo biển Đông Á

Nguyễn Minh

Sự thắng cử của ông Mã Anh Cửu, ứng cử viên Quốc Dân Đảng Trung Hoa, vào chức vụ tổng thống Đài Loan ngày 22-3-2008 làm dư luận thế giới và đặc biệt người Đài Loan lo ngại. Chủ trương hiếu hòa với Bắc Kinh, nhìn nhận Đài Loan là một phần của lãnh thổ Trung Quốc và ngăn chặn mọi hành vi đòi đổi lập trên đảo quốc Đài Loan của Quốc Dân Đảng gần như là một dấu hàng vô điều kiện trước một Trung Quốc hùng mạnh.

Nhưng mọi người đều lầm. Quốc Dân Đảng và tân tổng thống Mã Anh Cửu không ươn hèn như dư luận đã lầm tưởng. Chủ trương hòa hoãn với Bắc Kinh phản ánh ước muốn của 58% dân chúng Đài Loan, đa số là doanh nhân, muốn giải tỏa những hạn chế đầu tư vào lục địa và tăng cường quan hệ thương mại giữa hai bờ eo biển. Trong nhiệm kỳ tổng thống này, ông Mã Anh Cửu quyết tâm sẽ thực hiện một hòa ước với Bắc Kinh, trong đó có mục yêu cầu ngưng bố trí hỏa tiễn nhằm vào Đài Loan. Ngoài vấn đề thương mại, Đài Loan không ngừng tăng cường hệ thống phòng thủ của mình với những kỹ thuật hiện đại nhất.

Trang bị loại máy bay dò tìm tàu ngầm tiên tiến nhất

Trước khi mãn nhiệm tổng thống, ông Trần Thủy Biển đã thuyết phục được Viện lập pháp (quốc hội Đài Loan) thông qua dự toán ngân sách quốc phòng niên khóa 2007-2008. Trong đó quan trọng nhất là ngân sách mua 12 máy bay chống tàu ngầm P-3C Orion trị giá 1,96 tỷ USD, 7 chiếc sẽ bước vào hoạt động đầu năm 2009 và 5 chiếc còn lại vào năm 2011.

P-3C, do công ty Lockheed Martin Co) khai thác, sản xuất là loại máy bay săn tàu ngầm đắt giá nhất hiện nay trên thị trường, đã và được không quân các nước Mỹ, Nhật, Úc đang sử dụng như loại máy bay có tính năng cao trong việc phòng vệ.

So với 32 máy bay săn tàu ngầm S-2T Tracker, cũng do Mỹ sản xuất, khả năng săn tìm tàu ngầm của P-3C hơn hẳn.

Máy bay chống tàu ngầm P-3C	Máy bay S-2T
Phi hành đoàn	12 người
Chiều dài	35.6 m
Bề ngang	30.4 m
Chiều cao	10.3 m
Lượng vũ khí chuyên chở	63 tấn
Máy	Turbin x 4 (4600 mã lực)
Tốc độ nhanh	760 km/giờ
Bán kính hành động	4.400 km (trên 3 giờ cao độ 450 m)
Cao độ có thể đạt	8.600 m
Trang vũ khí : ngư lôi, bôc phá, bom,	9 tấn
Trang bị máy móc dò thám	Radar, hệ thống dò tìm bằng tia xích ngoại, nguồn điện, từ khí, Sonabuoy
	4 người
	13.3 m
	22.1 m
	5.1 m
	13 tấn
	Turbin x 2 (1600 mã lực)
	450 km/giờ
	700 km
	6.700 m
	4 tấn
	Radar, hệ thống dò tìm bằng tia xích ngoại, nguồn điện, từ khí, Sonabuoy

Nguồn: Hải quân Mỹ (www.navy.mil)

Sự kiện 12 máy bay chống tàu ngầm tối tân này sớm được đến Đài Loan và bước vào hoạt động nhanh hơn dự định năm trước nhờ ba điều kiện thuận lợi trong năm 2008 như sau :

- Tổng thống mới của Đài Loan đã đắc cử với đa số tín nhiệm (58%) hơn ứng cử viên đảng đối lập (42%) nên việc giải ngân dự toán của năm 2007 cũng như dự án quốc phòng cho niên khóa mới chắc chắn sẽ được Viện lập pháp, mà Quốc Dân Đảng nắm đa số tuyệt đối (81 trên 113 ghế), thông qua dễ dàng.

- Từ đầu năm 2008, đồng đô la Mỹ (USD) sụt giá nhiều so với đồng nguyên Đài Loan (TWY) nên rất thuận lợi cho việc thu đắc những kỹ thuật tiên tiến nhất của Mỹ.

- Tổng thống George W. Bush, trước khi mãn nhiệm ký, muốn những vũ khí tối tân mà Đài Loan đặt mua sớm hơn dự liệu.

Nhưng sự kiện Đài Loan muốn trang bị loại máy bay P-3C từ Mỹ là do tốc độ tăng cường vũ khí chiến lược quốc phòng của Trung Quốc, đặc biệt là các loại tàu ngầm viễn dương mang đầu đạn nguyên tử.

Đối với Mỹ, quyết định bán máy bay P-3C cho Đài Loan là điều không thể chần chờ được nữa vì sự tăng cường gấp rút hạm đội Tây Thái Bình Dương của Trung Quốc khiến ưu thế quân sự trong vùng này bị giảm sút. Các loại tàu ngầm quân sự nguyên tử loại mới nhất mà Trung Quốc sắp đem vào hoạt động (hai tàu ngầm cấp "Tấn" có thể phóng các đầu đạn nguyên tử tự hướng dẫn (MIRV) xa tới 8.000 km, loại JL-2 (mỗi tàu ngầm có 12 dàn phóng, mỗi dàn 3 đầu đạn), đến tận bờ Đại Tây Dương của Mỹ.

Đối với an ninh eo biển xung quanh Đài Loan, với tư cách là tuyến đường năng lượng và mậu dịch chính (siren) của các nước Đông Á, việc sớm đưa vào hoạt động của loại máy bay chiến đấu chống tàu ngầm P-3C có tầm hoạt động xa từ 440 km đến 2.500 km P-3C có ảnh hưởng đáng kể cho cuộc tranh chấp chủ quyền giữa các nước (Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam, Philippines và Malaysia) trên quần đảo Trường Sa.

Cuộc chạy đua đóng tàu ngầm tại Trung Quốc

Sau sự kiện Thiên An Môn, Trung Quốc bị phương Tây cấm bán vũ khí (1989). Lo sợ bị bỏ rơi trong cuộc chạy đua vũ trang, ngay từ những năm đầu thập niên 1990, Trung Quốc ráo riết tăng cường và hiện đại hóa kho vũ khí chiến lược của mình để rút ngắn khoảng cách chất lượng so với Đài Loan, cũng như khả năng ngăn chặn được hạm đội Mỹ khi đến cứu viện.

Năm 1992, Trung Quốc đặt mua một số lượng lớn chiến đấu cơ Sukhoi Su-27 của Nga. Loại chiến đấu cơ này có tính năng ngang ngửa hay vượt hơn những chiến đấu cơ Đài Loan đang có (tự chế tạo hay mua từ Mỹ, Pháp). Sức chiến đấu trên không giữa Trung Quốc - Đài Loan gần như đã cân bằng so với thập niên 1950 khi xảy ra các cuộc không chiến trên các đảo Kim Môn và Mã Tổ.

Để đối phó, tổng thống Quốc Dân Đảng Lý Đăng Huy của Đài Loan đã cho phối trí hỏa tiễn tự chế địa đối không "thiên khôn" và đặt mua ba tuần dương hạm Knox của Mỹ để đối phó với các tàu ngầm của Trung Quốc. Năm 1994, Đài Loan cho ra mắt các chiến đấu cơ tự chế "Kinh Quốc" và mua các tàu ngầm của Mỹ.

Sau khi Trung Quốc cho phổi trí các dàn hỏa tiễn cự lý ngắn DF-1 (từ 280 đến 500 km) và cự ly vừa DF-15 (từ 600 km trở lên) ở bờ biển Phúc Kiến đối diện với Đài Loan để đe dọa. Năm 1998 không quân Đài Loan đã được trang bị 200 máy bay F-16 mua từ Mỹ và chiến đấu cơ Mirage 2000 mua từ Pháp. Cũng từ 1998, Đài Loan mua hỏa tiễn địa đối không PAC-3 có năng lực bắn hạ chính xác các phi đạn bay đến của địch và đặt mua P-3C.

Còn về hải quân, từ 1996, Trung Quốc lại mua từ Nga hai khu trục hạm được trang bị bằng các loại vũ khí công phá mạnh : hỏa tiễn hạm đối hạm SS-22 có tốc độ siêu âm ở cao độ thấp làm các đại bác của chiến hạm địch khó bắn rót được.

Từ 1995 đến 2007, 12 tiêm thủy đinh cấp Kilo đóng tại Nga (loại 877 và 636) đã được chuyển giao cho Trung Quốc. Các tàu ngầm này nổi tiếng ít gây tiếng động nên đã thay thế được các loại tàu ngầm trước đó đã có ở Trung Quốc như cấp Romeo và cấp Minh do Trung Quốc tự đóng với tính năng kém hơn các loại tàu ngầm truyền thống của Mỹ và của đồng minh. Các tàu ngầm cấp Kilo này có trọng tải 3.000 tấn, có chiều dài 73 m, trang bị 6 dàn phóng ngư lôi. Tám tàu đã được đặt vào năm 2002 được tăng cường thêm dàn hỏa tiễn đối hạm của Nga SS-N-27 có khả năng uy hiếp với các chiến hạm của Đài Loan và Mỹ.

Từ đó Trung Quốc bắt đầu tự khai thác và chế tạo 13 tàu ngầm cấp Tống từ 1999 đến 2006, mỗi chiếc có trọng tải 2.250 tấn, dài 75 m và có 6 dàn phóng ngư lôi ở đầu tàu, tất cả đều mô phỏng theo bằng sáng chế của Nga. Sau đó, năm 2004 hải quân Trung Quốc còn cho hạ thủy thêm hai tàu ngầm cấp Nguyên. Loại này có trọng tải từ 2.500 đến 2.600 tấn, dài 76 m, có 6 dàn phóng ngư lôi và dàn hỏa tiễn đối hạm do Trung Quốc tự chế tạo. Nhưng các tàu ngầm loại thông thường này khi di chuyển vẫn còn gây tiếng động lớn và cần phải xác bình nếu muốn lặn lâu nơi viễn dương do đó dễ bị tàu chiến và máy bay địch phát hiện. Do đó các loại tàu ngầm thông thường này khó hoạt động viễn dương, chỉ phát huy tác dụng ở vùng biển Đông Hải và Nam Hải, hoặc trong công tác như đặt ngư lôi ở ven biển Đài Loan mà thôi.

Các loại tiêm thủy đinh cấp Hán hạ thủy năm 1967, cấp Thương năm 1994 chỉ hoạt động giới hạn ở vùng duyên hải Trung Quốc đang lần lượt được thay thế. Từ 2006 đến 2010, Trung Quốc dự định đóng từ ba đến bốn tàu ngầm nguyên tử loại tấn công. Loại cấp Hạ được hạ thủy sau đó chỉ phóng được hỏa tiễn JL-1 có cự ly 2.150-2.500 km, chưa đến được Hawaii. Hiện nay Trung Quốc đang dần nỗ lực để hạ thủy và đưa vào hoạt động loại tàu ngầm nguyên tử tối tân nhất của mình cấp Tấn. Loại này có trọng tải 8.000 tấn, dài 137 m, so với cấp Hạ lớn hơn nhiều, có thể phóng được hỏa tiễn JL-2 với 12 dàn phóng.

Theo bộ quốc phòng Mỹ, khai thác kỹ thuật của JL-2 sẽ hoàn tất trong giai đoạn 2007-2010. Cự ly của JL-2 có thể đến 8000 km (có khả năng bay xa nhất đến 10.000 km), nghĩa là từ bờ biển của Trung Quốc có thể phóng đến các đại đô thị của khối NATO và bờ biển phía Tây của Mỹ. Loại tên lửa JL-2 này có thể mang 4 đầu đạn hạt nhân tự hướng dẫn (MIRV-Multiple Independency Targetable Reentry Vehicles). Hiện nay hai tiêm thủy đinh cấp Tấn đã được hạ thủy và dự định đến năm 2012

sẽ thêm hai chiếc nữa. Đây chính là loại vũ khí chiến lược đe dọa trực tiếp Hoa Kỳ và Đài Loan.

Ảnh hưởng của việc trang bị máy bay săn tàu ngầm

Sự trang bị này có bốn ảnh hưởng chính :

1. Góp phần vào việc nắm bắt được hoạt động của hải quân Trung Quốc từ Hoàng Sa, Trường Sa đến eo biển Malacca.

2. Ảnh hưởng đến việc tuyên bố chủ quyền trên quần đảo Trường Sa của các nước ;

3. Ảnh hưởng đối với chính sách về an ninh trên biển (chống hải tặc) vùng biển Đông Nam Á ;

4. Ảnh hưởng đến việc ngăn chặn việc khai triển các loại vũ khí phá hoại lớn do Bắc Triều Tiên và Trung Quốc gây ra.

Những hoạt động hải dương của Trung Quốc bắt đầu nổi bật từ

cuối năm 2004. Tháng 11-2004, một tàu ngầm cấp Hán của Trung Quốc đã xâm phạm lãnh hải Nhật Bản, hai năm sau vào tháng 10-2006 một tàu ngầm cấp Tống đã đến gần hàng không mẫu hạm Kitty Hawk của Mỹ gần 10 km mà không bị phát giác. Hai sự vi phạm này đã chỉ được phát hiện nhờ loại máy bay P-3C của hải quân Mỹ bay từ Okinawa đến Guam. Nhưng từ đảo Okinawa đến đảo Hải Nam cách xa đến 2.500 km, tức ba giờ bay. Nếu có một địa điểm gần hơn, như Đài Loan thì khoảng cách sẽ được rút ngắn lại và sự phát hiện sẽ nhanh hơn.

Trong thế kỷ 20, các căn cứ hải quân chính của Trung Quốc đặt ở Thanh Khẩu (Sơn Đông) và Ninh Hạ (Triết Giang), sang thế kỷ 21, một căn cứ hải quân chiến lược đang được xây dựng tại đảo Hải Nam. Các tàu của Trung Quốc, kể cả tàu thám hiểm khoa học cũng đều từ đảo Hải Nam qua eo biển Percy rồi mới ra Thái Bình Dương. Do đó Đài Loan có một vị trí chiến lược để thám sát hải quân Trung Quốc. Với 12 máy bay chiến đấu săn tàu ngầm P-3C này, sự đi lại hay bất cứ động tĩnh nào của các loại tàu ngầm Trung Quốc trên Biển Đông đều sẽ bị không quân Đài Loan theo dõi.

Với khoảng cách 1.200 km từ Đài Loan đến đảo Hải Nam, với 3 chiếc P-3C của Đài Loan có thể dễ dàng quan sát động tĩnh trên gần 100 hòn đảo trên Biển Đông, trong đó có Hải Nam, quần đảo Trường Sa mà Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Malaysia và Brunei đều tuyên bố chủ quyền. Trong thực tế chỉ bốn nước ở phương Bắc của quần đảo này có chiếm giữ trong thực tế, trong đó đảo Ba Bình lớn nhất trong quần đảo được hải và không quân Đài Loan xây dựng thành một căn cứ lớn, tổng thống Trần Thủy Biển cũng đã đến thăm.

Trong năm 2006 hành vi hải tặc trong vùng Đông Nam Á đã giảm xuống còn 4 vụ so với 20 vụ năm 2005 và 11 vụ năm 2004. Con đường huyết mạch này của nước Nhật, Đại Hàn, Trung Quốc, Đài Loan và các nước ASEAN thông qua eo biển Malacca sẽ được bảo vệ hơn.

Việc xuất khẩu các vũ khí phá hoại loại lớn và giết người hàng loạt như vũ khí hạch nhân, vũ khí sinh vật, hóa học và cụ thể là các hỏa tiễn mang đầu đạn cự ly trung bình mà Bắc Triều Tiên đã bán cho Syria, Iran, Pakistan, Miến Điện, trong tương lai có thể sẽ bị Đài Loan ngăn chặn như đã từng ngăn chặn một tàu chở vũ khí từ Bắc Triều Tiên tháng 8-2003.

Nguyễn Minh (Tokyo)



Chính quyền cộng sản Việt Nam xét xử các ông Nguyễn Quốc Quân, Khunmi Somsak và Nguyễn Thế Vũ

Chính quyền cộng sản Việt Nam vừa thông báo sẽ đem xử các ông Nguyễn Quốc Quân, Som Sak Khunmi và Nguyễn Thế Vũ ngày 13-5-2008 về tội khủng bố. Ông Nguyễn Quốc Quân là đảng viên Việt Tân. Hai ông Somsak Khunmi và Nguyễn Thế Vũ được mô tả là một "cộng sự viên".

Cả ba đã bị bắt tại Sài Gòn, tại nhà ông Nguyễn Thế Vũ, vào lúc họ đang chuẩn bị để gởi bằng đường bưu điện một truyền đơn kêu gọi đấu tranh cho dân chủ bằng đường lối bất bạo động. Cùng bị bắt với họ còn có hai đảng viên khác của đảng Việt Tân là bà Nguyễn Thị Thanh Vân (quốc tịch Pháp) và ông Trương Văn Ba (quốc tịch Mỹ) và người em của ông Vũ là Nguyễn Trọng Khiêm. Sau đó đảng cộng sản cũng đã bắt thêm ông Nguyễn Viết Trung, anh của Nguyễn Thế Vũ.

Ba tuần sau, sinh viên Nguyễn Trọng Khiêm đã được trả tự do vì được nhìn nhận là không liên can. Bà Thanh Vân và ông Trương Văn Ba, nhò có quốc tịch Pháp và Mỹ, cũng được trả tự do và bị trục xuất khỏi Việt Nam.

Ông Nguyễn Quốc Quân, tiến sĩ tin học, mặc dù cũng có quốc tịch Mỹ nhưng vẫn bị giữ lại vì một lý do khác : ông đã vào Việt Nam bằng thông hành Campuchia giả với tên Ly Seng. Ông Somsak Khunmi có quốc tịch Thái Lan và vào Việt Nam một cách hợp lệ vẫn không được trả tự do, có lẽ vì chính phủ Thái không can thiệp ? Ông Khunmi trước đây từng tham gia Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam của tướng Hoàng Cơ Minh lúc tổ chức này thành lập những căn cứ tại Thái Lan. Sau này khi các căn cứ này bị hủy bỏ, ông ở lại Thái Lan, lấy vợ người Thái và nhập tịch Thái.

Đây là một vụ án vô lý và lố lăng.

Trước hết ông Nguyễn Quốc Quân, về hành động không khác gì bà Thanh Vân và ông Trương Văn Ba. Nếu bà Thanh Vân và ông Ba đã được coi là vô tội thì ông Quân cũng phải được coi là vô tội. Trách nhiệm của ông Nguyễn Quốc Quân chỉ là đã dùng thông hành giả để vào Việt Nam. Nhưng tội này sáu tháng tù và trực xuất cũng đã là quá nặng rồi. Việc dùng thông hành giả không thể bị coi là hành động khủng bố. Nó có một giải thích tự nhiên : đó là vì chính quyền cộng sản ngăn cấm những người có lập trường dân chủ về thăm quê hương. Sự cấm đoán này là một biện pháp thô bạo và sai trái. Nếu chính quyền cộng sản Việt Nam cư xử một cách bình thường thì ông Quân đã không cần phải dùng thông hành giả.

Trường hợp ông Somsak Khunmi hơi khác : ông hoàn toàn vô tội. Nếu chính quyền Thái quan tâm bảo vệ các công dân của mình thì chắc chắn ông đã được trả tự do cùng với bà Thanh Vân và ông Trương Văn Ba rồi. Ông đã là nạn nhân của hai chính quyền tội tệ về nhân quyền : chính quyền Việt Nam của chính quyền Thái.

Ông Nguyễn Thế Vũ chỉ có tội là đã dùng nhà mình làm nơi chuẩn bị gởi một truyền đơn mà nội dung hoàn toàn không có gì nguy hại hoặc sai trái.

Chính quyền cộng sản Việt Nam đã đẩy sự lố bịch đến

Thời Sự Việt Nam

tột độ khi truy tố ba ông Nguyễn Quốc Quân, Somsak Khunmi và Nguyễn Thế Vũ về tội khủng bố. Sự lố bịch này chắc không thuyết phục được ai mà sẽ còn có phản ứng ngược. Chính quyền cộng sản không có bất cứ một bằng chứng nào cho tội danh khủng bố cả. Họ đã tập hợp được điều này và đã cố chế tạo ra một bằng cớ bằng cách đặt một khẩu súng ngắn vào hành lý của hai Việt kiều tại Mỹ rồi bịa đặt rằng cặp vợ chồng này đã mang súng giùm cho đảng Việt Tân. Trò hề này đã thất bại một cách hổ nhục. Chính quyền cộng sản đã phải bẽ bàng trả tự do vô điều kiện cho cặp vợ chồng này. Người ta tưởng là họ biết rút kinh nghiệm sau vụ này nhưng sự tro trân của những người cầm quyền cộng sản Việt Nam quả thực là không có giới hạn. (Nguyễn Văn Huy)

Hà Nội không quan tâm đến việc bán thận người sang Trung Quốc

Bà Nguyễn Thị Thúy, 57 tuổi, là một phụ nữ nghèo ở Sài Gòn, vừa bán cà phê trước Bệnh Viện 175 (Gò Vấp) cho người đi bán máu, vừa bán chính máu của mình để sinh sống. Trong quá trình sinh hoạt này bà đã quen biết một người cùng hành nghề bán máu để sinh sống như mình tự xưng tên là Tám, quê ở miền Tây.

Đột nhiên Tám trở thành giàu có. Bà Thúy hỏi thì được Tám giải thích là anh ta đã bán một trái thận của mình cho người Trung Quốc và nhận được 70 triệu đồng (gần 4 000 USD). Bà Thúy nhờ Tám giới thiệu để bán thận của mình thì bị từ chối vì lý do bà đã già thận không còn tốt nữa. Nhưng ngược lại Tám đề nghị bà Thúy tìm người trẻ hơn muốn bán thận mình kiếm tiền để giới thiệu cho hắn và bà sẽ được trả tiền môi giới 5 triệu đồng mỗi người giới thiệu. Việc này dễ đối với bà Thúy vì bà chuyên bán cà phê cho những người nghèo khổ làm nghề bán máu. Cuối năm 2007 bà Thúy đã tìm được năm người bằng lòng bán thận và Tám đã đưa họ sang Trung Quốc. Những người này đã bán thận, lãnh tiền và trở về Việt Nam bình yên, trừ một thanh niên tên là Tô Công Luân bị liệt não sau khi cắt thận. Một toán năm người khác cũng lên đường sang Quảng Châu bán thận nhưng sau khi xảy ra tai biến cho sinh viên Tô Công Luân, bà Thúy đã làm áp lực đòi Tám phải đưa họ về nước. Tám từ đó biến mất.

Vụ này đã được đưa ra ánh sáng khi gia đình sinh viên Tô Công Luân tố cáo với công an.

Bà Thúy là một người dàn bà thật thà chấp phác. Bà sống bằng "nghề" bán máu nên nghĩ rằng bán thận cũng bình thường như bán máu mà thôi. Những người bà giới thiệu cũng đều là những người nghèo khổ sống bằng "nghề" bán máu. Đến khi thấy có tai biến bà đã can thiệp mạnh để đưa năm người của toán sau mà bà đã giới thiệu cho Tám về nước, không cho họ bán thận nữa.

Điều khó tưởng tượng là cách xử lý của chính quyền cộng sản Việt Nam. Sau khi vụ này đã được đưa ra công luận, sở

công an thành phố Sài Gòn tuyên bố rằng tất cả những việc mua bán thân này đều là tự nguyện và như vậy không vi phạm luật pháp. Hồ sơ vụ này vì thế không quan trọng và được chuyển xuống cho công an quận Gò Vấp để theo dõi.

Sở công an Sài Gòn đã chứng tỏ một sự thiếu hiểu biết đáng sợ : việc hiến một bộ phận của cơ thể mình, như thận, để cứu một người thân, dưới một số dữ kiện là điều luật pháp có thể cho phép, nhưng việc mua bán những bộ phận trong cơ thể con người là điều mà luật pháp nước nào cũng nghiêm cấm. Những kẻ buôn bán bộ phận con người luôn luôn bị trừng trị rất nghiêm khắc. (Nguyễn Sơn Bá)

Sẽ có chấn động giá cả ngày 1-7

Bộ trưởng tài chính Vũ Văn Ninh khẳng định : "Chính phủ đã quyết định không tăng giá 10 mặt hàng thiết yếu cho đến hết tháng 6". Vấn đề là chỉ còn không đầy hai tháng nữa là hết tháng 6. Nhiều mặt hàng thiết yếu đang chờ đợi thời điểm 1-7-2008 để "bung giá".

Công ty dầu lửa Petrolimex cho biết họ không còn chịu đựng được chính sách kềm giá hiện nay nữa, sau hạn kỳ này có thể họ sẽ phải tăng giá dầu từ 20% đến 30%. Các công ty hàng không cho hay hiện nay xăng chiếm quá phân nửa tổng số chi phí của họ và họ phải giảm bớt các chuyến bay vì càng bay càng lỗ. Hãy tưởng tượng họ dự trù những gì sau ngày 1-7. Ngay với giá xăng hiện nay họ đã dự trù phải tăng giá. Nếu giá xăng còn tăng thêm 30% thì giá vé máy bay sẽ tăng một cách rất đột ngột. Dĩ nhiên không chỉ ngành hàng không mà mọi ngành vận tải sẽ phải nâng giá một cách tương tự và kéo theo sự tăng giá của nhiều nhu yếu khác.

Về mặt kinh tế, chính sách kềm giá, nghĩa là giữ cho giá không thay đổi theo cân bằng của thị trường không khác gì một sự vay nợ. Có lúc sẽ phải trả. Biện pháp kềm giá một cách duy ý chí đã có tác dụng giữ cho vật giá không bị quá dao động trong một thời gian, nhưng bù lại nó sẽ tạo ra một cơn chấn động vật giá vào ngày 1-7-2008, sau khi thời hạn kềm giá chính thức chấm dứt. (Nghiêm Văn Thạch)

Biểu tình không thành tại Hà Nội

Ngày 29-4-2008 ngọn đuốc thế vận đã chạy qua Sài Gòn. Hàng ngàn người Trung Quốc xuống đường phất cờ của họ và reo mừng với sự bảo vệ của cảnh sát Việt Nam trong khi không có một cuộc biểu tình phản đối nào của người Việt Nam cả dù Hoàng Sa, Trường Sa và nhiều lộng hành khác của Trung Quốc trên Biển Đông đang làm đa số người Việt vô cùng phẫn nộ. Người ta có thể thở dài nghĩ rằng khí thế của người Việt đã xuống rất thấp.

Rất thấp, dù không phải là số không vì ở Hà Nội vẫn có người người dũng cảm tổ chức biểu tình phản đối. Đó là các anh Nguyễn Xuân Nghĩa (nhà văn, Hải Phòng), Vũ Hùng (nhà giáo, Hà Tây), Vi Đắc Hội, chị Kim Thu (dân oan) và một số sinh viên, trong đó có Nguyễn Tiến Nam và Ngô Quỳnh. Họ đã vận động từ nhiều ngày trước và hẹn nhau tụ họp tại chợ Đồng Xuân vào 9 giờ sáng ngày 29-4. Do một vài sơ hở trong

lúc vận động, công an đã biết trước được kế hoạch này và bao vây địa điểm tập trung. Ngay khi ban tổ chức tới địa điểm thì đã bị bao vây, các ngả đường bị chặn, những người định tham gia phải quay về.

Công an hình như vẫn chưa hài lòng là đã ngăn chặn được cuộc biểu tình nên đã bắt toàn bộ ban tổ chức, gồm bảy người. Và bắt một cách rất thô bạo. Sinh viên Nguyễn Tiến Nam bị đánh đập dã man, nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa (59 tuổi) can thiệp cũng bị đánh không nể nang. Một sĩ quan công an còn chỉ mặt Nguyễn Xuân Nghĩa và nói : "Tao biết mày là thằng Nghĩa Hải Phòng". Sau đó mỗi người bị giải về đồn công an rồi bị trả về công an địa phương và bị giữ đến nửa đêm. Riêng Nguyễn Xuân Nghĩa, bị coi là người tổ chức, bị giam giữ luôn trong ba ngày tại trụ sở công an Kiến An, một thị trấn cạnh Hải Phòng.

Cuộc biểu tình không thành công, nhưng ít ra nó cũng đã khởi sự. Trong sự thụ động của đa số đã có những người Việt Nam đủ dũng cảm để nhân ngày được thế vận đi qua Việt Nam nói lên sự phản kháng trước chính sách bành trướng bá quyền của Bắc Kinh. Phải nghĩ gì về công an cộng sản Việt Nam khi họ giữ trật tự và bảo vệ cho người Trung Quốc biểu tình ủng hộ chính quyền Trung Quốc, trong khi lại cấm đoán một cách thô bạo người Việt Nam biểu tình một cách ôn hòa để phản đối Trung Quốc xâm lấn Việt Nam ? (Nghiêm Văn Thạch)

MUA BÁO

Gia nhập HVNHD

ABONNEMENT

Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) :

Tên (Prénom) :

Địa chỉ (Adresse) :

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) :.....

Điện thoại (Tél.) :

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :

mua / giá hạn mua báo (35 EUR/năm)
 pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trống nếu KHÔNG
Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité
Gởi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) :

Chữ ký (Signature).....

Tìm đọc Thông Luận trên internet :
<http://www.thongluan.org>

NGUYỄN VIỆT TIẾN : nguyên nhân và biện pháp

Bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam họp bất thường về vụ Nguyễn Việt Tiến theo yêu cầu của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Ông Dũng nói :

- Thưa các anh, vụ miến tố Nguyễn Việt Tiến đang làm dư luận rất bất mãn và uy tín của Chính phủ xuống rất thấp. Dân chúng nói với nhau rằng chúng ta là một đảng lưu manh bao che cho nhau. Khi nhận chức thủ tướng tôi đã cam kết là sẽ giải quyết nhanh chóng và nghiêm khắc các hồ sơ tham nhũng. Thế rồi vụ Pờ Mu 18 kéo dài cả năm, Bùi Tiến Dũng chỉ xử qua loa, bây giờ lại miến tố Nguyễn Việt Tiến, tôi chẳng còn mặt mũi nào trước quần chúng cả.

Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết cắt lời thủ tướng Dũng :

- Không ai bắt anh Dũng phải cam kết cả. Đó là anh tự ý cam kết. Cũng không ai bắt buộc anh làm thủ tướng, và bây giờ cũng không có gì bắt buộc anh phải tiếp tục làm thủ tướng. Nhân dân cũng đang bất mãn với anh vì vật giá leo thang.

Ông Dũng đáp :

- Anh Triết nói như thế không được ! Uy tín của Chính phủ cũng là uy tín của Đảng và của Bộ chính trị. Ai cũng biết Chính phủ chỉ làm theo lệnh của Đảng. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý.

Ông Triết xua tay :

- Anh Dũng đừng hô khẩu hiệu. Bộ chính trị không ra lệnh khui vụ Pờ Mu 18, bắt giam và truy tố Nguyễn Việt Tiến. Miến tố Nguyễn Việt Tiến là đúng, bắt hắn mới sai, sai thì phải sửa sai. Nguyễn Việt Tiến là một cấp lãnh đạo tài giỏi và trong sạch. Hắn tốt nghiệp đại học chính quy chứ không phải đại học chuyên tu tại chức, bằng của hắn là bằng thực chứ không phải bằng cử nhân dởm (ông Triết mỉm cười và cố làm như không liếc nhìn ông Dũng). Tài sản hắn chưa tới 20 triệu đô. Hắn là một đảng viên và một cấp lãnh đạo gương mẫu.

Ông Dũng :

- Nguyễn Việt Tiến có thể là gương mẫu so với anh Triết nhưng dưới mắt dân chúng thì cũng chẳng hơn gì ai. Lương 500 đô một tháng mà có 20 triệu hay 50 triệu đô thì cũng đều là tham nhũng cả. Vấn đề là uy tín của Đảng. Việc khui vụ Pờ Mu 18 đã làm nhân dân tin là Đảng quyết tâm chống tham nhũng. Dũng để nhân dân thất vọng. Uy tín của Đảng là trên hết. Đã bắt là phải xử, dù là bắt oan đi nữa. Đảng không thể sai được. Tôi đề nghị tiếp tục xử tôi Nguyễn Việt Tiến, nếu cần xử lại luôn vụ Bùi Tiến Dũng, cho hắn một bản án thật nặng để giữ uy tín cho Đảng và Nhà nước.

Ông Triết không giấu được sự bức bối :

- Anh Dũng nói như vậy mà nghe được hả ? Bắt rồi miến tố, tuyên bố vô tội rồi lại buộc tội. Thế mới là làm mất uy tín của Đảng, thế mới là hại Đảng. Dũng là...

Đến đây tổng bí thư Nông Đức Mạnh can thiệp :

- Yêu cầu hai anh Triết và Dũng đừng cãi nhau tay đôi. Theo tôi vụ này đã gây tai tiếng lầm rồi, không nên quay thêm nữa. Điều chúng ta cần làm là rút kinh nghiệm để những vụ việc như vậy đừng xảy ra nữa.

Đa số bộ chính trị đồng ý với quan điểm của ông Mạnh. Các

MỤC LỤC

01. Nguy cơ thiếu sót lại ló dạng

Thống Luận

02. Một bài học từ biến cố 30-4-1975

Nguyễn Gia Kiêng

05. Dân chủ xã hội - Dân chủ khai phóng - Dân chủ đa nguyên

Phạm Việt Vinh

06. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã làm được gì ?

Việt Hoàng

08. Võ Nguyên Giáp, một sự nghiệp đầy thăng trầm

Nguyễn Văn Huy

13. Thư gửi các thương nghị sĩ Mỹ

Nguyễn Văn Hiếp

14. Tây du kí

Trần Nguyên Phong

16. Nửa đường từ khổ rách đến giàu có

Nguyễn Gia Thủ thường chuyển ngữ

18. Đảng (cộng sản) còn trụ được đến bao lâu ?

Nguyễn Huy Đức chuyển ngữ

20. Thêm một kỷ tích tại châu Á

Nguyễn Huy Đức chuyển ngữ

22. Người Thượng trên Cao Nguyên : quả bom nổ chậm

Danh Sa

24. Về việc đào tạo và cấp bằng tiến sĩ tại Việt Nam

Trần Văn Thọ

27. Miếng ngon Sài Gòn

Lê Văn Hải

28. Đài Loan và an ninh trên eo biển Đông Á

Nguyễn Minh

30. Thời sự Việt Nam

Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Sơn Bá, Nghiêm Văn Thạch

32. Nguyễn Việt Tiến : nguyên nhân và biện pháp

Đáy

Ủy viên Bộ chính trị yêu cầu ông Lê Hồng Anh rõ nguyên do xảy ra vụ này. Ông Lê Hồng Anh chậm rãi nói :

- Vụ này chỉ ngẫu nhiên mà xảy ra thôi chứ chẳng ai chủ mưu cả. Chẳng qua là một hôm một đại tá cục hình sự bắt gặp một đám sĩ quan mới tốt nghiệp đang đánh bài ở phòng họp, anh ta quát lên : "Chúng mày không có việc gì làm hay sao mà tụ họp đánh bài ?". Cả bọn đều nói là chúng nó không có công tác gì cả. Anh đại tá giận quá mắng : "Vậy mà không biết lấy xe đi tuần ngoài phố quan sát và bảo đám trật tự an ninh hả ? Cút ngay!". Cả bọn lấy xe đi tuần. Vừa ra tới công viên Ba Đình thì gặp một đám đang đánh bài trên cỏ. Chúng nó bảo nhau : "Mình chỉ đánh bài chơi thôi mà bị mắng, bọn này lại dám đánh bài ăn tiền ngay giữa thanh thiên bạch nhật, phải cho chúng nó một bài học". Thế là cả bọn xông vào bắt bọn kia. Muốn tỏ ra tích cực chúng giải từng đúp về khám nhà. Khi khám nhà một tên thì lòi ra bên lai cá độ bóng đá hai triệu đô của Bùi Tiến Dũng, rồi cứ thế chuyện này kéo sang chuyện khác, phát giác ra Đào Đình Bình, Nguyễn Việt Tiến như các anh đã biết.

Các ủy viên Bộ chính trị đều nhận xét là ông Anh đã báo cáo rất trung thực. Rút kinh nghiệm vụ này, sau hai giờ đã thảo luận rốt ráo, Bộ chính trị nhất trí chỉ thị bộ trưởng công an Lê Hồng Anh ra lệnh cho cục công an hình sự cấm các đại tá già không được làm phiền các sĩ quan công an trẻ đang đánh bài, đồng thời cũng cấm công an không được bắt những người đánh bài tại các công viên.

Đáy